Kính gửi **: Cổ đông CTCP Xây dựng và Thiết kế số 1 (DECOFI)**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế số 1 trân trọng kính mời Quý Cổ đông đến tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (Đại hội):

1. Tổ chức Đại hội

- Thời gian: Từ 08 giờ 30 phút, Thứ Ba, ngày 14 tháng 04 năm 2026.
- Địa điểm: NOVOTEL SAIGON CENTRE – Sảnh Burgundy Room – Tầng 2, Số 167 Hai Bà Trưng, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh.

2. Thành phần tham dự Đại hội

- Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của DECOFI tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày **06/03/2026** hoặc người được cổ đông ủy quyền hợp pháp.

3. Nội dung Đại hội

- Tài liệu Đại hội và các mẫu biểu có liên quan được đăng tải trên website của DECOFI theo địa chỉ *www.decofi.vn*

4. Đăng ký tham dự Đại hội

- Quý Cổ đông vui lòng xác nhận việc tham dự hoặc ủy quyền tham dự Đại hội trước 16 giờ 30 phút ngày 10/04/2026 bằng điện thoại, hoặc email gửi cho DECOFI theo thông tin dưới đây:
  Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế số 1
  SĐT: (84.28) 3823 0276 (số máy lẻ 116 gặp Ms. Thịnh)
  Email: vp.hdqt@decofi.vn

5. Các giấy tờ vui lòng mang theo khi tham dự Đại hội

- Thư mời họp Đại hội;
- Căn cước công dân (CCCD) hoặc Căn cước hoặc Hộ chiếu;
- Văn bản ủy quyền (nếu có ủy quyền).

6. Lưu ý

Mọi thắc mắc liên quan đến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, Quý Cổ đông vui lòng liên hệ với Ban Tổ chức Đại hội thông qua số máy: (84.28) 3823 0276 (số máy lẻ 116 - Ms. Thịnh)

Rất hân hạnh được đón tiếp.

Trân trọng kính mời./.

Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2026

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1

PHẠM HÙNG CƯỜNG

CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Thời gian: Từ 8h30, Thứ Ba, ngày 14 tháng 04 năm 2026.

Địa điểm: NOVOTEL SAIGON CENTRE – Sảnh Burgundy Room – Tầng 2, Số 167 Hai Bà Trưng, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh.

Thời gian dự kiến	Nội dung	Thực hiện
8h30 – 9h	**1. Đăng ký cổ đông**	Ban Tổ chức
	Đón tiếp Đại biểu, cổ đông đăng ký tham dự Đại hội.	
	Kiểm tra tư cách cổ đông và nhận tài liệu tham dự Đại hội.	
9h – 9h30	**2. Khai mạc**	Ban Tổ chức
	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và thành phần tham dự Đại hội.	
	Báo cáo Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.	Ban Kiểm tra tư cách cổ đông
	Giới thiệu và thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch.	Ban Tổ chức
	Giới thiệu và thông qua thành phần Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu.	
	Thông qua Chương trình Đại hội.	
	Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội.	
	Phát biểu khai mạc Đại hội.	Chủ tịch HĐQT
9h30 – 10h	**3. Nội dung Đại hội**	
	Báo cáo hoạt động của HĐQT.	Chủ tịch HĐQT
	Báo cáo hoạt động của thành viên HĐQT độc lập.	TV độc lập
	Báo cáo hoạt động của BKS.	Trưởng BKS
	Báo cáo của TGĐ về hoạt động kinh doanh.	TGĐ
10h – 10h30	***Trình bày các tờ trình***	Đoàn Chủ tịch
	Tờ trình thông qua BCTC kiểm toán năm 2025.	
	Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026.	
	Tờ trình thông qua ngân sách hoạt động của HĐQT và BKS.	

Thời gian dự kiến	Nội dung	Thực hiện
	Tờ trình thông qua danh sách đơn vị thực hiện kiểm toán và soát xét BCTC năm 2026.	
	Tờ trình thông qua bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty.	
	Tờ trình thông qua góp vốn/mua cổ phần; thành lập, mua lại để trở thành công ty con.	
	Tờ trình thông qua niêm yết cổ phiếu.	
	Tờ trình thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.	
	Tờ trình thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.	
	Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.	
	Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Công ty.	
	Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.	
	Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.	
	Tờ trình thông qua miễn nhiệm/bầu bổ sung thành viên BKS.	
10h30 - 10h45	**Bầu thay thế thành viên Ban kiểm soát**	Ban Tổ chức
	Thông qua Quy chế bầu cử bổ sung thành viên BKS.	
	Tờ trình thông qua Danh sách ứng cử viên bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2029.	
	Đại hội tiến bành bầu thành viên BKS.	
10h45 – 11h	Đại hội tiến hành thảo luận, cho ý kiến và biểu quyết thông qua nội dung các báo cáo, tờ trình, bầu bổ sung thành viên thành viên BKS	Đoàn Chủ tịch
11h –11h15	Đại hội nghỉ giải lao.	
11h15 – 11h30	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết và kết quả bầu thành viên BKS	Ban Kiểm phiếu
11h30 – 11h45	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.	Ban Thư ký

Thời gian dự kiến	Nội dung	Thực hiện
12h	Bế mạc Đại hội.	Đoàn Chủ tịch

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 04 năm 2026

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

PHẠM HÙNG CƯỜNG

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Ngày 14 tháng 04 năm 2026

DECOFI

THẺ BIỂU QUYẾT

Tên cổ đông:

Số CCCD/GPKD:

Số cổ phần sở hữu:

Số cổ phần tham dự:

Tên người được ủy quyền:

Số cổ phần được ủy quyền:

THỂ LỆ BIỂU QUYẾT

1. **Cổ đông biểu quyết** (Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến) một vấn đề trong phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu (X) duy nhất vào ô tương ứng với ý kiến của mình.
2. Trường hợp điền sai hoặc thay đổi ý kiến, cổ đông chọn tiếp vào ô đúng và khoanh tròn dấu (X) đã điền sai và ký tên vào bên cạnh dấu (X) đã điền sai.
3. **Những PHIẾU/ ĐỀ MỤC không hợp lệ:**
   - Phiếu không hợp lệ: Khi *không có chữ ký và họ tên* của cổ đông/đại diện cổ đông hoặc/và *tất cả các Đề mục đều không hợp lệ.*
   - Đề mục không hợp lệ: Đề mục Tờ trình nào cổ đông/đại diện cổ đông *để trống tất cả hoặc đánh dấu chéo vào cả hai ô hoặc vừa đánh dấu chéo vừa viết thêm ý kiến khác.*

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1

ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Ngày 14 tháng 04 năm 2026

DECOFI

PHIẾU BIỂU QUYẾT

THÔNG QUA BÁO CÁO, TỜ TRÌNH

Mã số:

Tên cổ đông:
Số CCCD/GPKD:
Số cổ phần sở hữu:
Tên người được ủy quyền:
Số cổ phần được ủy quyền:
Tổng số cổ phần tham dự:

Stt	Nội dung	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị			
2	Thông qua Báo cáo hoạt động của thành viên HĐQT độc lập			
3	Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát			
4	Thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về hoạt động kinh doanh			
5	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025			
6	Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026			
7	Tờ trình thông qua ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát			
8	Tờ trình thông qua danh sách đơn vị thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính năm 2026			
9	Tờ trình thông qua bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty			

Stt	Nội dung	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
10	Tờ trình thông qua góp vốn/mua cổ phần; thành lập, mua lại để trở thành công ty con			
11	Tờ trình thông qua niêm yết cổ phiếu			
12	Tờ trình thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức			
13	Tờ trình thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu			
14	Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty			
15	Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ công ty			
16	Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị			
17	Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát			
18	Tờ trình thông qua miễn nhiệm/bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát			

Xác nhận của cổ đông/ Đại diện cổ đông

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỂ LỆ BIỂU QUYẾT

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, nguyên tắc bầu cử thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát.

- Số thành viên BKS được bầu trong nhiệm kỳ mới là 1 **thành viên.**
- VD: Cổ đông A sở hữu **1.000 cổ phần** thì số phiếu bầu cử thành viên BKS: **1.000 x 1 = 1.000 phiếu.**

Mỗi cổ đông tiến hành chọn ứng cử viên bằng cách ghi số phiếu bầu của mình cho từng ứng cử viên mình chọn sao cho tổng cộng số phiếu bầu cho tất cả các ứng cử viên mà cổ đông chọn bằng hoặc nhỏ hơn tổng phiếu bầu của cổ đông. Cổ đông có thể dồn hết phiếu cho 01 ứng cử viên hoặc chia ra cho một số ứng cử viên.

Cổ đông không bầu cho thành viên trong danh sách bầu cử thì cột "Số phiếu bầu" sẽ để trống và phiếu bầu này được xem là phiếu trắng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1

ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Ngày 14 tháng 04 năm 2026

DECOFI

PHIẾU BẦU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Mã số:

Tên cổ đông:

Số CCCD/GPKD:

Số cổ phần sở hữu:

Tổng số phiếu bầu:

Tên người được UQ:

Tổng số phiếu bầu được UQ:

BẦU THÀNH VIÊN BKS:

Stt	Họ và tên	Số phiếu bầu
1	Lê Cao Cảnh	

Xác nhận của cổ đông/ Đại diện cổ đông

(Ký, ghi rõ họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Ngày 14 tháng 04 năm 2026

DECOFI

PHIẾU XÁC NHẬN THAM DỰ ĐẠI HỘI

Tên cổ đông:

Số CCCD/GPKD:

Số cổ phần sở hữu:

Số cổ phần tham dự:

Tên người được ủy quyền:

Số cổ phần được ủy quyền:

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 04 năm 2026

Cổ đông/Người được ủy quyền

(ký, ghi rõ họ tên)

CTCP XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1 (DECOFI)	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 04 năm 2026*

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản bổ sung, sửa đổi và hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản bổ sung, sửa đổi và hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP Xây dựng và Thiết kế Số 1;*
- *Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.*

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị về việc tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2026, với các nội dung cơ bản như sau:

1. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025:
   - Tổng tài sản: 1.685.829.401.598 đồng.
   - Doanh thu thuần: 1.969.711.686.292 đồng.
   - Lợi nhuận trước thuế: 95.207.211.864 đồng.
   - Lợi nhuận sau thuế: 75.539.656.121 đồng.
2. Kế hoạch kinh doanh năm 2026:
   - Doanh thu: 2.800.000.000.000 đồng.
   - Lợi nhuận sau thuế: 100.000.000.000 đồng.

Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động của thành viên HĐQT độc lập.

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát.

Điều 4. Thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về hoạt động kinh doanh.

Điều 5. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 (theo tờ trình đính kèm).

Điều 6. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 với các nội dung cơ bản như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:

   Áp dụng Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Công ty cổ phần chỉ được trích lập các quỹ Công ty, trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

   - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025: 75.539.656.121 đồng.
   - Lợi nhuận sau thuế 2025 được phân phối như sau:
     + Quỹ đầu tư phát triển (5%LNST): 3.776.982.806 đồng.
     + Quỹ khen thưởng (8% LNST): 6.043.172.490 đồng.
     + Thù lao Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát: 3.428.000.000 đồng.
     + Lợi nhuận còn lại: 62.291.500.825 đồng.
     + Lợi nhuận giữ lại của các năm trước: 10.304.613.189 đồng.
     + Chia cổ tức bằng cổ phiếu (12% vốn điều lệ): 63.598.669.200 đồng
     + Tổng lợi nhuận sau thuế giữ lại sau khi trích lập các quỹ, thù lao, chia cổ tức bằng cổ phiếu: 8.997.444.814 đồng.

2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2026:
   - Trích lập Quỹ đầu tư phát triển: 10% LNST.
   - Trích lập Quỹ khen thưởng và phúc lợi: 15% LNST.
   - Tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến tối đa: 50% LNST.

Điều 7. Thông qua ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát với các nội dung cơ bản như sau:

- Ngân sách hoạt động: Ngân sách hoạt động (bao gồm thù lao, thưởng, các lợi ích và các chi phí khác) của HĐQT và BKS trong năm tài chính 2026 được trích từ chi phí công ty. Mức chi tối đa được xác định bằng 7% lợi nhuận sau thuế của năm tài chính 2026 và không thấp hơn 2 tỷ đồng.

Điều 8. Thông qua danh sách đơn vị thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính năm 2026.

Điều 9. Thông qua bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty.

Điều 10. Thông qua góp vốn/mua cổ phần; thành lập, mua lại để trở thành công ty con.

Điều 11. Thông qua niêm yết cổ phiếu.

Điều 12. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.

Điều 13. Thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.

Điều 14. Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty.

Điều 15. Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ công ty.

Điều 16. Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 17. Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 18. Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024 – 2029 đối với ông Vũ Ngọc Tuệ.

Điều 19. Thông qua Danh sách ứng cử viên bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2029.

Điều 20. Thông qua kết quả bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024 – 2029.

Thành viên Ban kiểm soát bầu bổ sung: Ông Lê Cao Cảnh.

Điều 21. Điều khoản thi hành.

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1 thông qua ngày 14 tháng 04 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các Ông/Bà thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể cổ đông của Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai theo thẩm quyền, chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Nơi nhận:
- Như Điều 21;
- UBCKNN, HNX;
- Lưu: VP.HĐQT.

PHẠM HÙNG CƯỜNG

QUY CHẾ

TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành ("Luật Doanh nghiệp");*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thi hành;*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP Xây dựng và Thiết kế Số 1.*

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1 diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng Quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội như sau:

I. MỤC ĐÍCH

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1 diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội cổ đông, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI

- Đối tượng: Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là cá nhân/tổ chức được ủy quyền đại diện dự họp và khách mời Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1 đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- Phạm vi áp dụng: Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1.

III. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ/TỪ VIẾT TẮT

- Công ty: Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1
- HĐQT: Hội đồng quản trị
- BKS: Ban Kiểm soát
- BTC: Ban Tổ chức Đại hội
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông

- Đại biểu: Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)

IV. NỘI DUNG QUY CHẾ

1. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

- Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết, theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để triệu tập họp Đại hội.
- Trường hợp không có đủ số lượng Đại biểu cần thiết để tổ chức Đại hội lần thứ nhất, cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ được triệu tập lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai này chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số Đại biểu cần thiết, cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần hai, và trong trường hợp này cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà ĐHĐCĐ lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

2. Điều kiện cổ đông tham dự Đại hội

Các cổ đông của Công ty theo danh sách chốt ngày **06/03/2026** đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

3. Khách mời tại Đại hội

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.
- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

4. Đại biểu tham dự Đại hội phải tuân thủ

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, giấy tờ tùy thân,… theo yêu cầu của BTC.
- Nhận hồ sơ tài liệu phục vụ Đại hội tại bộ phận đón tiếp trước hội trường Đại hội.
- Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi Đại biểu đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại.

- Tuân thủ các quy định của BTC, của Chủ tọa điều hành Đại hội.
- Trường hợp có Đại biểu không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất Đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

5. Chủ tọa Đại hội

- Chủ tịch HĐQT sẽ là Chủ tọa điều hành Đại hội hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm Chủ tọa điều hành Đại hội. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm Chủ tọa thì Trưởng BKS điều hành để ĐHDCĐ bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.
- Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tọa:
  - Điều hành công việc của Đại hội theo chương trình, quy chế làm việc của Đại hội.
  - Phân công, giới thiệu đại diện thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, BKS Công ty trình bày các quy chế, báo cáo, tờ trình tại Đại hội.
  - Giới thiệu thành phần Đoàn Chủ tịch để Đại hội biểu quyết.
  - Giới thiệu thành phần Ban Thư ký để Đại hội biểu quyết.
  - Giới thiệu thành phần Ban Kiểm phiếu để Đại hội biểu quyết.
  - Hướng dẫn các Đại biểu thảo luận.
  - Trình bày các nội dung và kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.
  - Trả lời và ghi nhận những vấn đề thuộc nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua.
  - Phê chuẩn, ban hành các văn bản, kết quả, biên bản, nghị quyết của Đại hội sau khi kết thúc Đại hội.

6. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội do HĐQT quyết định. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội nhận giấy tờ của cổ đông hoặc người được ủy quyền đến họp để kiểm tra tính hợp lệ và đối chiếu với danh sách cổ đông có quyền dự họp chốt ngày **06/03/2026**; phát Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu bổ sung thành viên BKS; Các báo cáo, tờ trình và các tài liệu khác trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

7. Thư ký Đại hội

- Nhiệm vụ và quyền hạn:
  - Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội.

- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu.
- Lập biên bản họp ĐHĐCĐ.
- Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp ĐHĐCĐ và thông báo đến các cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Chủ tọa và Thư ký cuộc họp có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

8. Ban Kiểm phiếu

- Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa giới thiệu để Đại hội thông qua biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết.
- Nhiệm vụ của Ban Kiểm phiếu:
  - Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết và bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2024 - 2029.
  - Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết và phiếu bầu bổ sung thành viên BKS; lập biên bản kiểm phiếu và biên bản bầu bổ sung thành viên BKS, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết và kết quả bầu bổ sung thành viên BKS.

9. Phát biểu tại Đại hội

Đại biểu tham dự đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội. Đại biểu phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua hoặc gửi ý kiến bằng văn bản cho Thư ký Đại hội tổng hợp báo cáo Chủ tọa. Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho Đại biểu phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của Đại biểu tại Đại hội hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản.

10. Thể lệ biểu quyết tại Đại hội

a. Các quy định chung về biểu quyết

- Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một đơn vị biểu quyết.
- Mỗi Đại biểu đến tham dự Đại hội sẽ được BTC Đại hội phát:
  - Một (01) "**Thẻ biểu quyết**" có ghi mã Đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu treo Công ty. Phương thức này dùng để thông qua các vấn đề chung trong Đại hội trừ các báo cáo và tờ trình tại Đại hội (tờ trình danh sách ứng viên bầu bổ sung thành viên BKS được thông qua bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết).
  - Một (01) "**Phiếu biểu quyết**" có ghi mã Đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu treo Công ty dùng để biểu quyết đối với các

báo cáo, tờ trình trong Đại hội. Phương thức này dùng để thông qua các báo cáo và tờ trình tại Đại hội (trừ tờ trình danh sách ứng viên bầu bổ sung thành viên BKS).

- Một (01) "**Phiếu bầu bổ sung thành viên BKS**" có ghi mã Đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu treo Công ty dùng để bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2024 – 2029.

b. Thể thức biểu quyết

Tất cả các vấn đề tại Đại hội sẽ được biểu quyết thông qua các phương thức sau:

- *Phương thức giơ "Thẻ biểu quyết":* Mỗi Đại biểu được phát một (01) Thẻ biểu quyết. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, các Đại biểu biểu quyết thì giơ Thẻ biểu quyết lên cao. Phương thức này dùng để thông qua các vấn đề chung trong Đại hội trừ các báo cáo và tờ trình tại Đại hội (tờ trình danh sách ứng viên bầu bổ sung thành viên BKS được thông qua bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết).

  Theo đó, từng vấn đề được đưa ra trước Đại hội thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ đều được xin ý kiến theo trình tự:

  - Tán thành (đồng ý) với nội dung vừa được trình;
  - Không tán thành (không đồng ý) với nội dung vừa được trình;
  - Không có ý kiến với nội dung vừa được trình.

- *Phương thức nộp "Phiếu biểu quyết":* Mỗi Đại biểu được phát một (01) Phiếu biểu quyết trong đó có ba (03) ý kiến: tán thành, không tán thành, không có ý kiến với từng vấn đề. Đại biểu sẽ đánh dấu "X" vào ô lựa chọn. Phương thức này dùng để thông qua các báo cáo và tờ trình tại Đại hội (trừ tờ trình danh sách ứng viên bầu bổ sung thành viên BKS).

c. Thể lệ biểu quyết

- Cứ một (01) cổ phần tương đương với một (01) quyền biểu quyết. Mỗi Đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp một (01) Thẻ biểu quyết và một (01) Phiếu biểu quyết.
- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày **06/03/2026**), tổng số cổ phần của Công ty là: **52.998.891** cổ phần tương đương với **52.998.891** quyền biểu quyết.
- Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi có số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại khoản 1, Điều 32 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty thì phải có sự chấp thuận của cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

d. Thể lệ bầu cử

Việc bầu bổ sung thành viên BKS được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Thực hiện theo Quy chế bầu cử bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2024 – 2029.

11. Ghi nhận kết quả biểu quyết và kết quả bầu bổ sung thành viên BKS

- Tại Đại hội, ĐHĐCĐ sẽ thông qua Ban Kiểm phiếu.
- Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại ĐHĐCĐ.
- Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu bầu bổ sung thành viên BKS và chịu trách nhiệm ghi nhận và báo cáo kết quả bầu tại ĐHĐCĐ theo Quy chế bầu cử bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2024 - 2029.
- Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử sau khi kiểm sẽ được lưu trữ theo quy định.

V. THỰC HIỆN

- Tất cả các Đại biểu, người đại diện, khách mời tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại quy chế này, các quy định, nội quy, quy chế quản lý hiện hành của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.
- Tất cả các Đại biểu, người đại diện, khách mời tham dự Đại hội có trách nhiệm chấp hành các quyết định của Chủ tọa, BTC Đại hội, nếu vi phạm tùy theo mức độ phải chấp thuận các biện pháp xử lý của Chủ tọa Đại hội như việc hạn chế không được phát biểu, trục xuất ra khỏi hội trường nơi diễn ra Đại hội, không được tham gia biểu quyết, bầu cử hoặc chuyển sang cơ quan pháp luật xử lý theo trình tự quy định của pháp luật.
- Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, các sửa đổi bổ sung, và các văn bản hiện hành có liên quan của Nhà nước.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:
- Cổ đông;
- Lưu VP.HĐQT.

TP.HCM, ngày 08 tháng 04 năm 2026

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

PHẠM HÙNG CƯỜNG

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026

***Kính gửi*: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế số 1 (DECOFI) trân trọng báo cáo đến toàn thể Quý vị cổ đông về kết quả hoạt động của Công ty năm 2025, đồng thời trình bày kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2026, với các mục tiêu và chiến lược phát triển cụ thể, nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động và phát triển bền vững của Công ty.

I. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TỔNG KẾT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025.

1. Đánh giá thực trạng hiện nay của Công ty.

Trong bối cảnh ngành xây dựng tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức như biến động nguồn cung, giá nguyên vật liệu tăng cao, áp lực cạnh tranh ngày càng lớn và những thay đổi trong các quy định pháp lý, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành nói chung gặp không ít khó khăn. Trong bối cảnh đó, Công ty đã nỗ lực triển khai các giải pháp quản trị và điều hành nhằm thực hiện các mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua, duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển trong các năm tiếp theo.

Năm 2025, mặc dù ngành xây dựng vẫn đối mặt với nhiều thách thức, Công ty đã đạt được những kết quả tích cực. Công ty đã hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua. Cụ thể:

- **Doanh thu năm 2025:** 1.969,71 tỷ đồng, đạt **103,67% kế hoạch**, tăng **48,50%** so với năm 2024.
- **Lợi nhuận sau thuế:** 75,54 tỷ đồng, đạt **107,91% kế hoạch**, tăng **91,80%** so với năm 2024.

Trong bối cảnh kinh tế còn nhiều biến động và không thuận lợi, kết quả sản xuất kinh doanh nêu trên thể hiện sự nỗ lực lớn của toàn thể Công ty. Hội đồng quản trị đánh giá cao sự điều hành, chỉ đạo của Ban Điều hành, đã đảm bảo mục tiêu tăng trưởng và duy trì sự ổn định trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty. Đây cũng là nền tảng quan trọng để Công ty tiếp tục phát triển trong những năm tới.

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch.

Năm 2025, Công ty hoàn thành 103,67% kế hoạch chỉ tiêu doanh thu, và 107,91% kế hoạch lợi nhuận sau thuế được ĐHĐCĐ thông qua ngày 18/04/2025, Công ty vẫn tiếp tục nỗ lực để cải thiện hiệu quả và hoàn thành các mục tiêu trong thời gian tới.

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Khoản mục	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ hoàn thành
Doanh thu	1.900	1.969,71	103,67%
Lợi nhuận sau thuế	70	75,54	107,91%

+ ***Tình hình đầu tư tài sản cố định:*** Để đáp ứng nhu cầu thi công xây dựng các công trình cao tầng và các hoạt động khác, trong năm 2025 Công ty có đầu tư mua sắm tài sản cố định bao gồm: Máy vận thăng+máy móc thiết bị khoảng 6,44 tỷ; Xe ôtô khoảng 2,25 tỷ; Container và thiết bị văn phòng khoảng 1,40 tỷ; Hoàn thành cải tạo Văn phòng khoảng 6,44 tỷ. Mua sắm giàn giáo coppha, công cụ dụng cụ, thiết bị phục vụ thi công và công tác quản lý khoảng 48,13 tỷ đồng.

+ ***Tình hình nợ phải trả:*** Nhìn chung Công ty không có biến động lớn về các khoản nợ phải trả trong năm qua. Các khoản nợ đều được quản lý và thanh toán đúng hạn, không có nợ xấu. Công ty duy trì một chính sách quản lý tài chính cẩn trọng, đảm bảo khả năng thanh toán nợ và duy trì sự ổn định tài chính. Việc kiểm soát tốt các khoản nợ giúp Công ty duy trì được uy tín trên thị trường và có đủ nguồn lực để tiếp tục triển khai các dự án mới, mở rộng hoạt động kinh doanh.

3. Kết quả sản xuất kinh doanh.

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	% 2025/2024
Tổng giá trị tài sản	1.685,83	1.041,14	161,92%
Tổng doanh thu	1.969,71	1.326,41	148,50%
Doanh thu thuần	1.969,71	1.326,41	148,50%
Lợi nhuận gộp	157,65	109,13	144,46%
Tỷ suất lợi nhuận gộp/doanh thu	8,00%	8,23%	97,21%
Doanh thu hoạt động tài chính	13,93	0,10	14.217,20%
Chi phí tài chính	17,41	8,91	195,33%
Trong đó: Chi phí lãi vay	17,41	8,91	195,33%
Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết	0	2,16	

Chi phí bán hàng	1,48	0,59	249,32%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	60,68	52,23	116,18%
Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD	92,00	49,65	185,29%
Lãi lỗ khác	3,21	0,37	872,96%
Lợi nhuận trước thuế	95,21	50,02	190,34%
Lợi nhuận sau thuế	75,54	39,38	191,80%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	1.112	732	151,91%

4. Khả năng thanh toán, cơ cấu vốn, cơ cấu tài sản và năng lực hoạt động.

Chỉ tiêu	2025	2024
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,21	1,13
Hệ số thanh toán nhanh	0,96	0,87
Hệ số nợ/tổng tài sản	0,61	0,53
Hệ số nợ vay/vốn chủ sở hữu	0,70	0,38
Tài sản lưu động/tổng tài sản	0,74	0,60
Tài sản cố định/tổng tài sản	0,04	0,06
Vòng quay hàng tồn kho	8,96	12,47
Doanh thu thuần/tổng tài sản	1,17	1,27

5. Khả năng sinh lợi

Chỉ tiêu	2025	2024
Tỷ suất LN sau thuế/DT thuần	3,84%	2,97%
Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH	11,60%	8,13%
Tỷ suất LN sau thuế/Tổng Tài sản	4,48%	3,78%
Tỷ suất LN trước thuế/DT thuần	4,83%	3,77%

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025.

1. Về cơ cấu nhân sự của Hội đồng quản trị năm 2025.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế số 1 gồm 05 thành viên, trong năm 2025 có sự thay đổi về nhân sự HĐQT, cụ thể như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Phạm Hùng Cường	Chủ tịch HĐQT	

2	Ông Chu Quang Huân	Phó CT.HĐQT	
3	Ông Nguyễn Minh Tâm	Thành viên HĐQT	
4	Ông Hồ Viết Trung	Thành viên HĐQT	
5	Ông Nguyễn Bá Thọ	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm từ ngày 21/11/2025
6	Ông Đặng Hồng Minh	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm từ ngày 21/11/2025

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025.

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị (HĐQT) đã nghiêm túc triển khai thực hiện các nội dung đã được thông qua tại **Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên và ĐHĐCĐ bất thường năm 2025**. Đồng thời, HĐQT tăng cường công tác giám sát hoạt động của Ban Điều hành (BĐH) thông qua các cuộc họp định kỳ nhằm đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thông qua các cuộc họp này, HĐQT không chỉ đánh giá tình hình hoạt động thực tế mà còn đưa ra các định hướng và giải pháp nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty trong các giai đoạn tiếp theo.

Các hoạt động của HĐQT được triển khai theo đúng kế hoạch, phù hợp với các Nghị quyết của ĐHĐCĐ; đồng thời tuân thủ nghiêm túc **Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định pháp luật có liên quan**. Các thành viên HĐQT luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được phân công, thận trọng trong việc xem xét và quyết định các vấn đề quan trọng vì lợi ích chung của Công ty và cổ đông. Công tác quản trị và điều hành được thực hiện theo nguyên tắc minh bạch, công bằng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông và các bên liên quan.

Trong năm 2025, ngoài việc tổ chức **ĐHĐCĐ thường niên vào ngày 18/04/2025**, HĐQT còn tổ chức **ĐHĐCĐ bất thường vào ngày 21/11/2025** để xem xét và quyết định một số nội dung quan trọng thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Bên cạnh việc thực hiện các nhiệm vụ chung của HĐQT, các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được phân công theo lĩnh vực phụ trách. Mỗi thành viên đều chủ động, tích cực tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình thảo luận và quyết định các vấn đề quan trọng của Công ty, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định của Công ty trong thời gian tới.

3. Các cuộc họp và văn bản đã ban hành của HĐQT trong năm 2025.

Các cuộc họp và hoạt động của HĐQT được tổ chức và tiến hành đúng theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành. Các biên bản và Nghị quyết phê duyệt, thông qua các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tập thể và cá nhân các thành viên HĐQT trong các mặt hoạt động của Công ty đều đạt được sự thống nhất của các thành viên, đảm bảo triển khai theo đúng quy định.

Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức tổng cộng 35 cuộc họp, tập trung giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT cũng như các vấn đề trọng tâm liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Danh sách các Nghị quyết, Quyết định HĐQT ban hành trong năm 2025 như sau:

Stt	Ngày	Nội dung	TV HĐQT tham dự	Hình thức ra văn bản
1	01/01/2025	Quyết định Thành lập Hội đồng xét thưởng Tết Nguyên Đán năm 2025.		Quyết định 01/2025/QĐ-HĐQT
2	20/01/2025	Nghị quyết về việc Chi hỗ trợ cho người lao động dịp tết Nguyên Đán năm 2025.	5/5	Biên bản họp 03/2025/NQ-HĐQT
3	24/01/2025	Nghị quyết về việc tạm ứng thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát năm 2024.		Biên bản họp 04/2025/NQ-HĐQT
4	17/02/2025	Quyết định Tạm ngưng kinh doanh tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xây dựng DECOFI Hoàng Ân kể từ ngày 01/03/2025 đến hết ngày 28/02/2026.	5/5	Biên bản họp 05/2025/QĐ-HĐQT
5	26/02/2025	Nghị quyết về việc Thông qua ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền của cổ đông.	5/5	Biên bản họp 06/2025/NQ-HĐQT
6	19/03/2025	Nghị quyết về việc ký hợp đồng tín dụng hạn mức tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á – Chi nhánh An Đông.	5/5	Biên bản họp 07/2025/NQ-HĐQT
7	27/03/2025	Nghị quyết thông qua chương trình và tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.	5/5	Biên bản họp 08/2025/NQ-HĐQT
8	18/04/2025	Nghị quyết Thông qua việc phân công nhiệm vụ, tạm ứng thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, thành lập Hội đồng lương Công ty năm 2025.	5/5	Biên bản họp 08A/2025/NQ-HĐQT
9	21/04/2025	Nghị quyết về việc Triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.	5/5	Biên bản họp 09/2025/NQ-HĐQT

10	25/04/2025	Nghị quyết về việc tiếp tục thực hiện giao dịch tín dụng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á – Chi nhánh An Đông.	5/5	Biên bản họp 10/2025/NQ-HĐQT
11	16/05/2025	Nghị quyết về việc Thông qua ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền của cổ đông.	5/5	Biên bản họp 11/2025/NQ-HĐQT
12	29/05/2025	Nghị quyết Thông qua việc chọn đơn vị kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính bán niên, kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.	5/5	Biên bản họp 12/2025/NQ-HĐQT
		Quyết định Thành lập Ban thu hồi công nợ.		Biên bản họp 13/2025/QĐ-HĐQT
13	03/06/2025	Nghị quyết về việc Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.	5/5	Biên bản họp 14/2025/NQ-HĐQT
14	12/06/2025	Quyết định Thành lập Hội đồng kiểm kê đánh giá chất lượng và Thanh lý tài sản Công ty thời điểm 30/06/2025.		14A/2025/QĐ-HĐQT
15	13/06/2025	Nghị quyết về việc Sửa đổi bổ sung điều lệ tổ chức và hoạt động.	5/5	Biên bản họp 15/2025/NQ-HĐQT
16	23/06/2025	Nghị quyết về việc giao dịch tín dụng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á – Chi nhánh An Đông.	5/5	Biên bản họp 16/2025/NQ-HĐQT
16	02/07/2025	Nghị quyết về việc Triển khai phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ.	5/5	Biên bản họp 17/2025/NQ-HĐQT
18	02/07/2025	Nghị quyết về việc Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.	5/5	Biên bản họp 18/2025/NQ-HĐQT
19	02/07/2025	Nghị quyết về việc Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ.	5/5	Biên bản họp 19/2025/NQ-HĐQT

20	07/07/2025	Nghị quyết về việc Sửa đổi sơ đồ tổ chức Công ty.	5/5	Biên bản họp 20/2025/NQ-HĐQT
		Quyết định bổ nhiệm Giám đốc thi công Công ty.		Biên bản họp 21/2025/QĐ-HĐQT
		Quyết định bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty.		Biên bản họp 22/2025/QĐ-HĐQT
21	10/07/2025	Nghị quyết về việc Phát hành bảo lãnh dự thầu tại Ngân hàng TMCP Quân đội-Chi nhánh Đông Sài Gòn.	5/5	Biên bản họp 21A/2025/NQ-HĐQT
22	15/07/2025	Nghị quyết Thông qua việc Thuê tài chính phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.	5/5	Biên bản họp 22A/2025/NQ-HĐQT
23	16/07/2025	Nghị quyết về việc thông qua phương án cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quân đội-Chi nhánh Đông Sài Gòn.	5/5	Biên bản họp 23/2025/NQ-HĐQT
24	18/07/2025	Nghị quyết về việc Đầu tư Container và dầm I bao che cho các dự án.	5/5	Biên bản họp 24/2025/NQ-HĐQT
25	25/07/2025	Nghị quyết về việc Phê duyệt kế hoạch mua bảo hiểm nhân thọ Generali nhân sự cấp quản lý.	5/5	Biên bản họp 25/2025/NQ-HĐQT
26	05/08/2025	Nghị quyết về việc Mua vận thăng cho Dự án Khu chung cư cao tầng kết hợp thương mại-dịch vụ văn phòng.	5/5	Biên bản họp 26/2025/NQ-HĐQT
27	07/08/2025	Nghị quyết về việc Xác định giá chào bán cổ phiếu riêng lẻ.	5/5	Biên bản họp 27/2025/NQ-HĐQT
28	07/08/2025	Nghị quyết về việc Mở hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quân đội-Chi nhánh Đông Sài Gòn.	5/5	Biên bản họp 28/2025/NQ-HĐQT
29	26/08/2025	Nghị quyết về việc Thông qua phương án cấp tín dụng hạn mức tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam-Chi nhánh Sài Gòn.	5/5	Biên bản họp 29/2025/NQ-HĐQT

30	11/09/2025	Nghị quyết về việc Cử đại diện vốn góp của Công ty tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xây dựng DECOFI Hoàng Ân.	5/5	Biên bản họp 29A/2025/NQ-HĐQT
31	15/09/2025	Nghị quyết về việc Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ.	5/5	Biên bản họp 30/2025/NQ-HĐQT
32	23/09/2025	Nghị quyết về việc Sửa đổi bổ sung điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.	5/5	Biên bản họp 31/2025/NQ-HĐQT
33	07/10/2025	Nghị quyết về việc Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2025.	5/5	Biên bản họp 32/2025/NQ-HĐQT
34	15/10/2025	Nghị quyết về việc Thông qua phương án cấp tín dụng hạn mức tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam Techcombank-Chi nhánh Bình Dương.	5/5	Biên bản họp 32A/2025/NQ-HĐQT
35	16/10/2025	Nghị quyết về việc Ký hợp đồng tín dụng hạn mức tại Ngân hàng TMCP An Bình-Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.	5/5	Biên bản họp 32B/2025/NQ-HĐQT
36	30/10/2025	Nghị quyết về việc Thông qua chương trình và tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2025.	5/5	Biên bản họp 33/2025/NQ-HĐQT
37	17/11/2025	Nghị quyết về việc Thông qua việc thay đổi mẫu con dấu.	5/5	Biên bản họp 34/2025/NQ-HĐQT
38	21/11/2025	Nghị quyết về việc Thông qua việc phân công nhiệm vụ các thành viên Hội đồng quản trị.	5/5	Biên bản họp 35/2025/NQ-HĐQT
39	10/12/2025	Quyết định Thành lập Hội đồng kiểm kê đánh giá chất lượng và Thanh lý tài sản Công ty thời điểm 31/12/2025.		36/2025/QĐ-HĐQT

4. Báo cáo về giao dịch với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị.

HĐQT/BLQ	Mối quan hệ	Nội dung	Giá trị giao dịch (đồng)

Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Eco Grand Land	Bên liên quan	- Thi công xây dựng	19.073.416.222
Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Phúc An Gia	Bên liên quan	- Thi công xây dựng - Điện, nước thi công	299.316.426.741 462.749.438
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Green View	Bên liên quan	- Thi công xây dựng	31.883.615.792

5. Thù lao Hội đồng quản trị, thưởng và các lợi ích khác năm 2025.

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 mức thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát (BKS) tối đa 7% lợi nhuận sau thuế của năm tài chính. Trong năm 2025 thù lao của HĐQT và BKS được quyết toán là 3.428.000.000 đồng, bằng 4,5% lợi nhuận sau thuế. Trong đó thù lao của HĐQT: 2.636.000.000 đồng và BKS: 792.000.000 đồng. Chi tiết thù lao HĐQT như sau:

Stt	Họ và Tên	Chức vụ	Số tiền (đồng)
1	Ông Phạm Hùng Cường	Chủ tịch HĐQT	2.060.000.000
2	Ông Chu Quang Huân	Phó Chủ tịch HĐQT	144.000.000
3	Ông Nguyễn Minh Tâm	TV. HĐQT	144.000.000
4	Ông Nguyễn Bá Thọ	TV. HĐQT	132.000.000
5	Ông Hồ Viết Trung	TV. HĐQT	144.000.000
6	Đặng Hồng Minh	TV. HĐQT	12.000.000

6. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các hoạt động của Ban điều hành

Trong bối cảnh năm 2025 còn nhiều khó khăn và thách thức đối với ngành xây dựng, Ban Điều hành (BĐH) đã chủ động triển khai các giải pháp điều hành linh hoạt, thể hiện tinh thần trách nhiệm và quyết tâm cao trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Các hoạt động điều hành của BĐH được thực hiện đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, đồng thời tuân thủ các nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị (HĐQT).

a. Triển khai thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị

BĐH đã nghiêm túc và hiệu quả trong việc triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT; chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện và tổ chức triển khai các nhiệm vụ được giao, góp phần đảm bảo các mục tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện đúng tiến độ và đạt hiệu quả.

b. Thực hiện nghĩa vụ tài chính và chính sách đối với người lao động

BĐH đã thực hiện đầy dủ các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước theo đúng quy định của pháp luật, bao gồm nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp ngân sách.

Đồng thời, Công ty luôn đảm bảo thực hiện tốt các chính sách đối với người lao động như chi trả tiền lương đầy đủ và đúng hạn, thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định; trang bị các điều kiện làm việc cần thiết và từng bước cải thiện môi trường làm việc nhằm nâng cao hiệu quả và sự gắn bó của người lao động với Công ty.

c. Duy trì chế độ giao ban, điều hành hoạt động

BĐH duy trì chế độ giao ban định kỳ nhằm đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh, kịp thời rút kinh nghiệm và đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai các dự án. Qua đó, góp phần đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được triển khai ổn định và hiệu quả.

d. Thực hiện chế độ báo cáo

BĐH đã thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định, bao gồm báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính và báo cáo thường niên. Các báo cáo được lập đầy đủ, chính xác và kịp thời, giúp HĐQT và cổ đông có đầy đủ thông tin để theo dõi và đánh giá hoạt động của Công ty.

Nhờ sự chỉ đạo sát sao của HĐQT cùng với sự nỗ lực của BĐH và toàn thể cán bộ công nhân viên, Công ty đã vượt qua nhiều khó khăn, hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025, tạo nền tảng thuận lợi để tiếp tục triển khai các mục tiêu phát triển trong năm 2026 và các năm tiếp theo.

7. Thu nhập của Ban Điều hành, Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng năm 2025.

Trong năm 2025 thu nhập của Ban Điều hành, Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng là: 6.143.283.969 đồng, chi tiết như sau:

Stt	Họ và Tên	Chức vụ	Số tiền (đồng)
1	Ông Nguyễn Minh Tâm	Tổng Giám đốc	2.015.516.310
2	Ông Chu Quang Huân	Phó Tổng Giám đốc	1.884.163.291
3	Ông Trần Thuận Lợi	Phó Tổng Giám đốc	406.033.755
4	Ông Lê Thanh Tùng	Giám đốc tài chính	877.445.237
5	Ông Dương Đình Tâm	Kế toán trưởng	960.125.376

8. Tình hình triển khai các nội dung tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Báo cáo tiến độ thực hiện các phương án theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHCĐ ngày 18/04/2025 như sau:

a. Thu hồi các khoản đầu tư:

Tình hình triển khai của 2 dự án hợp tác đầu tư cụ thể như sau:

- Hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Kỷ Nguyên để thực hiện dự án Khu dân cư nông thôn kiểu mẫu Đambri (giai đoạn 1) tại xã Đambri, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng: Đã nghiệm thu hoàn thành cơ sơ hạ tầng với cơ quan chức năng nhà nước tháng 06/2025

- Hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Green View để thực hiện dự án Khu dân cư nông thôn kiểu mẫu Green View tại xã Đambri, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng: Đã nghiệm thu hoàn thành xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật với cơ quan chức năng nhà nước tháng 12/2025.

Hiện nay, cả hai dự án đang trong giai đoạn chờ cơ quan chức năng phê duyệt giá chuyển mục dích sử dụng đất để làm cơ sở triển khai kế hoạch kinh doanh và bán hàng. Vì vậy, việc thu hồi vốn hợp tác trong năm 2025 chưa mang lại hiệu quả tối ưu cho Công ty, Hội đồng Quản trị quyết định chưa thực hiện thu hồi vốn hợp tác tại hai dự án này, đồng thời tiếp tục theo dõi tiến độ và sẽ xem xét phương án thu hồi vốn vào thời điểm phù hợp nhằm đảm bảo hiệu quả đầu tư cho Công ty.

b. Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu:

Công ty đã phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Nghị quyết HĐQT số 09/2025/NQ-HĐQT ngày 21/04/2025 và Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐQT ngày 03/06/2025 về việc thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

c. Phát hành cổ phiếu riêng lẻ:

Công ty đã phát hành cổ phiếu riêng lẻ theo Nghị quyết HĐQT số 17/2025/NQ-HĐQT ngày 02/07/2025 và Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐQT ngày 15/09/2025 về việc thông qua kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ.

Công ty đã lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán, được kiểm toán theo quy định và đã thực hiện công bố thông tin. (Đính kèm báo cáo).

d. Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP):

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP). Tuy nhiên, trong năm 2025

Công ty chưa triển khai thực hiện; khi có kế hoạch cụ thể, Công ty sẽ trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua theo quy định.

III. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026.

❖ **Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026.**

- Doanh thu năm 2026: **2.800 tỷ đồng.**
- Lợi nhuận sau thuế: **100 tỷ đồng.**

❖ **Các giải pháp để thực hiện.**

Trong năm 2026, Hội đồng quản trị sẽ tập trung chỉ đạo và triển khai các giải pháp trọng tâm nhằm thực hiện hiệu quả các mục tiêu sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, cụ thể như sau:

• Tăng cường chỉ đạo và giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh

HĐQT sẽ tiếp tục chỉ đạo sát sao và giám sát Ban Điều hành trong việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026; tổ chức các cuộc họp định kỳ để theo dõi tiến độ, đánh giá hiệu quả hoạt động và kịp thời đưa ra các giải pháp điều chỉnh phù hợp.

• Mở rộng thị trường và phát triển đối tác

Tiếp tục tìm kiếm và mở rộng thị trường trong và ngoài nước, đồng thời tăng cường hợp tác với các đối tác chiến lược nhằm gia tăng cơ hội phát triển dự án, mở rộng thị phần và nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty.

Bên cạnh đó, nhằm chủ động hơn trong việc cung cấp nguồn vật liệu xây dựng phục vụ thi công các công trình, Hội đồng quản trị định hướng nghiên cứu và đề xuất đầu tư vào các mỏ cát, mỏ đá có tiềm năng. Việc đầu tư này không chỉ giúp đảm bảo nguồn cung vật liệu ổn định, kiểm soát chi phí đầu vào mà còn góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong dài hạn.

• Phát triển thương hiệu và nâng cao hình ảnh doanh nghiệp

Đẩy mạnh hoạt động truyền thông và phát triển thương hiệu thông qua các kênh thông tin chính thức của Công ty, góp phần nâng cao mức độ nhận diện thương hiệu và khẳng định uy tín của Công ty trên thị trường.

• Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Tiếp tục thực hiện các chính sách đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và thu hút nhân tài; xây dựng đội ngũ cán bộ, kỹ sư và công nhân lành nghề, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của các dự án và chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.

• Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và nâng cao năng lực quản trị

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác quản trị và điều hành; triển khai các hệ thống phần mềm quản lý trong các lĩnh vực tài chính – kế toán, quản lý dự án, quản lý hồ sơ và quy trình nội bộ, nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, tăng tính minh bạch thông tin và tối ưu chi phí hoạt động.

Từng bước số hóa dữ liệu và quy trình làm việc, xây dựng hệ thống lưu trữ và quản lý dữ liệu tập trung, phục vụ hiệu quả công tác quản lý, điều hành và hỗ trợ Ban lãnh đạo trong việc ra quyết định.

Đồng thời, tăng cường ứng dụng công nghệ trong quản lý thi công và quản lý dự án, góp phần nâng cao năng suất lao động và hiệu quả hoạt động của Công ty.

• Quản trị tài chính và thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước

Tăng cường công tác quản lý tài chính, kiểm soát chi phí và sử dụng hiệu quả nguồn vốn; đồng thời đảm bảo thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính và nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật.

• Minh bạch thông tin và bảo vệ quyền lợi cổ đông

Thực hiện công bố thông tin đầy đủ, minh bạch theo quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng; đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, đồng thời hướng tới mục tiêu gia tăng giá trị doanh nghiệp và phát triển bền vững.

Trân trọng cảm ơn!

TP.HCM, ngày 04 tháng 05 năm 2026

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

PHẠM HÙNG CƯỜNG

Nơi nhận:
- *Cổ đông;*
- *Lưu VP.HĐQT.*

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN 10 TRIỆU CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ NĂM 2025 ĐẾN NGÀY 06/10/2025

đã được kiểm toán

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN 10 TRIỆU CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ NĂM 2025 ĐẾN NGÀY 06/10/2025	06
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN 10 TRIỆU CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ NĂM 2025 ĐẾN NGÀY 06/10/2025	07 - 12

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và các báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán 10 triệu cổ phiếu riêng lẻ năm 2025 đến ngày 06/10/2025 (sau đây được gọi chung là "Báo cáo tình hình sử dụng vốn").

Khái quát

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1 là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 792/QĐ/BNN-TCCB ngày 21 tháng 03 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103001711 ngày 14 tháng 07 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số doanh nghiệp 0301248798 và các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi.

Hoạt động chính của Công ty là: Thi công xây dựng, cho thuê nhà xưởng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát tại ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Hùng Cường	Chủ tịch
Ông Chu Quang Huân	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Minh Tâm	Thành viên
Ông Hồ Viết Trung	Thành viên độc lập
Ông Đặng Hồng Minh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Minh Tâm	Tổng Giám đốc
Ông Chu Quang Huân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thuận Lợi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Tùng	Giám đốc tài chính

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Bình An	Trưởng ban
Bà Lê Thị Minh	Thành viên
Ông Vũ Ngọc Tuệ	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán NVA đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán 10 triệu cổ phiếu riêng lẻ năm 2025 đến ngày 06/10/2025 cho Công ty.

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Minh Tâm.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn phản ánh trung thực, hợp lý tình hình sử dụng vốn. Trong quá trình thực hiện, Công ty phải đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các văn kiện pháp lý khác có liên quan. Trong quá trình lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tình hình sử dụng vốn trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình vốn góp của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tình hình sử dụng vốn tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết Báo cáo tình hình sử dụng vốn đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình sử dụng vốn phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và các Thông tư 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024, Thông tư 18/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 4 năm 2025. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán, Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 0301248792 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chu Quang Huân
Phó Tổng Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2026

AUDIT AND ASSURANCE

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NVA
NVA AUDITING COMPANY LIMITED
Số 196 Vũ Tông Phan, Phường Bình Trưng, TP. HCM

Tel : (028) 3910 3908 - (028) 3910 6162
Email: nva@nva.com.vn
Web : www.nva.com.vn

Số: **28.12.3.1/25/BCV/NVA**

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán 10 triệu cổ phiếu riêng lẻ năm 2025 đến ngày 06/10/2025 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1

Kính gửi: **Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán 10 triệu cổ phiếu riêng lẻ năm 2025 đến ngày 06/10/2025 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1 (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 09 tháng 03 năm 2026, và các thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn (sau đây được gọi chung là "Báo cáo tình hình sử dụng vốn") được trình bày từ trang 06 đến trang 12 kèm theo. Báo cáo này được lập trên cơ sở kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 2 Bản thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tình hình sử dụng vốn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo này và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo này không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tình hình sử dụng vốn của Công ty dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các báo cáo này có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu trên báo cáo tình hình sử dụng vốn. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong các báo cáo này do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo này.

Các thủ tục mà chúng tôi thực hiện không bao gồm việc đánh giá và xác nhận tình hình sử dụng vốn sau khi phát hành và cũng không hình thành một cuộc kiểm toán hoặc soát xét Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán Việt Nam hoặc chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét, và do đó sẽ không đưa ra bất kỳ sự đảm bảo nào của chúng tôi về tổng thể Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, các thông tin trình bày trong Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán 10 triệu cổ phiếu riêng lẻ năm 2025 đến ngày 06/10/2025 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tuân thủ và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn. Phù hợp với cơ sở lập báo cáo được trình bày tại Thuyết minh số 2 Bản thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Cơ sở kế toán và giới hạn về đối tượng nhận và sử dụng báo cáo kiểm toán

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo đến Thuyết minh số 2 Bản thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn mô tả căn cứ pháp lý và cơ sở lập báo cáo mà công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn. Báo cáo này được lập để công ty sử dụng cho mục đích cung cấp thông tin và đáp ứng yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước và chỉ liên quan đến việc sử dụng vốn góp của cố đông mà không liên quan tới toàn bộ Báo cáo tài chính của công ty. Vì thế, Báo cáo tình hình sử dụng vốn này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

Công ty TNHH Kiểm toán NVA
Phó Tổng Giám đốc

Lê Hồng Đào
Số giấy CNĐKHN Kiểm toán: 1732-2023-152-1

Kiểm toán viên

Lê Thị Như Ngọc
Số giấy CNĐKHN Kiểm toán: 4799-2024-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1
28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

Thu được từ đợt chào bán 10 triệu cổ phiếu riêng lẻ năm 2025 đến 06/10/2025

Đến ngày 06 tháng 10 năm 2025, số tiền thu được từ đợt chào bán 10 triệu cổ phiếu riêng lẻ đã được sử dụng theo phương án được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2025, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND

Stt	Nội dung sử dụng vốn	Phương án sử dụng vốn điều chỉnh được thông qua	Thực tế sử dụng vốn	Chênh lệch
1	Thanh toán nợ vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Nam Á - CN An Đông theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0098/2025/902-CV ngày 16/05/2025	100.000.000.000	100.000.000.000	-
	Cộng	**100.000.000.000**	**100.000.000.000**	**-**

Phí tư vấn phát hành cổ phiếu 250 triệu đã được Công ty bù đắp bằng các nguồn khác để đảm bảo thanh toán đủ theo phương án sử dụng vốn đã được duyệt.

Số tiền đã sử dụng vốn sẽ được công ty báo cáo cho cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc
Đặng Thị Xinh	Dương Đình Tâm	Chu Quang Huân

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

Thu được từ đợt chào bán 10 triệu cổ phiếu riêng lẻ năm 2025 đến 06/10/2025

1. Thông tin Công ty

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1 là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 792/QĐ/BNN-TCCB ngày 21 tháng 03 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103001711 ngày 14 tháng 07 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số doanh nghiệp 0301248798 và các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi.

Hoạt động chính của Công ty là: Thi công xây dựng, cho thuê nhà xưởng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. Cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Cơ sở lập báo cáo

Báo cáo kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với các quy định của ủy ban Chứng khoán Nhà nước, chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tình hình sử dụng vốn này được lập dựa trên sở tiền Công ty thực thu từ đợt chào bán 10 triệu cổ phiếu riêng lẻ năm 2025 đến ngày 06/10/2025, và số tiền công ty đã giải ngân/thanh toán theo các khoản mục tương ứng theo phương án sử dụng vốn đã được thông qua từ ngày kết thúc đợt chào bán đến ngày 06/10/2025 được tổng hợp từ sổ kế toán và là một bộ phận trong tổng cân đối dòng tiền thu, dòng tiền chi của công ty.

Mục đích sử dụng báo cáo

Báo cáo tình hình sử dụng vốn này cũng được lập để công ty báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông thường niên và đáp ứng yêu cầu của các Cơ quan quản lý Nhà nước và chỉ liên quan đến việc sử dụng vốn góp của cổ đông mà không liên quan tới toàn bộ Báo cáo tài chính của công ty. vì thế, báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

3. Thông tin về đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ

Căn cứ pháp lý

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2025;

- Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 17/2025/NQ-HĐQT ngày 02/07/2025 về Thông qua việc triển khai chào bán cổ phiếu riêng lẻ, thông qua phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán, Danh sách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp mua cổ phiếu phát hành riêng lẻ và giá chào bán cho các nhà đầu tư;

- Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 18/2025/NQ-HĐQT ngày 02/07/2025 về Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài;

- Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 19/2025/NQ-HĐQT ngày 02/07/2025 về Thông qua Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ;

- Công văn số 97/2025/CV-DCF ngày 02/07/2025 về cam kết chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư đáp ứng quy định về sở hữu chéo;

- Văn bản số 018/2025/TB-HMN ngày 02/07/2025 của ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh thông báo về phong tỏa tài khoản nhận tiền mua cổ phiếu của đợt chào bán;

- Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 27/2025/NQ-HĐQT ngày 07/08/2025 về xác định giá chào bán cổ phiếu riêng lẻ;

- Công văn số 4662/UBCK-QLCB ngày 25/08/2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước về việc hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của DCF;

- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 30/2025/NQ-HĐQT ngày 15/09/2025 về Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ;

- Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ số 148/2025/BC-DCF ngày 15/09/2025;

- Công văn số 5458/UBCK-QLCB ngày 19/09/2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước về việc tài liệu báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ của DCF.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 13 tháng 10 năm 2025 do Sở tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp với vốn điều lệ của công ty là 529.988.910.000 đồng.

Thông tin chung

Stt	Nội dung		Thông tin
1	Tên cổ phiếu chào bán	:	Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1
2	Mã cổ phiếu	:	DCF
3	Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
4	Mệnh giá	:	10.000 VND/cổ phiếu
5	Tổng lượng cổ phiếu phát hành	:	10.000.000 cổ phiếu
6	Giá chào bán	:	10.000 VND/cổ phiếu
7	Tổng vốn huy động dự kiến	:	100.000.000.000 đồng
8	Phương thức phát hành	:	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ
9	Phương thức phân phối	:	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp

Stt	Nội dung		Thông tin
10	Thời gian hạn chế chuyển nhượng	:	Cổ phiếu chào bán riêng lẻ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán
11	Thời gian chào bán dự kiến	:	Trong năm 2025, sau khi nhận được văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước.
12	Ngày kết thúc đợt chào bán	:	11/09/2025

Kết quả phát hành

Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ số 30/2025/NQ-HĐQT ngày 15/09/2025 đã ghi nhận kết quả phát hành cổ phiếu riêng lẻ của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1 như sau:

Stt	Nội dung		Thông tin
1	Tổng số cổ phiếu đã phân phối	:	10.000.000 cổ phiếu, tương ứng 100% tổng số cổ phiếu chào bán, trong đó: - Nhà đầu tư trong nước: 10.000.000 cổ phiếu; - Nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ: 0 cổ phiếu.
2	Giá bán	:	- Giá bán thấp nhất: 10.000 đồng/cổ phiếu - Giá bán cao nhất: 10.000 đồng/cổ phiếu - Giá bán bình quân gia quyền: 10.000 đồng/cổ phiếu.
3	Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán	:	100.000.000.000 đồng
4	Tổng chi phí	:	250.000.000 đồng
	- Phí tư vấn phát hành cổ phiếu	:	*250.000.000 đồng*
5	Tổng thu ròng từ đợt chào bán:	:	99.750.000.000 đồng

Chi tiết theo từng lần nộp tiền

Ngày nộp tiền	Số tiền (VND)	Ghi chú
11/09/2025	450.000.000	
11/09/2025	100.000.000	
11/09/2025	450.000.000	
11/09/2025	450.000.000	
11/09/2025	450.000.000	
11/09/2025	450.000.000	
11/09/2025	490.000.000	
11/09/2025	490.000.000	
11/09/2025	400.000.000	
11/09/2025	490.000.000	
11/09/2025	400.000.000	
11/09/2025	200.000.000	
11/09/2025	450.000.000	
11/09/2025	450.000.000	
11/09/2025	450.000.000	
11/09/2025	450.000.000	
11/09/2025	200.000.000	
11/09/2025	450.000.000	

Ngày nộp tiền	Số tiền (VND)	Ghi chú
11/09/2025	450.000.000	
11/09/2025	100.000.000	
11/09/2025	450.000.000	
11/09/2025	450.000.000	
11/09/2025	450.000.000	
11/09/2025	450.000.000	
11/09/2025	450.000.000	
11/09/2025	450.000.000	
11/09/2025	450.000.000	
11/09/2025	450.000.000	
11/09/2025	450.000.000	
11/09/2025	450.000.000	
11/09/2025	450.000.000	
11/09/2025	450.000.000	
11/09/2025	450.000.000	
11/09/2025	150.000.000	
11/09/2025	490.000.000	
11/09/2025	490.000.000	
11/09/2025	465.000.000	
11/09/2025	250.000.000	
11/09/2025	250.000.000	
11/09/2025	4.000.000.000	
11/09/2025	5.265.000.000	
11/09/2025	500.000.000	
11/09/2025	19.000.000.000	
11/09/2025	6.000.000.000	
11/09/2025	4.000.000.000	
11/09/2025	14.735.000.000	
11/09/2025	1.000.000.000	
11/09/2025	15.735.000.000	
11/09/2025	4.500.000.000	
11/09/2025	9.500.000.000	
Cộng	**100.000.000.000**	

(*) Ghi chú: Tiền thu được từ các nhà đầu tư chuyển trực tiếp vào tài khoản 367704070002043 tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM - PGD Hóc Môn (tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu phát hành riêng lẻ) của Công ty.

Chi tiết theo danh sách nhà đầu tư mua cổ phiếu phát hành riêng lẻ

Nhà Đầu tư	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu	Số tiền thực nộp (VND)	Ghi chú
Phạm Hùng Cường	Chủ tịch HĐQT	2.500.000	25.000.000.000	
Nguyễn Minh Tâm	Tổng Giám đốc	2.500.000	25.000.000.000	
Chu Quang Huân	Phó Tổng Giám đốc	2.000.000	20.000.000.000	
Lê Thanh Tùng	Giám đốc Tài chính	1.000.000	10.000.000.000	
Dương Đình Tâm	Kế toán trưởng	1.000.000	10.000.000.000	
Dương Duy Khoa	Nhà đầu tư	500.000	5.000.000.000	
Lê Nhật Trường	Nhà đầu tư	500.000	5.000.000.000	
Cộng		**10.000.000**	**100.000.000.000**	

Ngày 19/09/2025, Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước đã có công văn số 5458/UBCK-QLCB về việc tài liệu báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1.

4. Sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu

4.1. Phương án sử dụng vốn

Căn cứ theo:

Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2025.

Quyết định của Hội đồng Quản trị số 17/2025/NQ-HĐQT ngày 02/07/2025 về Thông qua việc triển khai chào bán cổ phiếu riêng lẻ, thông qua danh sách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp mua cổ phiếu, thông qua phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ.

Thì phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành 10 triệu cổ phiếu riêng lẻ năm 2025 đến hiện tại được phê duyệt như sau:

Stt	Nội dung sử dụng vốn	Số tiền dự kiến sử dụng	Ghi chú
1	Thanh toán nợ vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Nam Á - CN An Đông theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0098/2025/902-CV ngày 16/05/2025	100.000.000.000	
	Cộng	**100.000.000.000**	

4.2. Chi tiết sử dụng vốn

Đơn vị tính: VND

Stt	Ngày	Nội dung sử dụng vốn	Số tiền	Ghi chú
1	22/09/2025	Thanh lý trước hạn GNN 11, 12, 13, 14, 15, 16 và 1 phần GNN 17 Hợp đồng tín dụng số 0098/2025/902-CV ngày 16/05/2025	100.000.000.000	
		Cộng	**100.000.000.000**	

5. Mục đích sử dụng báo cáo

Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập cho việc phản ánh tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán 10 triệu cổ phiếu riêng lẻ năm 2025 đến ngày 06 tháng 10 năm 2025.

Báo cáo tình hình sử dụng vốn này cũng được lập để công ty báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông và đáp ứng yêu cầu của các Cơ quan quản lý Nhà nước và chỉ liên quan đến việc sử dụng vốn góp của cổ đông mà không liên quan tới toàn bộ Báo cáo tài chính của công ty. Vì thế, báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc
Đặng Thị Xinh	Dương Đình Tâm	Chu Quang Huân

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1
-----o0o-----

Số: 20/2026/UQ/DCF

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC
-----o0o-----

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2026

GIẤY ỦY QUYỀN

Bên ủy quyền:

- Họ và Tên: **NGUYỄN MINH TÂM**
- Chức vụ : Tổng Giám đốc

Là đại diện theo pháp luật của:

- Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1
- Mã doanh nghiệp : 0301248798 do Sở KH và ĐT TP.Hồ Chí Minh cấp lần 15 ngày 13/10/2025.
- Địa chỉ trụ sở chính: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh.

Bên được ủy quyền:

- Họ và Tên : **CHU QUANG HUÂN**
- Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc
- Số CCCD : 027078005582 Cấp ngày: 10/07/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC CT về TTXH
- Địa chỉ : 23 Đường 5, Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Hồ Chí Minh

1. Nội dung ủy quyền:

Ông: CHU QUANG HUÂN được quyền đại diện và nhân danh CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1 thực hiện quyền quyết định và phê duyệt, ký trên hồ sơ sau:

- Báo cáo tài chính năm 2025 (báo cáo riêng và hợp nhất);

2. Quyền nghĩa vụ của hai bên:

- Bên được ủy quyền được đại diện cho Bên ủy quyền thực hiện các nội dung nêu trên.
- Bên được ủy quyền có nghĩa vụ thực hiện đúng các quy định về nội dung ủy quyền trên, không được uỷ quyền cho người khác và có trách nhiệm thông báo lại kết quả thực hiện công việc cho Bên uỷ quyền.
- Bên ủy quyền hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Thời hạn ủy quyền

Giấy Ủy quyền này có giá trị từ ngày 24 tháng 02 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 03 năm 2026 hoặc đến khi có Quyết định khác thay thế.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN	NGƯỜI ỦY QUYỀN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC CHU QUANG HUÂN	M.S.D.N: 0301248798 C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TỔNG GIÁM ĐỐC NGUYỄN MINH TÂM

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2025

Căn cứ Khoản 4 Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 (sửa đổi bởi Khoản 82 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025) của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán, thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) độc lập báo cáo hoạt động của thành viên HĐQT độc lập và đánh giá của thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1 (DECOFI) trong năm 2025 như sau:

1. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Thành viên HĐQT độc lập đã thực hiện quyền hạn, trách nhiệm theo quy định của pháp luật hiện hành, quy định nội bộ của Công ty và phân công của Chủ tịch HĐQT trên nguyên tắc cẩn trọng, độc lập, khách quan, vì lợi ích cao nhất của cổ đông và Công ty, cụ thể như sau:

- Tham gia đầy đủ các phiên họp HĐQT tập trung và không tập trung theo quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, đưa ra các ý kiến đóng góp/biểu quyết các nội dung được thảo luận, xin ý kiến phù hợp với quy định pháp luật, chỉ đạo của Chính phủ, Điều lệ và quy định nội bộ, trên tinh thần góp phần xây dựng Công ty phát triển bền vững, an toàn, hiệu quả.
- Tham gia ý kiến/biểu quyết phê duyệt việc ban hành các quy chế, chính sách thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Tham gia các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng của HĐQT với Ban Điều hành và lãnh đạo chủ chốt để cùng các thành viên HĐQT chỉ đạo, giám sát Tổng giám đốc và những người quản lý khác triển khai hoạt động kinh doanh năm 2025 được Đại hội đồng cổ đông giao.
- Tham gia ý kiến về chương trình, nội dung, tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông.
- Lập báo cáo về hoạt động của thành viên HĐQT độc lập và đánh giá của thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của HĐQT DECOFI.
- Tham dự các chương trình, hoạt động của Công ty và thực hiện các công việc khác theo phân công của Chủ tịch HĐQT.

2. Ý kiến đánh giá của thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của HĐQT trong năm 2025

2.1. Về cơ cấu tổ chức

Trong năm 2025, HĐQT Công ty có 05 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập HĐQT là Ông Hồ Viết Trung.

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1 đã tuân thủ điều kiện và số lượng thành viên độc lập HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2.2. Về việc tổ chức các cuộc họp và các quyết định của HĐQT

Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 35 cuộc họp.

- Nhìn chung, các cuộc họp của HĐQT được triệu tập và thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Thông báo mời họp cùng các hồ sơ, tài liệu liên quan được gửi đầy đủ đến các thành viên HĐQT trước cuộc họp để nghiên cứu và tham gia ý kiến.
- Nội dung các cuộc họp bao quát đầy đủ các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty. Các thành viên HĐQT đã tích cực thảo luận, đánh giá thận trọng để đưa ra các định hướng và giải pháp phù hợp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Biên bản các cuộc họp HĐQT được lập đầy đủ, có chữ ký của các thành viên HĐQT tham dự và thư ký cuộc họp, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.
- Đối với các vấn đề phát sinh cần xử lý kịp thời theo thẩm quyền, HĐQT đã thực hiện lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản theo quy định để nhanh chóng đưa ra quyết định chỉ đạo điều hành.
- Ngoài ra, HĐQT cũng chủ động tổ chức các buổi làm việc với Ban Tổng Giám đốc và các đơn vị liên quan nhằm thực hiện chức năng giám sát, cập nhật tình hình hoạt động và kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong năm 2025, HĐQT đã ban hành:

- 35 Nghị quyết
- 07 Quyết định

- Các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT được thông qua đúng thẩm quyền và tuân thủ quy định của pháp luật.
- Việc công bố thông tin đối với các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT được thực hiện đầy đủ theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC.

2.3. Về việc giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc

HĐQT đã thực hiện tốt chức năng giám sát hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc, đồng thời duy trì sự phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành để kịp thời đưa ra các quyết định, chính sách phù hợp, đảm bảo hoạt động của Công ty ổn định, an toàn và tuân thủ quy định pháp luật.

Tổng Giám đốc đã phân công rõ ràng nhiệm vụ cho từng thành viên trong Ban Tổng Giám đốc nhằm chủ động triển khai công việc và đảm bảo tiến độ thực hiện các kế hoạch của Công ty.

Đối với các vấn đề quan trọng, Ban điều hành đã chủ động báo cáo và xin ý kiến tư vấn của các thành viên HĐQT phụ trách lĩnh vực hoặc tập thể HĐQT để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ được giao.

2.4. Về việc giám sát hoạt động của các thành viên HĐQT

HĐQT đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên phụ trách các lĩnh vực chuyên môn và theo dõi, giám sát hoạt động của các đơn vị trong Công ty.

Các thành viên HĐQT đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT; làm việc với tinh thần trách nhiệm, hợp tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.

2.5. Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT

Trong năm 2025, HĐQT Công ty đã hoạt động tuân thủ các quy định của pháp luật, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty. HĐQT đã chỉ đạo sát sao hoạt động của Công ty và thực hiện tốt vai trò định hướng phát triển.

HĐQT đã tích cực triển khai các chiến lược phát triển của Công ty, bao gồm việc rà soát, điều chỉnh Chiến lược phát triển năm 2026, định hướng đến năm 2035, đồng thời xây dựng kế hoạch phát triển giai đoạn 2026 – 2027 và các giai đoạn tiếp theo, tăng cường công tác quản trị rủi ro nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.

HĐQT cũng luôn tôn trọng và tạo điều kiện để Ban Kiểm soát thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát; nghiêm túc tiếp thu và khắc phục các tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý theo các kiến nghị của Ban Kiểm soát.

Với tinh thần trách nhiệm cao, minh bạch và tuân thủ các nguyên tắc quản trị công ty đối với doanh nghiệp niêm yết, HĐQT đã tạo điều kiện thuận lợi để thành viên độc lập HĐQT thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

TP. Hồ Chí Minh ngày 19 tháng 03 năm 2026

THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

HỒ VIẾT TRUNG

CTY CP XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1
BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP.Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Kính gởi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1 (Công ty)

Kính thưa Đại hội,

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế số 1;
- Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát về hoạt động của Công ty cổ phần Xây dựng và Thiết kế số 1 năm 2025.

Ban kiểm soát (BKS) báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động trong năm 2025 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2025:

1. Nhân sự của Ban kiểm soát:

Thành viên Ban kiểm soát trong năm 2025 bao gồm:

- Bà Trần Thị Bình An
- Bà Lê Thị Minh
- Bà Lê Thị Tình (miễn nhiệm từ ngày 18/04/2025)
- Ông Vũ Ngọc Tuệ ((bổ nhiệm từ ngày 18/04/2025)

2. Thực hiện giám sát hoạt động tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý điều hành Công ty.
3. Giám sát việc thực hiện các các Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2025 thông qua.

4. Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính Công ty năm 2025, bao gồm giai đoạn soát xét báo cáo tài chính bán niên 6 tháng và báo cáo tài chính kết thúc niên độ kế toán.
5. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh; tính hợp lý, hợp pháp, trung thực trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập Báo cáo tài chính.
6. Thù lao Ban kiểm soát năm 2025 là 792.000.000 đồng, chi tiết như sau:
   - Bà Trần Thị Bình An 540.000.000 đồng
   - Bà Lê Thị Minh 144.000.000 đồng
   - Ông Vũ Ngọc Tuệ 108.000.000 đồng

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC GIÁM SÁT NĂM 2025:

1. Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHDCD trong năm 2025:

– Hội đồng quản trị và Ban điều hành thực hiện đúng theo các tờ trình được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

– Các hoạt động đầu tư, hợp tác, thanh lý, vay, cho vay được phê duyệt đúng thẩm quyền và trình tự theo quy chế và quy trình quản trị nội bộ.

2. Giám sát tình hình tài chính năm 2025:

Căn cứ báo cáo định kỳ và số liệu phân tích do Ban điều hành trình bày tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đánh giá:

– Dù tình hình kinh tế vẫn còn những khó khăn nhưng năm 2025, doanh thu hoạt động kinh doanh đã có sự tăng trưởng ấn tượng so với năm trước với tỷ lệ tăng 48.50%, từ 1,326.4 tỷ lên 1,969.7 tỷ. Nguồn doanh thu chủ yếu đến từ hoạt động thi công xây lắp, trong đó Công ty đã đấu thầu thành công các dự án ở khu vực miền Trung và lân cận Thành phố Hồ Chí Minh.

– Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2025 đạt 75.54 tỷ đồng, tăng trưởng 91.80% so với năm 2024, chủ yếu từ lợi nhuận hoạt động thi công xây lắp. Tốc độ tăng giá vốn hàng bán 48.86% tương đương tốc độ tăng doanh thu 48.50%. So với năm 2024, chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2025 tăng 16.18%, nhưng tỷ trọng trên doanh thu có xu hướng giảm từ 3.94% xuống 3.08%.

– Cơ cấu tài chính của Công ty được kiểm soát trong ngưỡng an toàn. Theo số liệu Báo cáo tài chính năm 2025 cho thấy tỷ trọng nợ trên tổng tài sản chiếm 61%; trong đó các khoản nợ ngắn hạn chủ yếu là các khoản phải trả tương ứng giá trị với các khoản phải thu trong tài sản ngắn hạn. Công ty hiện quản lý tốt danh mục nợ thương mại, chưa có dấu hiệu rủi ro nợ khó đòi.

- Báo cáo tài chính năm 2025 phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính của Công ty và được trình bày theo các mẫu báo cáo quy định, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và được kiểm toán định kỳ theo quy định hiện hành đối với công ty niêm yết.
- Sau đây là một số thông tin về tình hình tài chính và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Thay đổi	% Tăng trưởng
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**1,969,711.69**	**1,326,405.07**	**643.306,62**	**48.50%**
Giá vốn hàng bán	1,812,063.54	1,217,276.14	594.787,40	48.86%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**157,648.14**	**109,128.92**	**48.519,22**	**44.46%**
Doanh thu hoạt động tài chính	13,928.95	97.97	13.830,98	14,117.20%
Chi phí tài chính	17,413.11	8,914.78	8.498,33	95.33%
Phần lãi, lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	0	2,162.54	-2,162.54	
Chi phí bán hàng	1,483.32	594.95	888,37	149.32%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	60,678.68	52,227.25	8.451,42	16.18%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**92,001.98**	**49,652.45**	**42.349,53**	**85.29%**
Lợi nhuận khác	3,205.23	367.17	2.838,06	772.96%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**95,207.21**	**50,019.62**	**45.187,59**	**90.34%**
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	75,539.66	39,384.16	36.155,49	91.80%

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024	Thay đổi	% Tăng trưởng
Tài sản ngắn hạn	1,246,577.37	626,116.87	620,460.50	99.10%
Tài sản dài hạn	439,252.03	415,020.22	24,231.81	5.84%
Tổng cộng tài sản	**1,685,829.40**	**1,041,137.09**	**644,692.31**	**61.92%**
Nợ ngắn hạn	1,030,365.75	553,684.20	476,681.55	86.09%
Nợ dài hạn	4,459.25	2,780.52	1,678.73	60.37%
Vốn chủ sở hữu	651,004.40	484,672.37	166,332.03	34.32%
Tổng cộng nguồn vốn	**1,685,829.40**	**1,041,137.09**	**644,692.31**	**61.92%**

3. Giám sát tình hình hoạt động năm 2025:

- Ban kiểm soát đã có những đóng góp ý kiến với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc về quản trị rủi ro trong hoạt động đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên của Công ty. Những rủi ro phát hiện thông qua hoạt động kiểm soát được kiến nghị kịp thời nhằm giảm thiểu/ngăn ngừa rủi ro, đảm bảo phù hợp quy định pháp luật và đảm bảo lợi ích của Công ty và các bên liên quan.
- Ban kiểm soát nhận thấy hoạt động thi công xây lắp không có rủi ro trọng yếu trong hệ thống quy trình quản lý hiện tại của Công ty cũng như việc tuân thủ pháp luật, điều lệ, quy định của các cá nhân và đơn vị liên quan.

4. Thẩm định báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc:

- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị đã phản ánh trung thực và hợp lý các hoạt động cũng như chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.
- Báo cáo của Ban Tổng giám đốc đã phản ánh trung thực và hợp lý kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2025, phù hợp và tuân thủ pháp luật, Điều lệ cũng như các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

5. Kết quả phối hợp công việc với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

- Ban kiểm soát chủ động phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và nhận được sự tương tác và cung cấp thông tin phù hợp. Thông qua hoạt động kiểm soát, Ban kiểm soát đã đưa ra các ý kiến, kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc về các biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu rủi ro, đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty năm 2025.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:

1. Kết luận:

- Trong năm 2025, Ban kiểm soát chưa phát hiện sự bất thường nào trong các hoạt động của Công ty, không có kiến nghị hoặc phản ánh nào của cổ đông, của người lao động gửi đến Ban kiểm soát. Các hoạt động của Công ty trong năm 2025 tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Kiến nghị:

Căn cứ trên hoạt động giám sát, Ban kiểm soát kiến nghị một số ý kiến đến Hội đồng quản trị và Ban điều hành như sau:

- Thường xuyên theo dõi tình hình biến động vĩ mô, phân tích đánh giá các tác động đến Công ty để có biện pháp và giải pháp hiệu quả và kịp thời trong công tác quản trị, điều hành nhằm đảm bảo mục tiêu của chiến lược kinh doanh.

- Chú trọng hơn nữa công tác nhân sự, nâng cao chất lượng nhân sự, tuyển dụng nhân sự có trình độ cao và tăng đãi ngộ, đặc biệt là khối thi công trực tiếp tại công trình. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, tạo nên thương hiệu Decofi bắt dầu từ Người Decofi.
- Nâng cao hơn nữa chất lượng thi công tại các công trình, đặt chất lượng là yếu tố tiên quyết hàng đầu mang đến sự hài lòng cho khách hàng, hướng tới mục tiêu lợi nhuận Công ty gắn liền với chất lượng thi công mà Công ty đem tới cho khách hàng.
- Nghiên cứu áp dụng các kỹ thuật và công nghệ mới trong lĩnh vực thi công nhằm tối ưu chi phí, kiểm soát giá vốn, đồng thời nâng cao năng suất và chất lượng thi công.
- Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.

Trên đây là báo cáo những nội dung cơ bản của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2025.

Ban kiểm soát xin kính trình đại hội.

Chúc đại hội thành công tốt đẹp!

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

Trần Thị Bình An

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính thưa: Đại hội đồng Cổ đông
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1 (DECOFI)

Thay mặt Ban Điều hành Công ty, tôi xin trân trọng báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2025 và phương hướng, kế hoạch hoạt động trong năm 2026

I. TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

Năm 2025 tiếp tục là một năm nhiều thách thức đối với ngành xây dựng khi thị trường bất động sản còn nhiều biến động, tiến độ triển khai nhiều dự án chậm so với kế hoạch, chi phí nguyên vật liệu và chi phí tài chính vẫn ở mức cao.

Trong bối cảnh đó, Ban Điều hành Công ty đã tập trung triển khai nhiều giải pháp nhằm duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, kiểm soát chi phí và nâng cao hiệu quả thi công các công trình.

Công ty tiếp tục khẳng định uy tín trong lĩnh vực thi công xây dựng thông qua việc tham gia và triển khai nhiều dự án nhà ở, khu đô thị, công trình dân dụng và hạ tầng kỹ thuật tại nhiều địa phương.

Bên cạnh việc triển khai các dự án hiện hữu, Công ty cũng tích cực tìm kiếm và phát triển các dự án mới, mở rộng hợp tác với các chủ đầu tư, đối tác chiến lược nhằm tạo nền tảng cho sự phát triển trong các năm tiếp theo.

Nhìn chung, mặc dù còn nhiều khó khăn từ thị trường, Công ty vẫn duy trì được hoạt động ổn định, đảm bảo việc làm cho người lao động và từng bước củng cố vị thế của mình trên thị trường xây dựng.

+ ***Khách hàng và sản phẩm:***

Trong năm qua, lĩnh vực **thi công xây dựng công trình dân dụng** tiếp tục là hoạt động trọng tâm của Công ty với nhiều dự án đang triển khai như: **Chung cư Trần Bình Trọng, Khu chung cư cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ văn phòng (PICITY SKY PARK), Charm Diamond, Nhà ở xã hội Hàng Hải Bình Định...**

Bên cạnh các dự án đang thực hiện, Công ty cũng đã ký kết thêm nhiều hợp đồng mới với một số khách hàng trong nước, tiêu biểu như: **Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Cường, Trường Tiểu học – THCS – THPT Quốc tế Á Châu,...**

Thông qua các dự án này, Công ty đang triển khai thi công đa dạng các loại hình công trình như **hạ tầng kỹ thuật, nhà thấp tầng và nhà cao tầng**, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của thị trường xây dựng.

Bên cạnh đó, Công ty cũng tích cực tìm kiếm các đối tác và cơ hội hợp tác mới nhằm mở rộng quy mô hoạt động và phát triển thêm các dự án trong thời gian tới. Một số đối tác tiềm năng bao gồm: **Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT, Công ty TNHH Hai thành viên Licogi 13 Thuận Phước, Công ty Cổ phần Bất động sản Sơn Kim, Công ty Cổ phần Gamuda Land, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital, Công ty Cổ phần Tập đoàn Địa ốc Vạn Xuân, Công ty Cổ phần Tập đoàn Ecopark**... Công ty dự kiến sẽ ký kết thêm các hợp đồng trong năm 2026 nhằm tiếp tục mở rộng thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh.

+ ***Nhân lực:***

Trong năm 2026, Công ty tiếp tục thực hiện **tái cơ cấu và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao** nhằm dáp ứng yêu cầu ngày càng lớn về khối lượng công việc cũng như các tiêu chuẩn ngày càng khắt khe về tiến độ, chất lượng và kỹ thuật từ các chủ đầu tư.

Công ty chú trọng nâng cao năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ, công nhân viên; đồng thời tăng cường công tác kiểm soát và đánh giá rủi ro chi phí đối với từng dự án nhằm đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh đó, Công ty đặc biệt quan tâm đến việc **xây dựng đội ngũ nhân sự kế thừa vững mạnh**, đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật của những công trình quy mô lớn. Đây là nền tảng quan trọng giúp Công ty nâng cao năng lực cạnh tranh, từng bước mở rộng hoạt động không chỉ trong nước mà còn hướng đến các thị trường quốc tế, góp phần đảm bảo sự phát triển bền vững trong dài hạn.

II. ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG XÂY DỰNG NĂM 2026

Bước sang năm 2026, nền kinh tế Việt Nam được kỳ vọng tiếp tục duy trì đà phục hồi, trong đó lĩnh vực bất động sản và xây dựng có những tín hiệu tích cực hơn so với các năm trước.

Một số yếu tố thuận lợi cho ngành xây dựng có thể kể đến như:

- Thị trường bất động sản từng bước phục hồi, đặc biệt ở phân khúc nhà ở và khu đô thị.
- Nhu cầu phát triển hạ tầng và nhà ở xã hội tiếp tục gia tăng.
- Các chính sách tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản của Chính phủ đang phát huy hiệu quả.

Tuy nhiên, ngành xây dựng vẫn phải đối mặt với một số thách thức như:

- Cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các doanh nghiệp xây dựng.
- Biến động giá nguyên vật liệu và chi phí nhân công.
- Yêu cầu ngày càng cao của chủ đầu tư về tiến độ, chất lượng và năng lực tài chính của nhà thầu.

Trong bối cảnh đó, các doanh nghiệp xây dựng cần tiếp tục nâng cao năng lực quản trị, tối ưu hóa chi phí và không ngừng cải tiến công nghệ thi công để nâng cao năng lực cạnh tranh.

III. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN CỦA CÔNG TY

Trong thời gian qua, Công ty đã và đang triển khai nhiều dự án xây dựng quy mô lớn với tổng giá trị hợp đồng đáng kể.

Một số dự án tiêu biểu bao gồm:

- **Dự án SkyPark ,Dự án Simonia, Dự án Chung cư Tân Bình, Dự án Charm B4, Dự án Nhà ở xã hội Hàng Hải, Dự án Trường Quốc tế Á Châu – Đà Nẵng**

Bên cạnh các dự án khả thi đang triển khai, Công ty cũng đang tiếp cận nhiều dự án tiềm năng khác nhằm mở rộng quy mô hoạt động trong thời gian tới.

IV. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

Trên cơ sở đánh giá tình hình thị trường và năng lực của Công ty, Ban Điều hành xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Doanh thu: 2.800 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế: 100 tỷ đồng

Để đạt được các mục tiêu trên, Công ty sẽ tập trung triển khai các giải pháp trọng tâm:

1. Mở rộng thị trường và phát triển dự án

Tăng cường công tác tiếp thị, đấu thầu và tìm kiếm các dự án mới, duy trì và phát triển quan hệ hợp tác với các chủ đầu tư chiến lược, mở rộng thị trường sang các dự án nhà ở, khu đô thị, nhà xưởng công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật.

2. Nâng cao năng lực thi công

Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị thi công hiện đại, chuẩn hóa quy trình quản lý dự án và nâng cao chất lượng công trình nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của các chủ đầu tư.

3. Tăng cường quản trị tài chính

Kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất, tối ưu hóa dòng tiền và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

4. Phát triển nguồn nhân lực

Chú trọng đào tạo và phát triển đội ngũ kỹ sư, cán bộ quản lý dự án có trình độ chuyên môn cao, đồng thời xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp và hiệu quả

V. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2026

Trong năm 2026, Công ty dự kiến triển khai kế hoạch đầu tư với tổng giá trị khoảng **98,5 tỷ đồng**, tập trung vào các hạng mục:

Stt	Hạng mục	Nội dung	Giá trị (tỷ đồng)	Ghi chú
1	Đầu tư máy móc, thiết bị cho Công ty	- Đầu tư trang thiết bị thi công Nhà dân dụng và Công nghiệp	90,0	Xem chi tiết bảng máy móc, thiết bị (*)
2	Đầu tư Nhà văn phòng; Showroom	Cải tạo văn phòng gồm nội thất…	3,0	
3	Đầu tư nâng cấp thiết bị, phần mềm Công ty	- Nâng cấp hệ thống máy tính, hệ thống mạng - Áp dụng phần mềm quản lý.	2,0	
4	Đầu tư các hoạt động, quảng bá, maketting	Thông qua các hoạt động quảng cáo, tiếp xúc khách hàng cũ và mới.	3,5	

(*) Bảng chi tiết máy móc thiết bị:

Stt	Hạng mục	Số lượng	Giá trị (tỷ đồng)	Ghi chú
1	Cẩu tháp	03-05 bộ	10,0	Đã qua sử dụng; chỉ đầu tư khi trúng các dự án cao tầng
2	Vận thăng lồng	04-06 bộ	12,0	
3	Hệ coppha nhôm	02-03 bộ	18,0	Đầu tư cấu kiện đứng, thuê cấu kiện ngang; chỉ đầu tư khi trúng các dự án cao tầng
4	Hệ coppha ván, coppha leo, máy móc khác	Theo quy mô dự án	50,0	Đầu tư theo từng giai đoạn

Việc đầu tư này nhằm nâng cao năng lực thi công, tăng cường hiệu quả quản lý và tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của Công ty trong các năm tới.

VI. CAM KẾT CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Năm 2026 được xác định là năm có ý nghĩa quan trọng đối với chiến lược phát triển của Công ty. Ban Điều hành cam kết sẽ tiếp tục phát huy tinh thần trách nhiệm, đổi mới trong công tác quản lý và điều hành, đồng thời triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Với sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, sự đồng hành của các cổ đông, đối tác và khách hàng, cùng với sự nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên, Ban Điều hành tin tưởng rằng **Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1 (DECOFI)** sẽ hoàn thành các mục tiêu kế hoạch năm 2026 và tiếp tục phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.

Xin trân trọng cảm ơn sự tin tưởng và đồng hành của Quý Cổ đông.

TP.HCM, ngày 19 tháng 03 năm 2026

Nơi nhận:
- *Cổ đông;*
- *Lưu: VT, VP.HĐQT.*

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN MINH TÂM

CTCP XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1 (DECOFI)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 03/2026/TT/DCF-HĐQT	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2026*

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1;*
- *Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 bởi Công ty TNHH Kiểm toán NVA.*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ("ĐHĐCĐ") xem xét, thông qua Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán NVA (NVA), Bao gồm các nội dung sau:

1. Báo cáo kiểm toán độc lập: Đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.
2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025;
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025;
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2025;
5. Thuyết minh báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận và thông qua Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán nêu trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận và thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHẠM HÙNG CƯỜNG

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *Lưu VP.HĐQT.*

CTCP XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1 (DECOFI)	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 04./2026/TT/DCF-HĐQT	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2026*

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1.*

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1 kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối năm 2026 như sau:

1. Phân phối lợi nhuận năm 2025:

Theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Công ty cổ phần chỉ được trích lập các quỹ và chi trả cổ tức khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đồng thời đã bù đắp đầy đủ các khoản lỗ trước đó (nếu có) theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền
I	**Lợi nhuận sau thuế (LNST)**	**75.539.656.121**
II	**Trích lập các quỹ**	**9.820.155.296**
1	Quỹ đầu tư phát triển (5%LNST)	3.776.982.806
2	Quỹ khen thưởng (8%LNST)	6.043.172.490
III	**Thù lao HĐQT/BKS**	**3.428.000.000**
IV	**Lợi nhuận còn lại (IV = I - II – III)**	**62.291.500.825**
V	**Lợi nhuận giữ lại của các năm trước**	**10.304.613.189**

STT	Nội dung	Số tiền
VI	**Chia cổ tức bằng cổ phiếu (12% vốn chủ sở hữu)**	**63.598.669.200**
VII	**Tổng lợi nhuận sau thuế giữ lại sau khi trích lập các quỹ và chia cổ tức bằng cổ phiếu (VII = IV+ V-VI)**	**8.997.444.814**

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026:

- Doanh thu dự kiến: 2.800.000.000.000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế dự kiến: 100.000.000.000 đồng

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Tỷ lệ trích lập 2026 dự kiến
I	**Lợi nhuận sau thuế (LNST)**	**100.000.000.000**
II	**Trích lập các quỹ**	
1	Quỹ đầu tư phát triển	10%LNST
2	Quỹ khen thưởng và Phúc lợi	15%LNST
III	**Lợi nhuận chia cổ tức tối đa**	50%LNST
IV	**Lợi nhuận còn lại (IV) = (I) - (II) - (III)**	Phần LNST còn lại

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *Lưu VP.HĐQT.*

M.S.D.N: 0301244... CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHẠM HÙNG CƯỜNG

CTCP XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1 (DECOFI)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 05./2026/TT/DCF-HĐQT	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2026*

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v: Ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát trong năm tài chính 2026

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1.*

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1 (DECOFI) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCD) xem xét và thông qua ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS), với các nội dung cụ thể như sau:

1. Ngân sách hoạt động: Ngân sách hoạt động (bao gồm thù lao, thưởng, các lợi ích và các chi phí khác) của HĐQT và BKS trong năm tài chính 2026 được trích từ chi phí công ty. Mức chi tối đa được xác định bằng 7% lợi nhuận sau thuế của năm tài chính 2026 và không thấp hơn 2 tỷ đồng.
2. Nguyên tắc chi trả: Việc chi trả đảm bảo trong phạm vi ngân sách đã được ĐHĐCĐ thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
3. Mục tiêu: Việc thông qua ngân sách hoạt động là cơ sở cần thiết để HĐQT và BKS thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ được giao, góp phần đảm bảo hoạt động của Công ty an toàn, hiệu quả, bền vững và bảo đảm lợi ích của cổ đông.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận và thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1

PHẠM HÙNG CƯỜNG

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *Lưu VP.HĐQT.*

CTCP XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1 (DECOFI)	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 02/2026/TT/DCF-BKS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2026

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v: Thông qua danh sách đơn vị thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính năm 2026

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1.*

Nhằm đảm bảo việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty được thực hiện hiệu quả, phù hợp với quy định pháp luật, Ban Kiểm soát thống nhất với Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện:

- Kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2026;
- Soát xét Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất bán niên (06 tháng đầu năm) 2026.

Công ty kiểm toán được lựa chọn cần đáp ứng các tiêu chí sau:

- Là tổ chức kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Bộ Tài chính Việt Nam và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng theo danh sách được công bố và cập nhật tại thời điểm lựa chọn;
- Có năng lực, kinh nghiệm và đội ngũ kiểm toán viên chuyên nghiệp;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với phạm vi và kế hoạch kiểm toán của Công ty.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua nội dung nêu trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận và thông qua./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

TRẦN THỊ BÌNH AN

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *Lưu VP.HĐQT, BKS.*

DANH SÁCH DOANH NGHIỆP KIỂM ĐƯỢC CHẤP THUẬN KIỂM TOÁN CHO ĐƠN VỊ CÓ LỢI ÍCH CÔNG CHÚNG THUỘC LĨNH VỰC CHỨNG KHOÁN NĂM 2026

STT	TÊN CÔNG TY
1	Công ty TNHH KPMG (KPMG)
2	Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (AASC)
3	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C (A&C)
4	Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Moore AISC (Moore AISC)
5	Công ty TNHH PwC (Việt Nam) (PwC)
6	Công ty TNHH Grant Thornton Việt Nam (GT)
7	Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (AAC)
8	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS)
9	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn PKF-TTG (PKF-TTG)
10	Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam (RSM)
11	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE)
12	Công ty TNHH Kiểm toán BDO (BDO)
13	Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam (Deloitte)
14	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)
15	Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (ICPA)
16	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y)
17	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY)
18	Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt (NTV)
19	Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam (AFC)
20	Công ty TNHH Kiểm toán VACO (VACO)
21	Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (ECOVIS AFA)
22	Công ty TNHH Hãng kiểm toán và Định giá ASCO (ASCO)
23	Công ty TNHH Kiểm toán NVA (NVA)
24	Công ty TNHH Kiểm toán An Việt (An Việt)
25	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế (IAV)
26	Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA)
27	Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM (CPA VN)
28	Công ty TNHH Kiểm toán FAC (FAC)

CTCP XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1 (DECOFI)	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 01/2026/TT/DCF-HĐQT	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 02 năm 2026*

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v: Sửa đổi, bổ sung mã ngành, ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ tình hình và yêu cầu hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1;*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1.*

Qua công tác rà soát ngành nghề kinh doanh hiện tại của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1, để phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và tình hình hoạt động thực tế của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung mã ngành, ngành nghề kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi chi tiết mã ngành, ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

STT	Ngành nghề kinh doanh cũ	Ngành nghề kinh doanh sau điều chỉnh
1	Xây dựng nhà các loại (4100)	- Xây dựng nhà để ở (4101) - Xây dựng nhà không để ở (4102)
2	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (4210)	- Xây dựng công trình đường sắt (4211) - Xây dựng công trình đường bộ (4212)
3	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (4290)	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (4299)

4	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (7730)	Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển (77302)
5	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (*kinh doanh xuất nhật khẩu vật tư, thiết bị ngành xây dựng*) (4663)	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (4673)
6	Xây dựng công trình công ích (4220)	- Xây dựng công trình điện (4221) - Xây dựng công trình cấp, thoát nước (4222) - Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc (4223) - Xây dựng công trình khác (4229)
7	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa hông khí (*không gia công cơ khí, tái chế phế phẩm, xi mạ điện tại trụ sở*) (4322)	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí (4322)
8	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao (2395)	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao (2395)

2. Bổ sung mã ngành, ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

STT	Ngành nghề kinh doanh được bổ sung
1	Xây dựng công trình thủy (4291)
2	Xây dựng công trình khai khoáng (4292)
3	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo (4293)
4	Hoạt động dịch vụ trung gian cho xây dựng chuyên dụng (4340)

3. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 tại Điều lệ Công ty về ngành nghề kinh doanh của Công ty theo nội dung thay đổi tại Mục 1,2 Tờ trình này.

4. Giao/Ủy quyền cho Tổng Giám đốc triển khai các công việc liên quan đến sửa đổi, bổ sung mã ngành, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau:

- Thực hiện các thủ tục liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung mã ngành, ngành nghề kinh doanh tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, bao gồm cả việc điều chỉnh nội dung chi tiết trong phạm vi các mã ngành, ngành nghề đã được ĐHĐCĐ thông qua tại tờ trình này;
- Thực hiện các công việc khác liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung mã ngành, ngành nghề kinh doanh của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận và thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0301243799 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHẠM HÙNG CƯỜNG

Nơi nhận:

- *Như trên;*
- *Lưu VP.HĐQT.*

CTCP XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1 (DECOFI)	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 09./2026/TT/DCF-HĐQT	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 19. tháng 03. năm 2026*

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v: Thông qua chủ trương đầu tư góp vốn/mua cổ phần; thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1 ("Decofi");*
- *Tình hình hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1.*

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1 kính trình Đại hội đồng Cổ đông ("ĐHĐCĐ") xem xét và phê duyệt các nội dung có liên quan đến chủ trương, phương án mà Decofi thực hiện đầu tư góp vốn/mua cổ phần, thành lập/mua lại công ty con, công ty liên kết;... cụ thể như sau:

I. Chủ trương thực hiện

1. Thống nhất về mặt chủ trương và thông qua các phương án Decofi sẽ thực hiện góp vốn/mua cổ phần, thành lập/mua lại công ty con, công ty liên kết, ... để thực hiện các hoạt động kinh doanh được phép theo quy định pháp luật và các văn bản hướng dẫn có liên quan.
2. Hình thức thực hiện và lĩnh vực tham gia như sau:
   a. Thành lập góp vốn/mua cổ phần, mua lại công ty con, công ty liên kết để thực hiện các hoạt động kinh doanh: mua bán và cho thuê vật liệu xây dựng, thiết bị ngành xây dựng; khai thác khoáng sản; sản xuất nội thất và tư vấn thiết kế.
   b. Góp vốn/mua cổ phần, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong các lĩnh vực khác sau khi được sự chấp thuận của Các cấp có thẩm quyền, (nếu có).
3. Tỷ lệ tham gia góp vốn/mua cổ phần: toàn bộ hoặc một phần vốn điều lệ của doanh nghiệp mà Decofi sẽ tham gia góp vốn, mua cổ phần tùy thuộc vào thỏa thuận với các bên liên quan và tối đa trong phạm vi pháp luật cho phép.

4. Giá mua: Theo cơ chế thỏa thuận trên cơ sở đánh giá hiện trạng doanh nghiệp, thỏa thuận với các bên liên quan và điều kiện thị trường.

5. Giá trị góp vốn/mua cổ phần, thành lập/mua lại công ty con, công ty liên kết tại Mục 1 nêu trên: Không được vượt quá 50% tổng tài sản của Decofi căn cứ theo Báo cáo tài chính gần nhất

6. Giao/ Ủy quyền Hội đồng quản trị quyết định hình thức, phương thức, trình tự, giá trị đầu tư, tỷ lệ góp vốn, mua cổ phần, thành lập/mua lại công ty con, công ty liên kết; Tổ chức thực hiện các phương án chi tiết và báo cáo kết quả thực hiện tại ĐHĐCĐ trong kỳ họp thường niên gần nhất. Hội đồng quản trị được thỏa thuận với các bên liên quan; làm việc, trao đổi, thống nhất với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và quyết định các vấn đề liên quan đến giao dịch, bao gồm nhưng không giới hạn việc lựa chọn doanh nghiệp mục tiêu, mức/tỷ lệ tham gia của Decofi, giá và các điều kiện kèm theo; cơ cấu tổ chức, hình thức pháp lý của doanh nghiệp mục tiêu; các mô hình/cách thức hợp tác, liên kết, quyết định các nội dung giao dịch, các tài liệu do Decofi ký và/hoặc tham gia để thực hiện giao dịch cũng như tất cả các vấn đề khác trong quá trình Decofi tham gia đầu tư, hợp tác; quyết định sửa đổi, bổ sung, chỉnh sửa các phương án, vấn dề, giao dịch theo thống nhất với Cơ quan có thẩm quyền, các bên liên quan;

7. Trong quá trình thực hiện, Hội đồng quản trị được quyết định các nội dung trong phạm vi nhiệm vụ được giao và được phân công, phân cấp, giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, đơn vị, cá nhân khác trong hệ thống Decofi (phù hợp theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Decofi) để thực hiện các công việc nêu trên.

II. Kế hoạch thực hiện năm 2026

1. Thống nhất thông qua việc nhận chuyển nhượng cổ phần của CTCP Đầu Tư Xây Dựng Khai Thác Khoáng Sản Ninh Thuận nhằm mở rộng lĩnh vực kinh doanh củng cố năng lực tự chủ nguồn nguyên liệu đầu vào của Decofi, cụ thể như sau:

   a. Thông tin về doanh nghiệp

   - Tên doanh nghiệp: CTCP Đầu Tư Xây Dựng Khai Thác Khoáng Sản Ninh Thuận
   - Địa chỉ: LK4.2-25 đường Lưu Trọng Lư, Phường Phủ Hà, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận
   - Mã số thuế: 4500572669
   - Ngày đăng ký kinh doanh: 10/01/2014
   - Ngành nghề kinh doanh: Khai thác khoáng sản (đá, cát, sỏi, đất sét).

   b. Thông tin về giao dịch chuyển nhượng:

   - Hình thức giao dịch: Nhận chuyển nhượng cổ phần.
   - Tỷ lệ sở hữu dự kiến sau giao dịch: 100%
   - Tổng số tiền đầu tư: Tối đa 400 tỷ đồng.
   - Thời điểm thực hiện dự kiến: Trong năm 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận và thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

PHẠM HÙNG CƯỜNG

Nơi nhận:

- *Như trên;*
- *Lưu VP.HĐQT.*

CTCP XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1 (DECOFI)	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: ..10.../2026/TT/DCF-HĐQT	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2026*

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v: Niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1.*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ("ĐHĐCĐ") xem xét, thông qua việc niêm yết cổ phiếu Công ty, cụ thể như sau:

1. Thông qua việc niêm yết toàn bộ số lượng cổ phiếu đã phát hành (tại thời điểm thực hiện thủ tục đăng ký niêm yết cổ phiếu) của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1 (Mã chứng khoán: DCF) trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo đúng trình tự, quy định của pháp luật hiện hành. Hội đồng quản trị xác định số lượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1 tại thời điểm thực hiện thủ tục đăng ký niêm yết cổ phiếu để làm căn cứ cho việc thực hiện đăng ký niêm yết cổ phiếu.
2. Giao cho Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật để hoàn thành việc niêm yết cổ phiếu của Công ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm nhưng không giới hạn bởi:
   i. Quyết định số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết dựa trên toàn bộ số lượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1 đã phát hành tại thời điểm thực hiện thủ tục đăng ký niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;
   ii. Quyết định thời điểm triển khai thực hiện việc đăng ký niêm yết cổ phiếu phù hợp với điều kiện thị trường và tình hình thực tế của Công ty, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật;
   iii. Quyết định thời điểm và thực hiện thủ tục huỷ đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty trên hệ thống giao dịch UPCoM sau khi có quyết định chấp thuận niêm yết trên Sở

Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với quy định của pháp luật;

iv. Quyết định thực hiện và phê duyệt tất cả các hồ sơ/thủ tục cần thiết và ký, ký kết các văn bản, tài liệu liên quan để thực hiện việc niêm yết cổ phiếu theo các quy định của pháp luật;

v. Quyết định bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện và giải trình toàn bộ các nội dung liên quan đến việc niêm yết cổ phiếu (bao gồm các nội dung chưa được trình bày trong tờ trình này – nếu có);

vi. Quyết định giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên và ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, đảm bảo lợi ích cao nhất cho các cổ đông, phù hợp với tình hình thị trường và quy định của pháp luật;

vii. Quyết định tất cả các vấn đề cần thiết khác có liên quan đến việc thực hiện niêm yết cổ phiếu theo quy định pháp luật.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo ĐHDCĐ tiến độ thực hiện, kết quả đăng ký niêm yết cổ phiếu Công ty tại (các) kỳ họp kế tiếp cho đến khi hoàn thành việc niêm yết cổ phiếu theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận và thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHẠM HÙNG CƯỜNG

Nơi nhận:

- *Như trên;*
- *Lưu VP.HĐQT.*

CTCP XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1 (DECOFI)	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 18./2026/TT/DCF-HĐQT	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2026*

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(V/v: Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức)

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và huỷ tư cách công ty đại chúng và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1;*
- *Tình hình hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1.*

Hội đồng quản trị ("HĐQT") kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ("ĐHĐCĐ") thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2026 với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2026.

II. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TRẢ CỔ TỨC

1. Tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1.
2. Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1.
3. Mã cổ phiếu: DCF.
4. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
5. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
6. Vốn điều lệ hiện tại: 529.988.910.000 đồng.
7. Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 52.998.891 cổ phiếu.

   Trong đó:

   + Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 52.998.891 cổ phiếu.

+ Tổng số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.

8. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 6.359.867 cổ phiếu.
9. Tổng giá trị dự kiến phát hành theo mệnh giá: 63.598.670.000 đồng.
10. Vốn điều lệ dự kiến sau phát hành: 593.587.580.000 đồng.
11. Số lượng cổ phiếu dự kiến sau phát hành: 59.358.758 cổ phiếu.
12. Tỷ lệ phát hành: 12%.
13. Tỷ thực hiện quyền: 100 : 12 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được nhận 01 quyền nhận thêm cổ phiếu, cứ 100 quyền nhận thêm cổ phiếu sẽ được nhận thêm 12 cổ phiếu mới).
14. Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách sở hữu cổ phần do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
15. Nguồn vốn phát hành: Từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1.
16. Nguyên tắc làm tròn và phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Số lượng cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức bằng cổ phiếu khi chia cho các cổ đông được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) sẽ bị hủy bỏ.

    Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, cổ đông A sở hữu 141 cổ phiếu. Khi đó, số cổ phần cổ đông A được nhận là 16,92 cổ phiếu (=141x12%). Sau khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu cổ đông A thực tế nhận được là 16 cổ phiếu. Phần lẻ 0,92 cổ phần sẽ bị hủy bỏ.
17. Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức không bị hạn chế chuyển nhượng.
18. Thời gian thực hiện: Dự kiến trong năm 2026, sau khi nhận được văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
19. Đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký giao dịch bổ sung/niêm yết cổ phiếu: Toàn bộ số cổ phiếu chào bán thành công sẽ được đăng ký bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung/niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định của pháp luật.
20. Thay đổi Vốn điều lệ: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, các thủ tục thay đổi/điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo mức vốn mới sau khi kết thúc đợt phát hành.

III. ỦY QUYỀN VÀ GIAO CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Quyết định việc triển khai phương án phát hành và xác định thời điểm cụ thể để thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.
2. Quyết định thời điểm chốt danh sách để thực hiện quyền cho cổ đông.

3. Quyết định xây dựng và giải trình hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu để trả cổ tức gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Đồng thời, chủ động điều chỉnh phương án phát hành và các hồ sơ khác có liên quan theo tình hình thực tế của Công ty hoặc yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
4. Quyết định các thủ tục, hồ sơ và thời điểm thích hợp để đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung/niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cho toàn bộ số lượng cổ phiếu đã phát hành thành công theo kết quả thực tế sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận được báo cáo kết quả của đợt phát hành.
5. Quyết định các thủ tục, hồ sơ thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty liên quan đến việc thay đổi vốn điều lệ theo kết quả phát hành thực tế của đợt phát hành với Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Quyết định sửa đổi các điều khoản liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty theo số vốn điều lệ thực tế sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu.
7. Quyết định các vấn đề khác có liên quan đến quá trình phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.
8. Tùy từng trường hợp cụ thể, HĐQT được ủy quyền cho Tổng Giám đốc để thực hiện một hoặc một số công việc cụ thể nêu trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận và thông qua./.

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *Lưu VP.HĐQT.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHẠM HÙNG CƯỜNG

CTCP XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1 (DECOFI)	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 20./2026/TT/DCF-HĐQT	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 08. tháng 01 năm 2026*

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(V/v: Thông qua Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu)

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và huỷ tư cách công ty đại chúng và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1;*
- *Tình hình hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1.*

Hội đồng quản trị ("HĐQT") kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ("ĐHĐCĐ") thông qua Phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2026 với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để bổ sung vốn điều lệ, tái cấu trúc và nâng cao năng lực tài chính nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU

1. Tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1.
2. Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1.
3. Mã cổ phiếu: DCF.
4. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
5. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
6. Vốn điều lệ hiện tại: 529.988.910.000 đồng.
7. Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 52.998.891 cổ phiếu.

Trong đó:

+ Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 52.998.891 cổ phiếu.
+ Tổng số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.

8. Số lượng cổ phiếu chào bán: 46.639.024 cổ phiếu.
9. Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: 466.390.240.000 đồng.
10. Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu.
11. Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến: 466.390.240.000 đồng.
12. Tỷ lệ chào bán: 88% (46.639.024 cổ phiếu: 52.998.891 cổ phiếu).
13. Hình thức phát hành: Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
14. Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cấp theo quy định.
15. Phương thức phân phối: Phân phối theo phương thức thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu.
16. Tỷ lệ thực hiện quyền: 100 : 88 (Cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được 01 quyền mua cổ phiếu, cứ 100 quyền mua cổ phiếu thì được mua 88 cổ phiếu mới).
17. Chuyển nhượng quyền mua: Quyền mua được chuyển nhượng 01 lần (người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng tiếp cho người thứ ba). Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thoả thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng.
18. Nguyên tắc làm tròn cổ phiếu lẻ phát sinh: Số lượng cổ phiếu chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống.

    Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách, cổ đông A sở hữu 120 cổ phiếu, khi đó số cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông A được mua là 120 x 88/100 = 105,6 cổ phiếu. Sau khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu cổ đông A được mua là 105 cổ phiếu.
19. Phương thức xử lý cổ phiếu chưa chào bán hết (nếu có): Cổ phiếu còn lại chưa chào bán hết bao gồm số cổ phiếu lẻ phát sinh do việc làm tròn xuống và số cổ phiếu do cổ đông và/hoặc người nhận chuyển nhượng quyền mua không mua/không mua hết số cổ phiếu được mua, đã đăng ký mua nhưng không nộp tiền mua cổ phiếu theo đúng thời hạn và/hoặc do các nguyên nhân khác.

    - ĐHĐCĐ uỷ quyền cho HĐQT quyết định phương án xử lý số lượng cổ phiếu chưa chào bán hết:
        + Đối tượng và phương thức phân phối: Số cổ phiếu còn lại chưa chào bán hết sẽ được HĐQT chào bán cho các nhà đầu tư khác (kể cả cổ đông hiện hữu) với điều kiện không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu.

Ủy quyền cho HĐQT xác định tiêu chí, danh sách nhà đầu tư được mua số cổ phiếu còn lại nêu trên.

+ Giá chào bán: HĐQT quyết định tại thời điểm chào bán nhưng không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.
+ Trường hợp hết thời hạn phân phối cổ phiếu theo quy định pháp luật hiện hành (bao gồm thời gian gia hạn nếu có) mà cổ phiếu vẫn chưa được phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy bỏ và HĐQT quyết định kết thúc đợt chào bán. Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ trên số lượng cổ phiếu thực tế đã phân phối thành công.

- Việc phân phối số cổ phiếu còn lại chưa chào bán hết cho các nhà đầu tư khác phải đáp ứng các điều kiện sau:
  + Tuân thủ quy định về sở hữu chéo tại Điều 195 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.
  + Tuân thủ quy định về xử lý cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua, số cổ phiếu lẻ tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

20. Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng. Số cổ phiếu còn lại phân phối cho các đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng trong thời gian 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
21. Thời gian thực hiện: Dự kiến trong năm 2026, sau khi nhận được văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
22. Đảm bảo đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài: ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
23. Tỷ lệ chào bán thành công: Không áp dụng.
24. Chào mua công khai: Trường hợp tỷ lệ sở hữu của các nhà đầu tư (và người có liên quan) tham gia mua cổ phần phát hành ra công chúng cho cổ đông hiện hữu dẫn đến tỷ lệ sở hữu của đối tượng này vượt mức sở hữu được quy định tại Khoản 1 Điều 35 Luật Chứng khoán thì không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai.
25. Đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký giao dịch bổ sung/niêm yết cổ phiếu: Toàn bộ số cổ phiếu chào bán thành công sẽ được đăng ký bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung/niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán theo đúng quy định của pháp luật.
26. Thay đổi Vốn điều lệ: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, các thủ tục thay đổi/điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo mức vốn mới sau khi kết thúc đợt chào bán.

III. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng cho các mục đích sau:

STT	Nội dung sử dụng vốn	Số tiền (đồng)
1	Nhận chuyển nhượng 95% cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Khai thác Khoáng sản Ninh Thuận với giá tối đa là 32.000 đồng/cổ phiếu (*)	Tối đa 304.000.000.000
2	Trả nợ vay tại các ngân hàng (số tiền còn lại sau khi đã thanh toán cho việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Khai thác Khoáng sản Ninh Thuận)	Dự kiến từ 162.390.240.000
	Tổng cộng	**466.390.240.000**

Trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán không đạt như dự kiến, ĐHĐCD uỷ quyền HĐQT quyết định thứ tự ưu tiên sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trên tuỳ theo tình hình thực tế tại Công ty.

(*) Các thông tin cơ bản về Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Khai thác Khoáng sản Ninh Thuận:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Khai thác Khoáng sản Ninh Thuận:
  + Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng.
  + Địa chỉ trụ sở chính: LK4.2-25 đường Lưu Trọng Lư, Phường Phan Rang, Tỉnh Khánh Hoà.
  + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 4500572669 do Sở Tài chính tỉnh Khánh Hoà cấp lần đầu ngày 10/01/2014, cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 24/03/2026.
  + Hoạt động kinh doanh chính: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.
  + Mối quan hệ với Tổ chức phát hành và người có liên quan của Tổ chức phát hành: Không có.
- Mỏ đá Granit ốp lát thuộc quyền khai thác của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Khai thác Khoáng sản Ninh Thuận:
  + Vị trí: Khu vực Tây Bắc núi Mavieck, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận (nay là xã Phước Dinh, tỉnh Khánh Hoà).
  + Pháp lý:
    - Quyết định số 1853/QĐ-BTNMT ngày 16/08/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án "Đầu tư khai thác mỏ đá Granit ốp lát tại khu vực Tây Bắc núi Mavieck, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận, công suất khai thác 18.000 m^3/năm (nguyên khối)";
    - Quyết định chủ trương đầu tư số 306/QĐ-UBND ngày 19/09/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc chấp thuận cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây

dựng Khai thác Khoáng sản Ninh Thuận thực hiện dự án "Đầu tư khai thác mỏ đá Granit ốp lát tại khu vực Tây Bắc núi Mavieck, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận, công suất khai thác 18.000 m^3/năm (nguyên khối)";

- Giấy phép khai thác khoáng sản số 368/GP-BTNMT ngày 31/01/2018 do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp;
- Quyết định số 2150/QĐ-BTNMT ngày 04/07/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ đá granit làm ốp lát khu vực Tây Bắc núi Mavieck, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận;
- Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 530/QĐ-UBND ngày 21/09/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận;
- Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 393/QĐ-UBND ngày 16/07/2024 của UBND tỉnh Ninh Thuận;
- Giấy phép xây dựng số 02/GPXD-UBND ngày 14/03/2025 của UBND huyện Thuận Nam;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DK 891837 ngày 02/08/2023 do Văn phòng Đăng ký Đất đai Ninh Thuận cấp;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DM 302216 ngày 31/03/2024 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận cấp;
- Các văn bản pháp lý khác.

+ Diện tích khu vực khai thác: 7,4 ha.
+ Công suất khai thác: 18.000 m^3/năm (đá granit ốp lát nguyên khối) và 26.140 m^3 sản phẩm phụ vật liệu xây dựng.
+ Thời gian hoạt động: 30 năm từ ngày 30/01/2018 theo Giấy phép số 368/GP-BTNMT).

IV. ỦY QUYỀN VÀ GIAO CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Quyết định việc triển khai phương án chào bán và xác định thời điểm cụ thể để thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
2. Quyết định lập kế hoạch chi tiết phương án sử dụng vốn và điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán (trong trường hợp cần thiết, phù hợp với hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty) và báo cáo ĐHĐCĐ tại kỳ họp gần nhất về các nội dung điều chỉnh liên quan đến phương án sử dụng vốn này.
3. Quyết định thời điểm chốt danh sách để thực hiện quyền cho cổ đông.
4. Quyết định phân phối số lượng cổ phiếu chưa chào bán hết cho các nhà đầu tư khác theo nguyên tắc đã được ĐHĐCĐ thông qua.

5. Quyết định xây dựng và giải trình hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Đồng thời, chủ động điều chỉnh phương án chào bán và các hồ sơ khác có liên quan theo tình hình thực tế của Công ty hoặc yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
6. Quyết định điều chỉnh tỷ lệ chào bán và tỷ lệ thực hiện quyền tại thời điểm chào bán (nếu có thay đổi số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm triển khai thực hiện).
7. Quyết định phương án chào bán đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật.
8. Quyết định các thủ tục, hồ sơ và thời điểm thích hợp để đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung/niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán cho toàn bộ số lượng cổ phiếu đã chào bán thành công theo kết quả thực tế sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận được báo cáo kết quả của đợt chào bán.
9. Quyết định các thủ tục, hồ sơ thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty liên quan đến việc thay đổi vốn điều lệ theo kết quả phát hành thực tế của đợt phát hành với Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.
10. Quyết định sửa đổi các điều khoản liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty theo số vốn điều lệ thực tế sau khi hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu.
11. Quyết định các vấn đề khác có liên quan đến quá trình chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
12. Tùy từng trường hợp cụ thể, HĐQT được ủy quyền cho Tổng Giám đốc để thực hiện một hoặc một số công việc cụ thể nêu trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận và thông qua./.

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *Lưu VP.HĐQT.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHẠM HÙNG CƯỜNG

CTCP XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1 (DECOFI)	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 12./2026/TT/DCF-HĐQT	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2026*

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1.*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1, cụ thể như sau:

1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoạt động Công ty theo nội dung chính trình bày tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này; những sửa đổi, bổ sung về nội dung không làm thay đổi cách hiểu, ý nghĩa của Điều lệ cũ và những sửa đổi, bổ sung liên quan đến thể thức, cách sử dụng số Chương, Mục, Điều phù hợp với nội dung đã sửa đổi.
2. Thông qua việc ban hành toàn văn Điều lệ hoạt động Công ty chi tiết tại dự thảo Điều lệ đính kèm.
3. Giao Hội đồng quản trị của Công ty tổ chức hoàn thiện và ký ban hành toàn văn Điều lệ hoạt động Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1 mới. Điều lệ sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực kể từ ngày được ký ban hành, thay thế cho toàn văn Điều lệ hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận và thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0301290798 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHẠM HÙNG CƯỜNG

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *Lưu VP.HĐQT.*

PHỤ LỤC: MỘT SỐ NỘI DUNG CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	GHI CHÚ
1	**Điều 1. Giải thích thuật ngữ** *"1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:* *a. Công ty là Công ty Cổ phần Xây Dựng và Thiết kế số 1 (DECOFI);* *b. Vốn điều lệ là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;* *c. Vốn có quyền biểu quyết là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;* *d. Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;* *e. Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;* *f. Việt Nam là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;* *g. Ngày thành lập là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;* *h. Người điều hành doanh nghiệp là Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;*	Sửa đổi, bổ sung khoản 1 **Điều 1. Giải thích thuật ngữ** như sau: *"1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới dây được hiểu như sau:* *a. Công ty là Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế số 1 (DECOFI);* *b. Vốn điều lệ là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;* *c. Vốn có quyền biểu quyết là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;* *d. Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020* ***và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*** *e. Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019* ***và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*** *f. Việt Nam là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;* *g. Ngày thành lập là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;*	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định pháp luật hiện hành. Thuật ngữ Tổng Giám đốc điều hành sẽ được thay thế thành Tổng Giám đốc trong toàn văn Điều lệ này.

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	GHI CHÚ
	i. Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành; *j. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;* *k. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;* *l. Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;* *m. Thời hạn hoạt động là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;* *n. Sở giao dịch chứng khoán là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.* *2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.* *3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này."*	*h. Người điều hành doanh nghiệp là **Tổng Giám đốc**, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;* *i. Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;* *j. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và **khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp**;* *k. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;* *l. Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;* *m. Thời hạn hoạt động là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;* *n. Sở giao dịch chứng khoán là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.* *2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.* *3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này".*	
2	**Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty:** *"1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Tổng Giám đốc điều hành.* *2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật theo quy định của pháp luật và Điều lệ này."*	Sửa đổi, bổ sung **Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty** như sau: *"1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là **Tổng Giám đốc**.* ***2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú tại Việt Nam. Khi xuất cảnh khỏi Việt Nam, người***	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng được ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành nhằm hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	GHI CHÚ
		đại diện theo pháp luật của Công ty phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền. *3. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại khoản 2 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.* *4. Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá ba mươi (30) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.*	155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán ("Thông tư 116).

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	GHI CHÚ
		5. Tòa án, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác có quyền chỉ định người đại diện theo pháp luật tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. ***6. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.*** ***a. Đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguy đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trư Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo q định của pháp luật;*** ***b. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách tru thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp ph của Công ty;*** ***c. Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụ địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội ki doanh, tài sản khác của doanh nghiệp để tư lợi hoặc ph vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;*** ***d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình là chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Lu Doanh nghiệp.*** ***7. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy định nội bộ của Công ty."***	
3	*Khoản 1* ***Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty*** *"1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:*	***Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty như sau:***	Sửa đổi, bổ sung theo nhu cầu Doanh nghiệp, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

<table>
<tr><th>STT</th><th>ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH</th><th>NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG</th><th>GHI CHÚ</th></tr>
<tr>
<td></td>
<td>
<table>
<tr><th>STT</th><th>Tên ngành</th><th>Mã ngành</th></tr>
<tr><td>1</td><td>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Chi tiết: Thiết kế lập dự toán, thi công xây dựng cá công trình dân dụng và công nghiệp. Tư vấn đầu tư xây dựng; thẩm định thiết kế và dự toán. Giám sát thi công. Kiểm định chất lượng xây dựng cơ bản.</td><td>7110 (Chính)</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng (không hoạt động tại trụ sở)</td><td>2392</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Sản xuất các cấu kiện kim loại
Chi tiết: Sản xuất cấu kiện thép dùng cho ngành xây dựng (không sản xuất vật liệu xây dựng, luyện kim đúc trong khu dân cư tập trung tại Tp Hồ Chí Minh)</td><td>2511</td></tr>
<tr><td>4</td><td>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị ngành xây dựng</td><td>4663</td></tr>
<tr><td>5</td><td>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản và cơ sở hạ tầng</td><td>6810</td></tr>
</table>
</td>
<td>
1.Ngành nghề kinh doanh của Công ty:
<table>
<tr><th>STT</th><th>Tên ngành</th><th>Mã ngành</th></tr>
<tr><td>1</td><td>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Chi tiết: Thiết kế lập dự toán, thi công xây dựng cá công trình dân dụng và công nghiệp. Tư vấn đầu tư xây dựng; thẩm định thiết kế và dự toán. Giám sát thi công. Kiểm định chất lượng xây dựng cơ bản.</td><td>7110 (Chính)</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Hoạt động thiết kế chuyên dụng</td><td>7410</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Kiểm tra và phân tích kỹ thuật</td><td>7120</td></tr>
<tr><td>4</td><td>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê</td><td>6810</td></tr>
<tr><td>5</td><td>Phá dỡ</td><td>4311</td></tr>
<tr><td>6</td><td>Chuẩn bị mặt bằng</td><td>4312</td></tr>
<tr><td>7</td><td>Lắp đặt hệ thống điện</td><td>4321</td></tr>
<tr><td>8</td><td>Lắp đặt hệ thống xây dựng khác</td><td>4329</td></tr>
<tr><td>9</td><td>Hoàn thiện công trình xây dựng</td><td>4330</td></tr>
<tr><td>10</td><td>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác</td><td>4390</td></tr>
</table>
</td>
<td></td>
</tr>
</table>

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH			NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG			GHI CHÚ
	6	*Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao (không hoạt động tại trụ sở)*	*2395*	***11***	***Bán buôn máy móc, thiết vị và phụ tùng máy khác***	***4659***	
	7	*Xây dựng nhà các loại*	*4100*	***12***	***Vận tải hàng hoá bằng đường bộ***	***4933***	
	8	*Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ*	*4210*	***13***	***Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét***	***2392***	
	9	*Xây dựng công trình kĩ thuật dân dụng khác*	*4290*	***14***	***Sản xuất các cấu kiện kim loại***	***2511***	
	10	*Phá dỡ*	*4311*	***15***	***Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại***	***2592***	
	11	*Chuẩn bị mặt bằng*	*4312*	***16***	***Xây dựng nhà để ở***	***4101***	
	12	*Lắp đặt hệ thống điện (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)*	*4321*	***17***	***Xây dựng nhà không để ở***	***4102***	
				18	***Xây dựng công trình đường sắt***	***4211***	
	13	*Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)*	*4322*	***19***	***Xây dựng công trình đường bộ***	***4212***	
				20	***Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác***	***4299***	
	14	*Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)*	*4329*	***21***	***Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí***	***4322***	
	15	*Hoàn thiện công trình xây dựng*	*4330*	***22***	***Xây dựng công trình điện***	***4221***	
	16	*Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác*	*4390*	***23***	***Xây dựng công trình cấp, thoát nước***	***4222***	
	17	*Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác*	*4659*	***24***	***Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc***	***4223***	

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	GHI CHÚ

18	*Vận tải hàng hóa đường bộ*	*4933*
19	*Kiểm tra và phân tích kỹ thuật*	*7120*
20	*Hoạt động thiết kế chuyên dụng*	*7410*
21	*Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác*	*7730*
22	*Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (không hoạt động tại trụ sở*	*2592*
23	*Xây dựng công trình công ích*	*4220*

Và các ngành nghề kinh doanh khác theo quy định của pháp luật và được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua."

25	***Xây dựng công trình công ích khác***	***4229***
26	***Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng***	***4673***
27	***Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao***	***2395***
28	***Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển***	***77302***
29	***Xây dựng công trình thuỷ***	***4291***
30	***Xây dựng công trình khai khoáng***	***4292***
31	***Xây dựng công trình chế biến, chế tạo***	***4293***
32	***Hoạt động dịch vụ trung gian cho xây dựng chuyên dụng***	***4340***

Và các ngành nghề kinh doanh khác theo quy định của pháp luật và được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua."

4	**Điều 16. Chuyển nhượng cổ phần**	*Bãi bỏ.*	Bãi bỏ Điều 16 vì nội dung trùng lặp với Điều 9 Điều lệ Công ty, thứ tự các Điều sau Điều 16 trong Điều lệ này được tự động lùi đi mà không thay đổi nội dung và ý nghĩa.
5	Khoản 4 **Điều 12. Quyền của cổ đông phổ thông**	*Bãi bỏ*	Bãi bỏ Khoản 4 phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và các nội dung khác tại Điều lệ Công ty.

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	GHI CHÚ
	"4. Quyền của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi (nếu có) sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của pháp luật."		
6	Khoản 4 **Điều 17. Chào bán trái phiếu** *"4. Phương án chào bán trái phiếu ra công chúng phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Việc biểu quyết thông qua Nghị quyết phê duyệt phương án phát hành thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp."*	*Bãi bỏ.*	Bãi bỏ Khoản 4 phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và các nội dung khác tại Điều lệ Công ty.
7	Điểm q khoản 2 **Điều 25. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông** *"q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;"*	Sửa đổi điểm q khoản 2 Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông như sau: *"q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn **35%** tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;"*	Sửa đổi theo nhu cầu Doanh nghiệp, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và các nội dung khác tại Điều lệ Công ty.
8	**Điều 26. *Uỷ quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông*** *"1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 6 Điều 18 Điều lệ này.* *Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.* *2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định*	Sửa đổi, bổ sung **Điều 25. Uỷ quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông** như sau: *"1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp, ~~và khoản 6 Điều 18 Điều lệ này~~.* *Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.*	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng được ban hành kèm theo Thông tư 116.

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	GHI CHÚ
	của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền và phải có chữ ký theo quy định sau đây: *a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;* *b. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;* *c. Trong trường hợp khác thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.* *Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp.* *3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).* *4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:* *a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;*	*2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền,* ***chữ ký của bên uỷ quyền và bên được uỷ quyền.*** ***Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp uỷ quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản uỷ quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).*** *3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:* *a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;* *b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;* *c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.* *Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại."*	

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	GHI CHÚ
	b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền; *c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.* *Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại."*		
9	Điểm a khoản 2 **Điều 28. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông** *"2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:* *a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;"*	Sửa đổi, khoản 2 **Điều 27. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông** như sau: *"2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:* *a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.* ~~***Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông***~~*. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;"*	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng được ban hành kèm theo Thông tư 116.
10	**Điều 31. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**	Sửa đổi **Điều 30. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông** như sau:	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và các nội dung khác tại Điều lệ Công ty.

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	GHI CHÚ
	"1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. *2. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua các nội dung được quy định tại Khoản 2 Điều 25 Điều lệ này bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Nội dung phiếu lấy ý kiến, cách thức, thủ tục gửi, nhận phiếu, kiểm phiếu, ghi biên bản phải tuân thủ quy định tại Điều 149 Luật Doanh nghiệp. Sau thời hạn phiếu lấy ý kiến đã trả lời phải gửi về cho Công ty mà Cổ đông không có phản hồi sẽ coi như Cổ đông đồng ý với dự thảo đã nhận. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện trên năm mươi (50%) tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận."*	*"1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.* *2. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua các nội dung được quy định tại Khoản 2 Điều 24 Điều lệ này bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Nội dung phiếu lấy ý kiến, cách thức, thủ tục gửi, nhận phiếu, kiểm phiếu, ghi biên bản phải tuân thủ quy định tại Điều 149 Luật Doanh nghiệp.* ~~***Sau thời hạn phiếu lấy ý kiến đã trả lời phải gửi về cho Công ty mà Cổ đông không có phản hồi sẽ coi như Cổ đông đồng ý với dự thảo đã nhận***~~*. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện trên năm mươi (50%) tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận."*	
11	**Điều 33. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**	**Điều 32. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**	
	Khoản 1: *"1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty"*	Bổ sung khoản 1 như sau: *"1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, bao gồm cả các trường hợp sau:* ***a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Công ty;*** ***b. Định hướng phát triển Công ty;*** ***c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;***	Bổ sung để làm rõ các trường hợp có thể lấy ý kiến bằng văn bản.

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	GHI CHÚ
		d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát; ***e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;*** ***f. Tổ chức lại, giải thể Công ty."***	
12	**Điều 34. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**	**Điều 33. Biên bản họp và *Nghị quyết* Đại hội đồng cổ đông** Bãi bỏ khoản 4 Điều 33. ~~***4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải lên website của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm biên bản họp được thông qua***~~	Sửa đổi phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng được ban hành kèm theo Thông tư 116.
13	**Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**	**Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**	
	Điểm d khoản 1: *"d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);"*	Sửa đổi điểm d) khoản 1 như sau: *"d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị, **Hội đồng thành viên** của công ty khác);"*	Bổ sung nhằm đảm bảo phù hợp với Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán ("Nghị định 245").
	Khoản 2: *"2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa*	Sửa đổi khoản 2 như sau: *"2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này."*	Sửa đổi theo nhu cầu Doanh nghiệp, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và các nội dung khác tại Điều lệ Công ty.

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	GHI CHÚ
	04 (bốn) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng viên."		
14	**Điều 37. Thành phần và nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng quản trị**	**Điều 36. Thành phần và nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng quản trị**	
	Điểm a Khoản 3: *"3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo như sau:* *a. Tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị"*	Sửa đổi điểm a Khoản 3 như sau: *"1. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo như sau:* *a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của Công ty phải đảm bảo quy định sau:* *i. Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;* *ii. Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;* *iii. Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.* *Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị."*	Sửa đổi nhằm đảm bảo số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phù hợp với Nghị định 245/2025/NĐ-CP.
	Khoản 7: *"7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của tối đa 05 (năm) công ty khác."*	Khoản 7:	Bổ sung phù hợp với Nghị định 245/2025/NĐ-CP.

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	GHI CHÚ
		"7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của tối đa 05 (năm) công ty khác."	
15	**Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị** *"1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.* *2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.* *3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:* *a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;* *b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;* *c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc điều hành và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;*	Sửa đổi, bổ sung **Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị** như sau: ***"1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.*** ***2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:*** ***a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;*** ***b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;*** ***c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;*** ***d. Quyết định giá bán trái phiếu của Công ty; Quyết định giá bán cổ phần của Công ty trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;*** ***e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;*** ***f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;***	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng được ban hành kèm theo Thông tư 116.

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	GHI CHÚ
	d. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; *e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;* *f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;* *g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;* *h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;* *i. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành;* *j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;* *k. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;* *l. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;* *m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;*	***g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;*** ***h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (đã được sửa đổi tại khoản 84 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP);*** ***i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;*** ***j. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;*** ***k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;***	

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	GHI CHÚ
	n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông. *o. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ này.* *4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:* *a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;* *b. Thành lập các công ty con của Công ty;* ***"Điều 195 Luật Doanh nghiệp: Công ty mẹ, công ty con*** *1.Một công ty được coi là công ty mẹ của công ty khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:* *a) Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó;* *b) Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của công ty đó;* *c) Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.* *2. Công ty con không được đầu tư mua cổ phần, góp vốn vào công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được đồng thời cùng góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau.* *3. Các công ty con có cùng một công ty mẹ là doanh nghiệp có sở hữu ít nhất 65% vốn nhà nước không được cùng nhau góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác hoặc*	***l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;*** ***m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;*** ***n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;*** ***o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;*** ***p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Uỷ ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;*** ***q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.*** ***3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung.***	

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	GHI CHÚ
	để thành lập doanh nghiệp mới theo quy định của Luật này." *c. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138 Luật doanh nghiệp và Điều lệ này;* *d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;* *e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;* *f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách;* *g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;* *h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;* *i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;* *j. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;* *k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.*		

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	GHI CHÚ
	5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua. *6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.* *7. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị, đảm bảo có các nội dung sau:* *a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 163 Luật Doanh nghiệp và Điều 39 Điều lệ này.* *b. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.* *c. Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời hạn 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.* *d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu Công ty niêm yết cổ phiếu).*		

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	GHI CHÚ
	e. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có). *f. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc điều hành.* *g. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác.* *h. Các kế hoạch trong tương lai."*		
16	**Điều 39. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**	Bổ sung khoản 6 **Điều 38. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị** ***"6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty."***	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng được ban hành kèm theo Thông tư 116.
17	**Điều 41. Cuộc họp Hội đồng quản trị**	**Điều 40. Cuộc họp Hội đồng quản trị**	
	Khoản 2: *"2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 05 (năm) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp 01 (một) lần."*	*Sửa đổi khoản 2 như sau:* ***"2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường."***	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng được ban hành kèm theo Thông tư 116.
	Khoản 3: *"1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường trong trường hợp sau đây:* *a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;* *b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc điều hành hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;*	Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau: *"1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường trong trường hợp sau đây:* *a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;* *b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;*	Bổ sung quy định cho phép Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị khi cần thiết vì lợi ích Công ty.

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	GHI CHÚ
	c. Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị."	*c. Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị.* ***d. Khi xét thấy cần thiết vì lợi ích Công ty."***	
		Bổ sung khoản 17 như sau: ***"17. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan."***	Bổ sung trách nhiệm của chủ toạ, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp phù hợp với quy định của Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 nhằm sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp.
18	**Điều 52. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát** *"Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:* *1. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;* *2. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm s chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình*	Sửa đổi, bổ sung **Điều 51. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát** như sau: ***1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;*** ***2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;***	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng được ban hành kèm theo Thông tư 116.

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	GHI CHÚ
	độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết; *3. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;* *4. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;* *5. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;* *6. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;* *7. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý;* *8. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, đảm bảo có các nội dung sau:* *a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;* *b. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;* *c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;* *d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, người điều hành khác của Công ty là*	***3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác;*** ***4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;*** ***5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;*** ***6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;*** ***7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*** ***8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;*** ***9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản***	

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	GHI CHÚ
	thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; *e. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành khác của Công ty;* *f. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và các cổ đông.* *9. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;* *10. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị;* *11. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này."*	***sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị;*** ***10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này."***	
19	**Điều 56. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**	**Điều 55. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**	
	Khoản 2 *"2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những*	Bổ sung khoản 2 như sau: *"2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những*	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng được ban hành kèm theo Thông tư 116.

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	GHI CHÚ
	người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác."	*người liên quan tới các thành viên này **chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty**, không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác."*	
	Khoản 7 *"1. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:* *a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;* *b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, người điều*	Sửa đổi khoản 7 như sau: *1. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:* *a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng **35%** tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;* *b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn **35%** hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ **35%** tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc,*	Sửa đổi theo nhu cầu Doanh nghiệp, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và các nội dung khác tại Điều lệ Công ty.

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	GHI CHÚ
	hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan."	*người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan."*	
20	**Điều 69. Gia hạn hoạt động**	Bãi bỏ	Sửa đổi theo nhu cầu Doanh nghiệp, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và các nội dung khác tại Điều lệ Công ty.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1 (DECOFI)

TP. Hồ Chí Minh, Ngày … tháng … năm 2026

MỤC LỤC

MỤC LỤC 1

CHƯƠNG I 6

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ 6

Điều 1. Giải thích thuật ngữ 6

CHƯƠNG II 7

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY 7

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty 7

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty 7

CHƯƠNG III 8

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 8

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty 8

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty 10

CHƯƠNG IV 10

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP 10

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần và cơ cấu cổ phần 10

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu 11

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác 11

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần 11

Điều 10. Thu hồi cổ phần 12

CHƯƠNG V 12

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT 12

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát 12

CHƯƠNG VI 12

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 12

Điều 12. Quyền của cổ đông phổ thông 12

Điều 13. Cổ phần ưu đãi cổ tức và quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức 14

Điều 14. Cổ phần ưu đãi hoàn lại và quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại 15

Điều 15. Chào bán cổ phần 15
Điều 16. Chuyển nhượng cổ phần ..... **Error! Bookmark not defined.**
Điều 17. Chào bán trái phiếu 16
Điều 18. Nghĩa vụ của cổ đông 16
Điều 19. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông 17
Điều 20. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty 17
Điều 21. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại 18
Điều 22. Trả cổ tức 18
Điều 23. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần được mua lại hoặc cổ tức 19
Điều 24. Đại hội đồng cổ đông 19
Điều 25. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông 20
Điều 26. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông 22
Điều 27. Thay đổi các quyền 23
Điều 28. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 23
Điều 29. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 25
Điều 30. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông 25
Điều 31. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 27
Điều 32. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua 28
Điều 33. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 29
Điều 34. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 31
Điều 35. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 32
CHƯƠNG VII 32
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 32
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 32
Điều 37. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 33
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 34
Điều 39. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 35

Điều 40. Chủ tịch Hội đồng quản trị 36
Điều 41. Cuộc họp của Hội đồng quản trị 37
Điều 42. Các tiểu ban thuộc HIội đồng quản trị 40
Điều 43. Người phụ trách quản trị Công ty 40
CHƯƠNG VIII 41
TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 41
Điều 44. Tổ chức bộ máy quản lý 41
Điều 45. Người điều hành doanh nghiệp 41
Điều 46. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc ... 41
Điều 47. Thư ký Công ty 43
Điều 48. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc 43
CHƯƠNG IX 44
BAN KIỂM SOÁT 44
Điều 49. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát 44
Điều 50. Thành phần và nhiệm kỳ của Ban kiểm soát 44
Điều 51. Trưởng Ban kiểm soát 44
Điều 52. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát 45
Điều 53. Cuộc họp của Ban kiểm soát 45
Điều 54. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát 46
CHƯƠNG X 46
TRÁCH NHIỆM CỦA TIIÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KIIÁC 46
Điều 55. Trách nhiệm cẩn trọng 46
Điều 56. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 46
Điều 57. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 47
CHƯƠNG XI 48
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCII VÀ HỒ SƠ CÔNG TY 48
Điều 58. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ 48
CHƯƠNG XII 49
CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN 49

Điều 59. Công nhân viên và công đoàn 49
CHƯƠNG XIII 49
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 49
Điều 60. Phân phối lợi nhuận 49
CHƯƠNG XIV 50
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNII VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN 50
Điều 61. Tài khoản ngân hàng 50
Điều 62. Năm tài chính 50
Điều 63. Chế độ kế toán 50
CHƯƠNG XV 50
BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NIIIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN 50
Điều 64. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý 50
Điều 65. Báo cáo thường niên 51
CHƯƠNG XVI 51
KIỂM TOÁN CÔNG TY 51
Điều 66. Kiểm toán 51
CHƯƠNG XVII 51
CON DẤU 51
Điều 67. Dấu của doanh nghiệp 51
CHƯƠNG XVIII 52
GIẢI THIỂ CÔNG TY 52
Điều 68. Giải thể Công ty 52
Điều 69. Gia hạn hoạt động ..... **Error! Bookmark not defined.**
Điều 70. Thanh lý 52
CHƯƠNG XIX 53
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 53
Điều 71. Giải quyết tranh chấp nội bộ 53
CHƯƠNG XX 53
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ 53

Điều 72. Điều lệ Công ty 53
CHƯƠNG XXI **54**
NGÀY HIỆU LỰC **54**
Điều 73. Ngày hiệu lực 54

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
   a. Công ty là Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế số 1 (DECOFI);
   b. Vốn điều lệ là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
   c. Vốn có quyền biểu quyết là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
   d. Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
   e. Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
   f. Việt Nam là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
   g. Ngày thành lập là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
   h. Người điều hành doanh nghiệp là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;
   i. Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
   j. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;
   k. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
   l. Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
   m. Thời hạn hoạt động là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;
   n. Sở giao dịch chứng khoán là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:
   - Tên tiếng Việt : **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1**
   - Tên tiếng Anh : DESIGN AND CONSTRUCTION JOINTSTOCK COMPANY No.1
   - Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1
   - Tên viết tắt : DECOFI
2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
   - Địa chỉ trụ sở : 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh
   - Điện thoại : (84-28) 38230276
   - Fax : (84-28) 38225050
   - E-mail : bantgd@decofi.vn
   - Website : www.decofi.vn
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 67 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Người đại điện theo pháp luật của Công ty là Tổng Giám đốc.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú tại Việt Nam. Khi xuất cảnh khỏi Việt Nam, người đại diện theo pháp luật của Công ty phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.
3. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại khoản 2 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

4. Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá ba mươi (30) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Tòa án, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác có quyền chỉ định người đại diện theo pháp luật tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

6. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.

   a. Đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;

   b. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

   c. Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

   d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

7. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy định nội bộ của Công ty.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	**Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Chi tiết: Thiết kế lập dự toán, thi công xây dựng cá công trình dân dụng và công nghiệp. Tư vấn đầu tư xây dựng; thẩm định thiết kế và dự toán. Giám sát thi công. Kiểm định chất lượng xây dựng cơ bản.**	**7110 (Chính)**
2	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
3	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120

4	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
5	Phá dỡ	4311
6	Chuẩn bị mặt bằng	4312
7	Lắp đặt hệ thống điện	4321
8	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
9	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
10	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
11	Bán buôn máy móc, thiết vị và phụ tùng máy khác	4659
12	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ	4933
13	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
14	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
15	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
16	Xây dựng nhà để ở	4101
17	Xây dựng nhà không dể ở	4102
18	Xây dựng công trình đường sắt	4211
19	Xây dựng công trình đường bộ	4212
20	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
21	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
22	Xây dựng công trình điện	4221
23	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
24	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
25	Xây dựng công trình công ích khác	4229
26	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4673
27	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
28	Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển	77302

29	Xây dựng công trình thuỷ	4291
30	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
31	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
32	Hoạt động dịch vụ trung gian cho xây dựng chuyên dụng	4340

Và các ngành nghề kinh doanh khác theo quy định của pháp luật và được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn một cách hiệu quả trong việc phát triển các ngành nghề sản xuất kinh doanh đã đăng ký, nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối da, tăng lợi tức cho các cổ đông, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này và các ngành nghề kinh doanh khác theo quy định của pháp luật sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua và đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

2. Trường hợp Công ty kinh doanh nghành nghề đầu tư kinh doanh có diều kiện, Công ty phải đáp ứng dủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần và cơ cấu cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 529.988.910.000 đồng (Năm trăm hai mươi chín tỷ chín trăm tám mươi tám triệu chín trăm mười nghìn đồng).

   Tổng vốn diều lệ của Công ty được chia thành 52.998.891 cổ phần (Năm mươi hai triệu chín trăm chín mươi tám nghìn tám trăm chín mươi mốt cổ phần).

2. Công ty có thể thay dổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy dịnh của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 17 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ dông và phù hợp với các quy định của pháp luật. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần ưu đãi khác dược quy định tại Điều 13, Điều 14, Điều 17 Diều lệ này.

5. Cổ phần phổ thông do Công ty phát hành phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong

Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và các đối tượng với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) và pháp luật về chứng khoán, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo dề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

   - Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
   - Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

   Trong trường hợp này, cổ đông chịu trách nhiệm thanh toán mọi chi phí liên quan đến việc cấp lại cổ phiếu này cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi pháp luật có quy định khác.

2. Cổ phiếu được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán, Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy dủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ lãi suất ngân hàng TMCP vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
3. Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông phổ thông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
   a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức bỏ phiếu trực tuyến hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp cổ phiếu đang trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định về chào bán hoặc phát hành thêm cổ phiếu hoặc trong các trường hợp khác theo quy định của pháp luật;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty chào bán thêm các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông

là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Cổ phần ưu đãi cổ tức và quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức

1. Cổ phần ưu đãi cổ tức là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hằng năm. Cổ tức được chia hằng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng được ghi rõ trong cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức.

2. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có quyền sau đây:

a. Nhận cổ tức theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b. Nhận phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ, cổ phần ưu đãi hoàn lại khi Công ty giải thể hoặc phá sản;

c. Quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cổ tức dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi cổ tức trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cổ tức sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi

cổ tức trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 14. Cổ phần ưu đãi hoàn lại và quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại

1. Cổ phần ưu đãi hoàn lại là cổ phần được Công ty hoàn lại vốn góp theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại.
2. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại có quyền như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.
3. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này.
4. Cổ phần ưu đãi ưu đãi hoàn lại có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi hoàn lại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi hoàn lại trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi hoàn lại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi hoàn lại trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 15. Chào bán cổ phần

1. Chào bán cổ phần là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán để tăng vốn điều lệ.
2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo các hình thức sau đây: chào bán cho các cổ đông hiện hữu, chào bán ra công chúng và chào bán cổ phần riêng lẻ.
3. Việc chào bán cổ phần của Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
4. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.
5. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ trường hợp sau đây:
   a. Cổ phần bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
   b. Cổ phần bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của họ ở Công ty;
   c. Cổ phần bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh; trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Chào bán trái phiếu

1. Chào bán trái phiếu riêng lẻ và chào bán trái phiếu ra công chúng của Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
2. Phương án chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ và chào bán trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Việc biểu quyết thông qua Nghị quyết phê duyệt phương án phát hành thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.
3. Hội đồng quản trị có quyền phê duyệt Phương án chào bán trái phiếu không chuyển đổi không kèm chứng quyền riêng lẻ nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất; báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ chào bán trái phiếu.

Điều 17. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ này và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
   a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
   b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
   c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
   d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
   a. Vi phạm pháp luật;
   b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
   c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 18. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 19. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 (mười hai) tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Công ty theo trình tự, thủ tục sau đây:

   a. Quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức để bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải gồm tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông bán cổ phần của họ cho Công ty;

   b. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức để bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nêu trên.

Điều 20. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1. Công ty chỉ được thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 18 và Điều 19 Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 18 và Điều 19 Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán. Cổ phần chưa bán là cổ phần được quyền chào bán và chưa được thanh toán cho Công ty. Công ty phải đăng ký giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty.
4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần được mua lại.

Điều 21. Trả cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu dãi.
2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ Công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; ngay sau khi trả hết số cổ tức dã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác dến hạn
3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản theo các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ dông. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo các quy định tại Điều lệ này.
4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc họp Dại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ dông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả dối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức dể bảo đảm đến cổ dông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ dông chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty và địa chỉ trụ sở chính của Công ty; họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân dối với cổ dông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính dối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông;

mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận; thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

6. Việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức được thực hiện theo quy định về pháp luật chứng khoán. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

Điều 22. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần được mua lại hoặc cổ tức

Trường hợp việc thanh toán cổ phần được mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 20 Điều lệ này hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 21 Điều lệ này, cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

Điều 23. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm 01 (một) lần và trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

   a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội dồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn, ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

l. Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;

e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

j. Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;

k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 (ba) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 25. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

   Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên uỷ quyền và bên được uỷ quyền.

   Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp uỷ quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản uỷ quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

   a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 26. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ dông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ dông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay dổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 (hai) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 27, 28 và 29 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 27. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 23 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ dông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có

quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ Đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo dảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi mốt) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 (ba) làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ dông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6. Người triệu tập họp Đại hội dồng cổ đông phải chấp nhận và dưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy dịnh tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu dược Dại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 28. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ dông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ diều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba dược tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 29. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc dăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

   a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên dó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ dông đó;

   b. Cổ đông, người dại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền dến sau khi cuộc họp dã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau dó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng dại hội để cho cổ đông dến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung dã dược biểu quyết trước dó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

   a. Chủ tịch Hội dồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HIội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ dông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội dồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành dể Đại hội đồng cổ dông bầu chủ tọa

cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Trường hợp bầu Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì thành viên ban kiểm phiếu không được đồng thời là ứng cử viên những chức danh này.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Điều lệ này.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến tại Đại hội. Việc biểu quyết được thực hiện thông qua thẻ biểu quyết (số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định) và/hoặc phiếu biểu quyết. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ đại hội có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội.

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội

12. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 30. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua các nội dung được quy định tại Khoản 2 Điều 24 Điều lệ này bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Nội dung phiếu lấy ý kiến, cách thức, thủ tục gửi, nhận phiếu, kiểm phiếu, ghi biên bản phải tuân thủ quy định tại Điều 149 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện trên năm mươi (50%) tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

Điều 31. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này:
   a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
   b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
   c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
   d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
   e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
   f. Vấn đề khác theo quy định pháp luật.
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại khoản 1 Điều 36 Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên cùng đạt số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.
4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.
5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm thông qua.
6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được cổ đông ưu đãi của cùng loại cổ phần cổ phần đó dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại

đó trở lên tán thành tại cuộc họp hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

7. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 32. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, bao gồm cả các trường hợp sau:
   a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Công ty;
   b. Định hướng phát triển Công ty;
   c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
   d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
   e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
   f. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và mã số doanh nghiệp;
   b. Mục đích lấy ý kiến;
   c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
   d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
   e. Phương án biểu quyết bao gồm "tán thành", "không tán thành" và "không có ý kiến" đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành Công ty theo quy định tại Điều 44 Điều lệ này. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, và mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu phải được đăng tải lên website của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có

quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 33. Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

   b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

   c. Chương trình và nội dung cuộc họp;

   d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

   e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

   f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

   g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

   h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

   i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký.

   Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, toàn văn Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã được thông qua, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 34. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 31 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng cử viên, thông tin liên quan đến các ứng cử viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
   a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
   b. Trình độ chuyên môn;
   c. Quá trình công tác;
   d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty khác);
   e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
   f. Các thông tin khác (nếu có);

   Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh

nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

Điều 36. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 05 (năm) người và nhiều nhất là 11 (mười một) người. Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của công ty không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo như sau:

   a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của Công ty phải đảm bảo quy định sau:

      i. Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

      ii. Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

      iii. Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

   Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

   b. Trong trường hợp Công ty niêm yết cổ phiếu, số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty phải đảm bảo quy định sau:

      i. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

      ii. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

      iii. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của tối đa 05 (năm) công ty khác.

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
   a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
   b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
   c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
   d. Quyết định giá bán trái phiếu của Công ty; Quyết định giá bán cổ phần của Công ty trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
   e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
   f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
   g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
   h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (đã được sửa đổi tại khoản 84 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP);
   i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
   j. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Uỷ ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

Điều 38. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

3. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp, phải được công bố chi tiết thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm và báo cáo thường niên của Công ty.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 39. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

   a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

   b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

   c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

   d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

   e. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

   f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

6. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 40. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường trong trường hợp sau đây:
   a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
   b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
   c. Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị.
   d. Khi xét thấy cần thiết vì lợi ích Công ty.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ này quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

   a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

   b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

   c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

   d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

   e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Biểu quyết.

   a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có 01 (một) phiếu biểu quyết;

   b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

   c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ toạ cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ toạ liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

   d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a, b và c khoản 7 Điều 55 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch

được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

14. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

    a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

    b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

    Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.

    Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua diện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này

15. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

16. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của da số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

17. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên dới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

18. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt, chi tiết và rõ ràng, phải có họ tên và chữ ký của Chủ tọa, Thư ký, người ghi biên bản và tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Điều 41. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội dồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.
2. Việc thực thi quyết định của Hội dồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

Điều 42. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
    a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
    b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
    c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
    d. Tham dự các cuộc họp;
    e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này;

j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 43. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

Điều 44. Người điều hành doanh nghiệp

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.
2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 45. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc, ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thưởng, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

   Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho Công ty.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp.

4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

   a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

   b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

   c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

   d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

   e. Chậm nhất ngày 20 tháng 10 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 (năm) năm;

   f. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

   g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

h. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 46. Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng Thư ký Công ty để hỗ trợ hội dồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau dây:

1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội dồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
4. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
5. Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
6. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 47. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

1. Công ty có quyền trả lương, thưởng cho Tổng Giám đốc theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Tổng Giám đốc được trả tiền lương và tiền thưởng. Tiền lương được tính căn cứ trên hợp đồng lao động được ký kết giữa Tổng Giám đốc và Công ty. Tiền thưởng căn cứ trên hiệu quả điều hành công việc. Tiền lương, tiền thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
3. Tiền lương, tiền thưởng của Tổng Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Tổng Giám đốc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của mình có thể được trả thêm tiền lương, phụ cấp dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Tổng Giám đốc có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm của mình.

CHƯƠNG IX

BAN KIỂM SOÁT

Điều 48. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 35 Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 49. Thành phần và nhiệm kỳ của Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 (ba) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
   a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
   b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó.
3. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 174 Luật Doanh nghiệp.
4. Việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 50. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
   a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 51. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác;
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị;
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 52. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát;

2. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

3. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 53. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 54. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 55. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người liên quan tới các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty, không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ

chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới thành viên nêu trên, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

6. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

7. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

   a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

   b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 56. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn

thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 57. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
   a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
   b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở

hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 58. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 59. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty, sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đã đến hạn phải trả và sau khi đã nộp vào các quỹ.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng

ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 60. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 61. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 62. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 63. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 65 Điều lệ này và quy định khác của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 64. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 65. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 03 (ba) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính

3. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII

CON DẤU

Điều 66. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của Công ty. Nội dung con dấu phải thể hiện thông tin về Tên Công ty; Mã số Công ty.

3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo Quy chế làm việc của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII

GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 67. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
   a. Giải thể trước thời hạn theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
   b. Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật doanh nghiệp trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
   c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.
3. Việc giải thể hoặc chấm dứt hoạt động phải thông báo và thực hiện theo trình tự và thủ tục quy định tại Điều 207, 208, 209, 210, 211 và 212 của Luật doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật.

Điều 68. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên, trong đó 02 (hai) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 (một) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 (một) công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
   a. Các chi phí thanh lý;
   b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
   c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
   d. Các khoản nợ khác của Công ty;

c. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 69. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định giữa:

   a. Cổ đông với Công ty;

   b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác.

   Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu được chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí trong quá trình tố tụng được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 70. Điều lệ Công ty

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 71. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương 71 Điều được Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế số 1 biểu quyết thông qua ngày … tháng … năm 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 10 (mười) bản, có giá trị như nhau, được sử dụng để đăng ký tại các cơ quan có thẩm quyền và lưu giữ tại Trụ sở của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị hoặc chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty./

Chữ ký của NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Ông NGUYỄN MINH TÂM
Chức danh quản lý: Tổng Giám Đốc

CTCP XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1 (DECOFI)	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 13../2026/TT/DCF-HĐQT	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2026*

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v: Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1;*
- *Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1 ban hành theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 0001/2021/NQ-ĐHCĐ ngày 16/04/2021.*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, thông qua sửa đổi, bổ sung toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1, toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị Công ty thay thế đính kèm Tờ trình này.

Giao Hội đồng quản trị của Công ty tổ chức hoàn thiện và ký ban hành toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1 mới. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty mới sẽ có hiệu lực kể từ ngày được ký ban hành, thay thế cho toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị Công ty hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận và thông qua./.

Nơi nhận: - *Như trên;* - *Lưu VP.HĐQT.*	**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** **CHỦ TỊCH** M.S.D.N: 0301248796 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **PHẠM HÙNG CƯỜNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

DECOFI

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1

TP. Hồ Chí Minh, tháng 04 năm 2026

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người có liên quan.

CHƯƠNG II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

MỤC 1: VAI TRÒ, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 2. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò của Đại hội đồng cổ đông

   Đại hội dồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

2. Đại hội dồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
   a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
   b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
   c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
   d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
   e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
   f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
   g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
   h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
   i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
   j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

MỤC 2: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP

Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

   a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

   b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

   c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp và khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

   d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

   e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

   a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 2 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;

   b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 2 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại;

d. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 4. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo chốt danh sách cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông, sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn ngắn hơn.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng, trong đó nêu rõ các nội dung ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện các quyền, lý do và mục đích họp cũng như thời gian, địa điểm và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông dự kiến.

4. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu.

Điều 5. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất 21 ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ dông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội dồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ dông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

2. Công ty không được hạn chế cổ dông tham dự họp Đại hội đồng cổ dông và tạo điều kiện cho cổ dông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông hoặc bỏ phiếu bằng thư bảo dảm khi cổ đông có yêu cầu. Công ty phải hướng dẫn thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông theo quy dịnh.

Điều 6. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; xác định thời gian, dịa điểm và gửi thông báo mời họp và gửi thông báo mời họp dến các cổ đông có quyền dự họp và các công việc khác phục vụ Đại hội theo quy dịnh của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Cổ dông hoặc nhóm cổ dông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp và khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội dồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ họ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị dưa vào chương trình họp.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

   a. Kiến nghị được gửi dến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

   b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ dủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

   c. Vấn dề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết dịnh của Đại hội dồng cổ dông;

   d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

   Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ dông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ dông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 7. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

   Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

   Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

   a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

   b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

   c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

   Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm một trong các cách thức sau: đăng ký trực tiếp, qua điện thoại, fax, gửi thư hoặc gửi thư điện tử cho Công ty trước thời hạn ghi trong thư mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Nếu cổ đông không thể tham dự Đại hội thì có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn 01 người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu biểu quyết của mỗi người đại diện, nếu không xác định sẽ được coi là chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền. Việc

ủy quyền cho người đại diện họp phải được lập thành văn bản theo mẫu của Công ty đã gửi kèm thư mời họp hoặc theo địa chỉ trên trang thông tin điện tử của Công ty (ghi trên thư mời họp) và phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là Người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông và người được ủy quyền dự họp (trường hợp ủy quyền cho cá nhân)/Người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền (trường hợp ủy quyền cho tổ chức);

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp (trường hợp ủy quyền cho cá nhân)/Người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền (trường hợp ủy quyền cho tổ chức);

c. Trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

d. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc căn cước công dân để kiểm tra và nộp lại văn bản bản gốc giấy ủy quyền trước khi vào họp.

Điều 9. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 10. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Tuỳ thuộc vào quy định tại Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Công ty có thể sử dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong việc biểu quyết, bao gồm biểu quyết thông qua hệ thống điện tử được bảo mật, biểu quyết qua internet hoặc qua điện thoại để tạo điều kiện thuận lợi cho các cổ đông tham gia dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Cách thức bỏ phiếu

1. Khi đăng ký cổ đông dự họp, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông và/hoặc tên người đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một (01) thẻ biểu quyết hoặc một (01)

phiếu biểu quyết (hoặc cả hai (02) loại trên), trên đó có ghi thông tin của cổ đông, số cổ phần có quyền biểu quyết, các nội dung cần thông qua tại Đại hội.

2. Hình thức biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông:

   a. Biểu quyết theo hình thức giơ thẻ;

   b. Biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu.

3. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;

Điều 12. Cách thức kiểm phiếu

1. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

2. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm công bố kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.

3. Đối với trường hợp biểu quyết giơ thẻ: Ban kiểm phiếu sẽ ghi nhận số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với mỗi nội dung biểu quyết, sau đó tổng hợp trực tiếp và báo cáo ngay tại đại hội.

4. Đối với trường hợp bỏ phiếu: Các cổ đông sau khi lựa chọn các phương án biểu quyết tại mỗi nội dung trên phiếu biểu quyết, các cổ đông sẽ bỏ phiếu biểu quyết vào thùng phiếu. Thùng phiếu do Ban kiểm phiếu quản lý. Sau mỗi nội dung hoặc sau khi các nội dung đã được xin ý kiến, Ban kiểm phiếu tiến hành mở thùng phiếu dưới sự chứng kiến của các thành viên Ban kiểm phiếu và các cổ đông tham dự họp.

5. Biên bản kiểm phiếu là văn bản tổng hợp kết quả kiểm phiếu của Ban kiểm phiếu đối với ý kiến của cổ đông với các nội dung của đại hội, trong đó phải bao gồm các nội dung sau:

   c. Tên trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

   d. Các nội dung biểu quyết;

   e. Số cổ đông tham dự đại hội, số phiếu tham gia biểu quyết, trong đó nêu rõ số phiếu biểu quyết hợp lệ và không hợp lệ;

   f. Tổng số phiếu và tỷ lệ phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng nội dung biểu quyết của đại hội;

   g. Các nội dung đã được thông qua, không được thông qua tại đại hội;

   h. Họ tên, chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu.

Điều 13. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít

nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này:

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

e. Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu ít nhất 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

5. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 14. Thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu được bầu theo quy định tại Điều 12 Quy chế này có trách nhiệm công bố kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật;

2. Đối với các nội dung biểu quyết Đại hội đồng cổ đông quyết định biểu quyết theo hình thức giơ thẻ, chủ tọa hoặc đại diện Ban kiểm phiếu công bố công khai ngay sau khi tiến hành biểu quyết về nội dung đó;

3. Đối với các nội dung Đại hội đồng cổ đông quyết định biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu, Biên bản kiểm phiếu phải được đại diện Ban kiểm phiếu công bố trước thời điểm bế mạc đại hội.

Điều 15. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

3. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Công ty.

4. Trong mọi trường hợp, cổ đông vẫn phải tuân thủ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của tòa án hoặc trọng tài về việc hủy nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm ghi toàn bộ diễn biến Đại hội, lập biên bản và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp.

2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Biên bản phải bao gồm các nội dung chủ yếu quy định tại Luật Doanh nghiệp.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp;

4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trên biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày hoặc thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 17. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo Thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

2. Biên bản họp, toàn văn nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã được thông qua và tài liệu kèm theo phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

MỤC 3: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN

Điều 18. Các trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, bao gồm cả các trường hợp sau:

   a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Công ty;

   b. Định hướng phát triển Công ty;

   c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

   d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;

   e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

   f. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

Điều 19. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty và Điều 4 Quy chế này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Điều lệ Công ty và Điều 5 Quy chế này.

2. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và mã số doanh nghiệp;

   b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

e. Phương án biểu quyết bao gồm "tán thành", "không tán thành" và "không có ý kiến" đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

4. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp theo quy định tại Điều 45 Điều lệ Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, và mã số doanh nghiệp;

b. Mục dích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

5. Biên bản kiểm phiếu phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

6. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

7. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

MỤC 4: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN

Hội đồng quản trị có quyền quyết định tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến (sử dụng hệ thống bỏ phiếu điện tử) trên hệ thống dịch vụ bỏ phiếu điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam hoặc một (01) tổ chức có chức năng, thẩm quyền theo quy định.

Điều 20. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Việc thông báo triệu tập họp (bao gồm lập danh sách cổ đông đông có quyền dự họp, Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp, gửi Thông báo mời họp) được thực hiện tương tự như đối với cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp và theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Quy chế này.

Điều 21. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Mỗi cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền được cấp một (01) tài khoản truy cập để thực hiện đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu trực tuyến;

2. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đăng nhập bằng tài khoản truy cập được cấp và sử dụng mật khẩu xác thực một (01) lần (OTP) để đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu trực tuyến theo hướng dẫn được Công ty gửi đến địa chỉ thư điện tử hoặc hướng dẫn được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty;

3. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sau khi cuộc họp trực tuyến đã khai mạc thì vẫn được đăng ký tham dự và có quyền biểu quyết sau khi đã hoàn thành đăng ký tham dự. Trong trường hợp này, chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức

hoặc người được ủy quyền tham gia muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 22. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.
2. Cổ đông uỷ quyền cho người khác tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến phải cung cấp đầy đủ và bảo mật thông tin về tài khoản truy cập cũng như các yếu tố định danh khác được Công ty cung cấp để người được uỷ quyền tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến, bỏ phiếu trực tuyến các nội dung của đại hội. Cổ đông và người được uỷ quyền chịu trách nhiệm đối với việc uỷ quyền và kết quả bỏ phiếu trực tuyến theo tài khoản truy cập được cấp.

Điều 23. Điều kiện tiến hành

3. Số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.
4. Hệ thống tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến phải đáp ứng các điều kiện sau:
   a. Đường truyền của hệ thống tại địa điểm chính phải liên tục, ổn định, đảm bảo sự tham dự của các cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền không bị gián đoạn. Trường hợp xảy ra sự kiện làm gián đoạn việc tiến hành Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, chủ toạ phải tóm tắt lại diễn biến phần gián đoạn đó;
   b. Địa điểm chính phải đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, đường truyền, nguồn điện, phương tiện điện tử và các trang thiết bị khác theo yêu cầu và tính chất của cuộc họp trực tuyến;
   c. Đảm bảo an toàn thông tin, giữ bí mật tài khoản truy cập vào hệ thống. Mọi thông tin tiếp nhận và cung cấp trên hệ thống đảm bảo nguyên tắc bảo mật thông tin và phù hợp với các quy định của pháp luật;
   d. Dữ liệu điện tử của chương trình Đại hội đồng cổ đông trực tuyến phải được lưu giữ, trích xuất được từ hệ thống.

Điều 24. Hình thức thông qua

Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức bỏ phiếu điện tử.

Điều 25. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu trực tuyến và thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Đại biểu chọn lựa một (01) trong ba (03) phương án biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại đại hội đã được cài đặt trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống ghi nhận kết quả.

2. Cách thức bỏ phiếu bầu cử: Đại biểu thực hiện việc bầu cử theo hướng dẫn tại quy chế bầu cử trực tuyến được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông và tiến hành xác nhận bầu cử để hệ thống ghi nhận kết quả.

3. Các quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể tại (các) quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

4. Khi đại biểu thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số biểu quyết tán thành, biểu quyết không tán thành và biểu quyết không có ý kiến.

5. Kết quả kiểm phiếu được công bố trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 26. Lập biên bản họp và công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Việc lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện tương tự như đối với cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp và theo quy định tại Điều 16 Quy chế này.

2. Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

   a. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo Thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

   b. Biên bản họp, toàn văn Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã được thông qua và tài liệu kèm theo phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

3. Các nội dung khác liên quan đến việc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến sẽ được quy định cụ thể tại (các) quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

MỤC 5: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỢP VỚI TRỰC TUYẾN

Hội đồng quản trị có quyền quyết định tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp với trực tuyến (sử dụng hệ thống bỏ phiếu điện tử) trên hệ thống dịch vụ bỏ phiếu điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam hoặc một (01) tổ chức có chức năng, thẩm quyền theo quy định.

Điều 27. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

Việc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến tương tự như việc họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức biểu quyết tại cuộc họp và hình thức hội nghị trực tuyến, được thực hiện theo (các) quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông hàng năm được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông. Nội dung (các) quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị xây dựng, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và tối thiểu có các nội dung sau:

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;

2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp với trực tuyến;
3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;
4. Điều kiện tiến hành;
5. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
6. Cách thức bỏ phiếu;
7. Cách thức kiểm phiếu;
8. Thông báo kết quả kiểm phiếu;
9. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
10. Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

MỤC 1: VAI TRÒ, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 28. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ động.
2. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và các trách nhiệm, nghĩa vụ sau:
   a. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty;
   b. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
   c. Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy định nội bộ của Công ty;
   d. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty;
   e. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
   f. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều 270 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
   g. Bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty;

h. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người phụ trách quản trị Công ty và người quản lý khác của Công ty;

i. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

j. Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

Điều 29. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

   a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

   b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

   c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

   d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

   e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Từng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty (khi đã niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán) phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

MỤC 2: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 30. Nhiệm kỳ, số lượng và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 05 người và nhiều nhất là 11 người. Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc

lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo như sau:

   a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của Công ty phải đảm bảo quy định sau:

      i. Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

      ii. Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

      iii. Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên;

      Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

   b. Trong trường hợp Công ty niêm yết cổ phiếu, số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty phải đảm bảo quy định sau:

      i. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

      ii. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

      iii. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 31. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

Ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty thì thành viên Hội đồng quản trị Công ty cần có các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị cần hạn chế nắm giữ kiêm nhiệm chức vụ trong bộ máy điều hành của Công ty để đảm bảo có sự tách biệt giữa vai trò giám sát và điều hành Công ty.

2. Có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty khác nhưng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên tại quá 05 công ty khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

Điều 32. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế này và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc phân bố đồng đều.

2. Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi giá trị hoặc số cổ phiếu, có đóng dấu Công ty.

3. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.

4. Phiếu bầu được phát tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông. Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên những người ứng cử vào Hội đồng quản trị, thông tin về cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện. Cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.

5. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

   a. Phiếu không phải của Ban tổ chức phát hành;

   b. Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó (gồm số lượng cổ phần cổ đông sở hữu và được ủy quyền);

   c. Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;

   d. Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

6. Ứng viên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, tiêu chí quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử.

Điều 34. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
   a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
   b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
   c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
   a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
   b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
   a. Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.
   b. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
   c. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 36 của Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.
   d. Trừ trường hợp quy định tại diểm a, điểm b, diểm c khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 35. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 36. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
   a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
   b. Trình độ chuyên môn;
   c. Quá trình công tác;
   d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
   e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
   f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

Điều 37. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được

nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 38. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được trả theo quy định sau đây:

   a. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

   b. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp, phải được công bố chi tiết thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm và báo cáo thường niên của Công ty.

   c. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

   d. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

   e. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao

gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 39. Các lợi ích liên quan khác của thành viên Hội đồng quản trị của Công ty

1. Công ty tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

   a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

   b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

   a. Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

   b. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công ty;

   c. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;

   d. Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản

trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

MỤC 3: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 40. Số lượng cuộc họp tối thiểu và các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất 01 lần và có thể họp bất thường.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới dây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:
   a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
   b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
   c. Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị.
   a. Khi xét thấy cần thiết vì lợi ích Công ty.
3. Đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục dích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

Điều 41. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ này quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

2. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

Điều 42. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 43. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 44. Cách thức biểu quyết và uỷ quyền tham dự

1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
   a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
   b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 3 Điều này;
   c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
   d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
   e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.
2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
3. Biểu quyết.
   a. Trừ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có 01 (một) phiếu biểu quyết;
   b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối

thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ toạ cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ toạ liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a, b và c khoản 7 Điều 55 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

4. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

5. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

6. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

   a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

   b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

   Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

Điều 45. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

2. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

Điều 46. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

   b. Thời gian, địa điểm họp;

   c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;

   d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

   e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

   f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

   g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

   h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

   i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ

tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt, chi tiết và rõ ràng, phải có họ tên và chữ ký của Chủ tọa, Thư ký, người ghi biên bản và tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Điều 47. Thông báo Nghị quyết Hội đồng quản trị

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu), hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử của Công ty theo trình tự và quy định của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

MỤC 4. THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 48. Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Khi thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ…

2. Số lượng và cơ cấu thành viên của các tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Tiêu chuẩn Trưởng tiểu ban và các thành viên của tiểu ban cũng như trách nhiệm của các tiểu ban và từng thành viên do Hội đồng quản trị quy định.

4. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

5. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

6. Trường hợp Công ty không thành lập các tiểu ban thì Hội đồng quản trị cử người phụ trách riêng về từng vấn đề như kiểm toán, lương thưởng, nhân sự...

MỤC 5. LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN

TRỊ CÔNG TY

Điều 49. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất 01 người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả.
2. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là 05 năm. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm Thư ký Công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 50. Tiêu chuẩn Người phụ trách quản trị Công ty

Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

1. Có hiểu biết về pháp luật.
2. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 51. Miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

Điều 52. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty cũng như thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán, các quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 53. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty

1. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;
2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
4. Tham dự các cuộc họp;
5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
6. Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
7. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
8. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
9. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 54. Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng Thư ký Công ty để hỗ trợ hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp.
2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
4. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.
5. Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.
6. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV

BAN KIỂM SOÁT

MỤC 1: VAI TRÒ, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT, TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 55. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và các trách nhiệm, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt: Danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính; tổ chức kiểm toán dược chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám dốc, người quản lý khác;
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;
5. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty vi phạm pháp luật, Điều lệ Công ty, dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc khách hàng, Ban Kiểm soát có trách nhiệm yêu cầu giải trình trong thời gian nhất định hoặc đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để giải quyết. Đối với các vi phạm pháp luật, Ban Kiểm soát phải báo cáo bằng văn

bản cho UBCKNN trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm và thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời hạn bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Điều 56. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

Thành viên ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

7. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.

MỤC 2: NHIỆM KỲ, SỐ LƯỢNG, THÀNH PHẦN, CƠ CẤU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 57. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát: ba (03) thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa

được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

3. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

Điều 58. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát

4. Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
   a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
   b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
   c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
   d. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.
   e. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
   f. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
   g. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

5. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều 59. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu tối thiểu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử ứng cử viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế này và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 60. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát

Việc bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu và tiến hành theo cách thức tương tự đối với bầu thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều 33 Quy chế này.

Điều 61. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
   a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp;
   b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
   c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.
2. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
   a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
   b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
   c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
   d. Trường hợp khác theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
   e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 62. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 63. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG V

TỔNG GIÁM ĐỐC

MỤC 1: VAI TRÒ, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 64. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
3. Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của Tổng Giám đốc được quy định tại Điều lệ công ty, cụ thể như sau:
   a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
   b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
   c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
   d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
   e. Chậm nhất ngày 20 tháng 10 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 năm;
   f. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
   g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

h. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc;

MỤC 2: BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, KÝ HỢP ĐỒNG, CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 65. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

1. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Tiêu chuẩn của Tổng Giám đốc và điều kiện làm Tổng Giám đốc tuân thủ theo quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 66. Ứng cử, đề cử, bổ nhiệm Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc 01 người khác làm Tổng Giám đốc và ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.
2. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể đề cử ứng cử viên hoặc tự ứng cử cho vị trí Tổng Giám đốc. Trường hợp có nhiều ứng cử viên thì Hội đồng quản trị có thể xem xét, phỏng vấn và thực hiện các công việc khác (như tiến hành thăm dò ý kiến trong lãnh đạo chủ chốt Công ty,...) để lựa chọn người được bổ nhiệm.
3. Hồ sơ đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc do người đề cử ứng cử viên chuẩn bị, bao gồm:
   a. Sơ yếu lí lịch do ứng cử viên tự kê khai nêu rõ nhân thân, học vấn, kinh nghiệm;
   b. Bản kê khai tài sản, thu nhập;
   c. Chương trình hành động;
   d. Bản tự nhận xét đánh giá quá trình công tác;
   e. Các bản sao văn bằng, chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng (có công chứng hoặc đóng dấu của cơ quan sao y bản chính);
   f. Các kết luận kiểm tra, thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và các giấy tờ liên quan khác đối với nhân sự đề nghị bổ nhiệm (nếu có).
4. Toàn bộ hồ sơ nêu trên phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị dự họp cùng với tài liệu mời họp, trừ trường hợp các thành viên Hội đồng quản trị không có ý kiến phản đối về thời gian gửi tài liệu. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết về việc bổ nhiệm để Chủ tịch Hội đồng quản trị ký quyết định bổ nhiệm.

Điều 67. Ký hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc

Sau khi có quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động (hoặc phụ lục hợp đồng lao động) với Tổng Giám đốc. Nội dung hợp đồng lao

động phải ghi rõ nguyên tắc trả thù lao, mức thu nhập, các quyền lợi được hưởng, trách nhiệm và quyền hạn. Nội dung của hợp đồng lao động phải tuân thủ các quy định của pháp luật lao động và Điều lệ Công ty.

Điều 68. Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám dốc xin từ chức phải làm đơn gửi cho Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị Công ty phải xem xét và quyết định. Trong thời gian chưa có ý kiến, quyết định của Hội đồng quản trị thì Tổng Giám dốc vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm.
2. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám dốc trong trường hợp sau:
    a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;
    b. Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
    c. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt hợp dồng lao động;
    d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 69. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc

Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc trong nội bộ Công ty cũng như thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán, các quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VI

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 70. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc

1. Đối với công tác tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng quản trị phải thông báo cho Tổng Giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực.
2. Cuộc họp Hội đồng quản trị:
    a. Các thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết. Ban Kiểm soát có thể cử thành viên tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị;
    b. Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị có thể tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị (nếu nhận được Thông báo mời họp), có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết. Tổng Giám đốc có thể trực tiếp hoặc cử thành viên khác của Ban Tổng Giám đốc tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị;

c. Người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và/hoặc Tổng Giám đốc. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo, biên bản họp và thông báo kết quả buổi họp phải được gửi đến Ban Kiểm soát và/hoặc Tổng Giám đốc theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

3. Cuộc họp Ban Kiểm soát: Khi xét thấy cần thiết, Ban Kiểm soát có thể mời thành viên Hội đồng quản trị và/hoặc Tổng Giám đốc tham gia cuộc họp của Ban Kiểm soát để thảo luận về những vấn đề liên quan. Việc gửi Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo, biên bản họp và thông báo kết quả buổi họp phải được gửi đến thành viên Hội đồng quản trị và/hoặc Tổng Giám đốc theo phương thức như đối với đến các thành viên Ban Kiểm soát;

4. Cuộc họp Ban Tổng Giám đốc: Khi xét thấy cần thiết, Tổng Giám đốc có thể mời thành viên Hội đồng quản trị và/hoặc thành viên Ban Kiểm soát tham gia cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc. Việc gửi Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo, biên bản họp và thông báo kết quả buổi họp phải được gửi đến thành viên Hội đồng quản trị và/hoặc thành viên Ban Kiểm soát theo phương thức như đối với đến các thành viên Ban Tổng Giám đốc;

5. Hội đồng quản trị cũng có thể tổ chức họp bất thường giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc vào những thời điểm khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích Công ty;

6. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng văn bản và có các nội dung chủ yếu sau đây:

   a. Tên, trụ sở chính;

   b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;

   c. Thời gian, địa điểm họp;

   d. Họ tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ tên các thành viên không dự họp và lý do;

   e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

   f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

   g. Các vấn đề đã được chủ toạ kết luận;

   h. Họ tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

7. Căn cứ nội dung biên bản họp, người ghi biên bản phối hợp các bộ phận liên quan soạn thảo Thông báo kết quả cuộc họp. Thông báo kết quả cuộc họp được ký, ban hành trong thời hạn không chậm hơn ba (03) ngày làm việc kể từ khi kết thúc cuộc họp. Người ký Thông báo kết quả cuộc họp là chủ tọa cuộc họp.

Điều 71. Thông báo nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban Kiểm soát

Hội đồng quản trị thực hiện thông báo nghị quyết/quyết định cho Ban Kiểm soát theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ Công ty.

Điều 72. Thông báo nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị thực hiện thông báo nghị quyết/quyết định cho Tổng Giám đốc theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ Công ty.

Điều 73. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

1. Ban Kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
    a. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên;
    b. Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty của thành viên Ban Kiểm soát không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty;
    c. Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác mà sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật hiện hành những người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả.
2. Tổng Giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
    a. Khi xét thấy các quyền của Tổng Giám đốc theo quy định không được thực thi;
    b. Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của những người điều hành doanh nghiệp khác mà sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị những người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quảĐề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại điểm a) và điểm b) khoản này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty, người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 74. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo tình hình, tiến độ thực hiện và kết quả hoạt động đối với nhiệm vụ và quyền hạn được giao bởi Hội đồng quản trị. Việc báo cáo phải được duy trì định kỳ hàng quý và hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất của Hội đồng quản trị;
2. Khi cần thiết, Hội đồng quản trị có quyền thông qua truyền đạt của Tổng Giám đốc yêu cầu các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Trưởng, Phó phòng ban Công ty báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Điều 75. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc

1. Định kỳ (quý, sáu (06) tháng, năm), Tổng Giám đốc phải tổ chức họp Ban Tổng Giám đốc để kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
2. Biên bản họp phải lưu trữ, làm cơ sở trích dẫn, đưa thông tin vào các báo cáo của Ban Tổng Giám đốc.

Điều 76. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

1. Kết quả thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty; kế hoạch kinh doanh hàng năm đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
2. Báo cáo hoạt động điều hành Công ty, trong đó cung cấp chi tiết tình hình tổ chức và hoạt động của Công ty;
3. Trước ngày 01 tháng 12 hằng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính kế tiếp;
4. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
5. Kiến nghị số lượng nhân sự quản lý, các chức danh khác mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết, nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định chính sách về công tác nhân sự quản lý;
6. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, chính sách và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động;
7. Chuẩn bị và dệ trình để Hội đồng quản trị thông qua các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng phục vụ hoạt động quản lý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh.

Các báo cáo, tài liệu kèm theo phải được lập và gửi bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát. Trong trường hợp cấp bách, có thể sử dụng hình thức điện thoại, fax, bút

phê và các phương tiện khác theo quy định của Công ty và pháp luật để gửi và xử lý báo cáo, xin ý kiến để kịp thời giải quyết công việc.

Điều 77. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho nhau làm việc theo dúng Điều lệ Công ty, quy chế làm việc và kế hoạch hoạt động chung;
2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc không can thiệp vào công việc điều hành theo hệ thống chức năng nhiệm vụ khác nhau của mỗi tổ chức;
3. Trường hợp cấp bách, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc có thể thông tin ngay (bằng gặp gỡ, điện thoại, email) cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hay Trưởng Ban Kiểm soát hay Tổng Giám đốc hay cả ba (03) người để được giải quyết hiệu quả.

CHƯƠNG VII

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 78. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc

1. Hằng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác.
2. Trưởng Ban kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Ban kiểm soát.
3. Tổng Giám đốc chủ trì công tác đánh giá các cán bộ quản lý (do Tổng Giám đốc ký quyết định bổ nhiệm) trên cơ sở căn cứ vào các quy định của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng bộ phận/đơn vị/toàn Công ty để phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo các mức sau:
    a. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;
    b. Hoàn thành nhiệm vụ;
    c. Chưa hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 79. Khen thưởng

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành; Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị (đối với bộ máy điều hành) để

xuất mức khen thưởng đối với các cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo quy định tại Điều 61 Quy chế này.

2. Chế độ khen thưởng:

   a. Bằng tiền;

   b. Bằng cổ phiếu hoặc hình thức khác (nếu có).

3. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng, Quỹ thưởng của cổ đông khi lợi nhuận vượt.

4. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.

Điều 80. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người điều hành khác và cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Người điều hành khác và cán bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII
BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 81. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho cổ đông và cho công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế công bố thông tin của Công ty. Ngoài ra Công ty phải công bố kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin khác nếu thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 82. Công bố thông tin về quản trị Công ty

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty trong các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, tối thiểu phải bao gồm những thông tin sau:
   a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
   b. Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
   c. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành;
   d. Hoạt dộng của các tiểu ban của Hội đồng quản trị;
   e. Những kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty;
   f. Thù lao và chi phí cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc và thành viên Ban kiểm soát;
   g. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên;
   h. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đã tham gia đào tạo về quản trị công ty;
   i. Những diểm chưa thực hiện theo quy định của Quy chế, nguyên nhân và giải pháp.
2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ 06 tháng và công bố thông tin tình hình quản trị Công ty theo quy định của pháp luật cho Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán. Đồng thời, có nghĩa vụ phải đăng tải các báo cáo tình hình quản trị công ty này trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 83. Tổ chức công bố thông tin

1. Công ty tổ chức công bố thông tin gồm một số nội dung chủ yếu sau:
   a. Xây dựng ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn. Đồng thời đề cử ít nhất một cán bộ chịu trách nhiệm là dầu mối công bố thông tin;
   b. Cán bộ chuyên chịu trách nhiệm là đầu mối công bố thông tin có thể là Thư ký Công ty hoặc một cán bộ quản lý kiêm nhiệm.
2. Cán bộ chịu trách nhiệm là đầu mối công bố thông tin phải là người:
   a. Có kiến thức tài chính, kế toán, có kỹ năng nhất định về tin học;
   b. Công khai tên, số diện thoại làm việc, cmail để Ủy ban Chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán, các cơ quan có thẩm quyền khác và các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;

c. Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là liên hệ với các cổ đông, ghi nhận ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị Công ty theo quy định.

2. Chịu trách nhiệm về công bố các thông tin của Công ty với Ủy ban Chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán, các cơ quan có thẩm quyền khác và công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IX

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 84. Báo cáo

Định kỳ hàng năm, Công ty phải có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về việc thực hiện quản trị Công ty theo quy định của Quy chế công bố thông tin với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 85. Giám sát

Các đơn vị, các cá nhân, tổ chức liên quan và các cổ đông Công ty phải chịu sự giám sát về quản trị Công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 86. Xử lý vi phạm

Trường hợp các đơn vị, các cá nhân và tổ chức liên quan vi phạm hoặc không thực hiện quy định tại quy chế này tùy theo tính chất và mức độ sẽ xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG X
SỬA ĐỔI BỔ SUNG QUY CHẾ

Điều 87. Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị Công ty phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Trong quá trình thực hiện có những vấn đề mới phát sinh mà xét thấy cần thiết phải sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty, Công ty có thể trình Hội đồng quản trị họp xem xét, quyết định.

3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 88. Điều khoản thi hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Trưởng bộ phận các phòng, ban, các đơn vị trực thuộc Công ty, các cổ đông và cán bộ, công nhân viên của Công ty có trách nhiệm tuân thủ Quy chế này.

Điều 89. Hiệu lực

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế số 1 bao gồm 11 chương, 89 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 04 năm 2026.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHẠM HÙNG CƯỜNG

CTCP XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1 (DECOFI)	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 14./2026/TT/DCF-HĐQT	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2026*

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v: Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1;*
- *Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1 ban hành theo Nghị quyết số 0001/2021/NQ-ĐHCĐ ngày 16/04/2021.*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1, cụ thể như sau:

1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty theo nội dung chính trình bày tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này; những sửa đổi, bổ sung về nội dung không làm thay đổi cách hiểu, ý nghĩa của Quy chế cũ và những sửa đổi, bổ sung liên quan đến thể thức, cách sử dụng số Chương, Mục, Điều phù hợp với nội dung đã sửa đổi.
2. Thông qua việc ban hành toàn văn Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty chi tiết tại dự thảo Quy chế đính kèm.
3. Giao Hội đồng quản trị của Công ty tổ chức hoàn thiện và ký ban hành toàn văn Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1 mới. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực kể từ

ngày được ký ban hành, thay thế cho toàn văn Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận và thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- *Như trên;*
- *Lưu VP.HĐQT.*

PHẠM HÙNG CƯỜNG

PHỤ LỤC: MỘT SỐ NỘI DUNG CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO, CĂN CỨ
1	**Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị** *"1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.* *2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:* *a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;* *b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;* *c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;* *d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;* *e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật."*	Bổ sung khoản 3 **Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị** như sau: *"1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của **Luật Doanh nghiệp**, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.* *2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:* *a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;* *b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;* *c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;* *d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;* *e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.*	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán ("Nghị định 245").

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO, CĂN CỨ
		3. Từng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty (khi đã niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán) phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị."	
2	**Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị** *"1. Hội đồng quản trị có ít nhất là 05 người và nhiều nhất là 11 người. Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.* *2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.* *3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc."*	Bổ sung khoản 4 **Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị** như sau: *"1. Hội đồng quản trị có ít nhất là 05 người và nhiều nhất là 11 người. Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.* *2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.* *3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.* ***4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập."***	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng được ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành nhằm hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán ("Thông tư 116).
3	Khoản 1 **Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị** *"1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:* *a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;* *b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;*	Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 **Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị** như sau: *"1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:* *a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;* *b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;*	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với Nghị định 245.

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO, CĂN CỨ
	c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của tối đa 05 công ty khác."	*c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị **hoặc thành viên Hội đồng thành viên** của tối đa 05 công ty khác."*	
4	**Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**	**Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**	
	Khoản 4: *"1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:* *a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;* *b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất."*	Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau: *"1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:* ***a. Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.*** *b. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;* ***c. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 36 của Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Quy chế này;*** *d. Trừ trường hợp quy định tại **điểm a, điểm b, điểm** c khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất."*	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO, CĂN CỨ
5	Khoản 1 **Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị** *"1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:* *a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;* *b. Trình độ chuyên môn;* *c. Quá trình công tác;* *d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);* *e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;* *f. Các thông tin khác (nếu có).* *Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).*	Sửa đổi, bổ sung khoản 1 **Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị** như sau: *"1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:* *a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;* *b. Trình độ chuyên môn;* *c. Quá trình công tác;* *d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị, **Hội đồng thành viên** của công ty khác);* *e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;* *f. Các thông tin khác (nếu có) **theo quy định tại Điều lệ Công ty**.* *Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, **thành viên Hội đồng thành viên** các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).*	Sửa đổi, bổ sung hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.
6	**Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**	**Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:**	

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO, CĂN CỨ
	Khoản 2: *"2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:* *...* *h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty,* ***và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;***	*Sửa đổi, bổ sung khoản 2* ***Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị như sau:*** *"2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:* *...* *h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty,* ***trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d) khoản 2 Điều 138, khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*** *..."*	Sửa đổi, bổ sung hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.
7	Khoản 1 **Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch** *"1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:* *- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;* *- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;*	Sửa đổi, bổ sung khoản 1 **Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch** như sau: *"1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có* ***giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty*** *giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:*	Sửa đổi, bổ sung hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO, CĂN CỨ
	- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp."	*- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;* *- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;* *- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp."*	
	Khoản 2: *"2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;"*	Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau: *"2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường* *a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo* ***quy định của pháp luật*** *hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;* ***b. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số quy định tại Điều lệ Công ty;*** ***c. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 6 và điểm c khoản 4 Điều 8 Quy chế này."***	Sửa đổi, bổ sung hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.
8	**Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị**	**Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị.**	
	Khoản 3: *"3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:*	Bổ sung khoản 3 như sau: *"15.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:*	Bổ sung quy định cho phép Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị khi cần thiết vì lợi ích Công ty nhằm bảo đảm phù hợp

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO, CĂN CỨ
	a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị; *b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;* *c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;* *d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định."*	*a) Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;* *b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;* *c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;* ***d) Khi xét thấy cần thiết vì lợi ích Công ty;*** *e) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định."*	với Dự thảo Điều lệ Công ty.
		Bổ sung khoản 12 như sau: ***"12. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức trực tuyến hoặc hình thức khác giữa tất cả hoặc một số thành viên Hội đồng quản trị đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là từng thành viên Hội đồng quản trị đều có thể:*** ***a) Nghe được rõ ràng từng thành viên Hội đồng quản trị còn lại tham gia phát biểu trong cuộc họp;*** ***b) Nếu muốn, thành viên Hội đồng quản trị đó có thể phát biểu đồng thời với tất cả các thành viên Hội đồng quản trị còn lại.*** ***Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một (01) nhóm như vậy, là địa điểm mà chủ tọa cuộc họp hiện diện."***	Sửa đổi, bổ sung hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.
		Bổ sung khoản 13 như sau: ***"13. Tổ chức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản*** ***a) Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản;***	Sửa đổi, bổ sung hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO, CĂN CỨ
		b) Chủ tịch Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết/quyết định về các vấn đề cần lấy ý kiến, các tài liệu liên quan đến các vấn đề cần lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và các tài liệu kèm theo như vậy phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc/địa chỉ thư điện tử/thông tin liên hệ khác của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty; *c) Phiếu lấy ý kiến phải tối thiểu bao gồm các nội dung sau: (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty; (ii) Họ, tên của thành viên Hội đồng quản trị; (iii) (Các) nội dung cần lấy ý kiến; (iv) Phương án biểu quyết, bao gồm: Tán thành, không tán thành và không có ý kiến; (v) Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Công ty; (vi) Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;* *d) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị và được gửi về và tiếp nhận tại địa chỉ trụ sở chính/thư điện tử/thông tin liên hệ khác của Công ty (tuỳ vào hướng dẫn tại phiếu lấy ý kiến) chậm nhất vào ngày kết thúc thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Công ty. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời gửi về Công ty được kiểm ngay khi nhận được và vấn đề lấy ý kiến có thể được thông qua ngay sau khi nhận đủ số phiếu Tán thành cần thiết mà không cần phải đợi đến hết ngày kết thúc thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Công ty;* *e) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người kiểm phiếu khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ định thực hiện thủ tục kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty; (ii) (Các) nội dung cần lấy ý kiến; (iii) Tổng số phiếu gửi đi, tổng số phiếu thu về, số phiếu hợp lệ,*	

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO, CĂN CỨ
		số phiếu biểu quyết không hợp lệ; (iv) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được lấy ý kiến; (v) Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu, người giám sát kiểm phiếu (nếu có). Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia biểu quyết; ***f) Chủ tịch Hội đồng quản trị, người tham gia vào việc kiểm phiếu, giám sát việc kiểm phiếu ý kiến của thành viên Hội đồng quản trị phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các nghị quyết/quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;*** ***g) Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu."***	
9	Khoản 2 **Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị:** *"2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực."*	Bổ sung như tại khoản 2 **Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị** như sau: *"2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a), b), c), d), e), f), g) và h) khoản 16.1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.* ***Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo***	Sửa đổi, bổ sung hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO, CĂN CỨ
		quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan."	
10	Khoản 1 **Điều 17. Trình báo cáo hằng năm:** *"1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:* *a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;* *b) Báo cáo tài chính;* *c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;* *d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát."*	Sửa đổi khoản 1 **Điều 17. Trình báo cáo hằng năm:** *"1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:* *a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;* *b) Báo cáo tài chính* ***được kiểm toán;*** *c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;* *d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát."*	Sửa đổi, bổ sung hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.
11	**Điều 23. Hiệu lực thi hành**	Bổ sung khoản 2, 3, 4 **Điều 23. Hiệu lực thi hành** ***"2. Các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức và triển khai thực hiện theo đúng quy định tại Quy chế này.*** ***3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế số 1 có thay đổi chưa được đề cập trong Quy chế này, hoặc có những quy định mới của pháp luật trái với những điều khoản trong bản Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Hội đồng quản trị cho đến khi có Quy chế sửa đổi bổ sung/thay thế.*** ***4. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền đề xuất các nội dung cần sửa đổi bổ sung, Chủ tịch Hội đồng quản trị tổng hợp, điều chỉnh cho phù hợp với quy định của pháp luật từng thời kỳ và hoạt động của Công ty. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế quy chế này phải được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất."***	Sửa đổi, bổ sung hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

DECOFI

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1

TP. Hồ Chí Minh, tháng 04 năm 2026

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:
   a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
   b. Tham dự đầy dủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
   c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
   d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Từng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty (khi đã niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán) phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có ít nhất là 05 người và nhiều nhất là 11 người. Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

   a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

   b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

   c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên của tối đa 05 công ty khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

   a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

   b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư

trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
   a. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
   b. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
   c. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
   d. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp.
   e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
   a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
   b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
   c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
   a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
   b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
   a. Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.

b. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

c. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 36 của Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Quy chế này;

d. Trừ trường hợp quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

   a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

   b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng

của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

   a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

   b. Trình độ chuyên môn;

   c. Quá trình công tác;

   d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty khác);

   e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

   f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty.

   Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

   a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán trái phiếu của Công ty. Quyết định giá bán cổ phần của Công ty trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;

q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị, đảm bảo có các nội dung sau:

a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 163 Luật Doanh nghiệp, Điều 38 Điều lệ Công ty và Điều 18 Quy chế này.

b. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.

c. Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời hạn 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị (khi đã niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán).

e. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có).

f. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc.

g. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác.

h. Các kế hoạch trong tương lai.

4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
   a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
   b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
   c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
   d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
   e. Các trường hợp khác theo quy định tại khoản 3 Điều 6, khoản 4 Điều 8 Quy chế này, theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
   a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;
   b. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số quy định tại Điều lệ Công ty;
   c. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có

liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 6 và điểm c khoản 4 Điều 8 Quy chế này.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
   a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
   b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
   c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
   d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
   e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
   f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
   g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật Doanh nghiệp;
   h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

CHƯƠNG IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

   a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

   b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

   c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

   d. Khi xét thấy cần thiết vì lợi ích Công ty;

   e. Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

   a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

   b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

   c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức trực tuyến hoặc hình thức khác giữa tất cả hoặc một số thành viên Hội đồng quản trị đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là từng thành viên Hội đồng quản trị đều có thể:

a. Nghe được rõ ràng từng thành viên Hội đồng quản trị còn lại tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Nếu muốn, thành viên Hội đồng quản trị đó có thể phát biểu đồng thời với tất cả các thành viên Hội đồng quản trị còn lại.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một (01) nhóm như vậy, là địa điểm mà chủ tọa cuộc họp hiện diện.

13. Tổ chức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản;

b. Chủ tịch Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết/quyết định về các vấn đề cần lấy ý kiến, các tài liệu liên quan đến các vấn đề cần lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và các tài liệu kèm theo như vậy phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc/địa chỉ thư điện tử/thông tin liên hệ khác của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty;

c. Phiếu lấy ý kiến phải tối thiểu bao gồm các nội dung sau: (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty; (ii) Họ, tên của thành viên Hội đồng quản trị; (iii) (Các) nội dung cần lấy ý kiến; (iv) Phương án biểu quyết, bao gồm: Tán thành, không tán thành và không có ý kiến; (v) Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Công ty; (vi) Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

d. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị và được gửi về và tiếp nhận tại địa chỉ trụ sở chính/thư điện tử/thông tin liên hệ khác của Công ty (tuỳ vào hướng dẫn tại phiếu lấy ý kiến) chậm nhất vào

ngày kết thúc thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Công ty. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời gửi về Công ty được kiểm ngay khi nhận được và vấn đề lấy ý kiến có thể được thông qua ngay sau khi nhận đủ số phiếu Tán thành cần thiết mà không cần phải đợi đến hết ngày kết thúc thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Công ty;

c. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người kiểm phiếu khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ định thực hiện thủ tục kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty; (ii) (Các) nội dung cần lấy ý kiến; (iii) Tổng số phiếu gửi đi, tổng số phiếu thu về, số phiếu hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ; (iv) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được lấy ý kiến; (v) Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu, người giám sát kiểm phiếu (nếu có). Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia biểu quyết;

f. Chủ tịch Hội đồng quản trị, người tham gia vào việc kiểm phiếu, giám sát việc kiểm phiếu ý kiến của thành viên Hội đồng quản trị phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các nghị quyết/quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

g. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

   b. Thời gian, địa điểm họp;

   c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;

   d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

   e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

   f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

   g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên dới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

   a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;

   b. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán;

   c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;

   d. Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty phải được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

3. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

4. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

   a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

   b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải

được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế số 1 bao gồm 7 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày .... tháng 04 năm 2026.
2. Các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức và triển khai thực hiện theo đúng quy định tại Quy chế này.
3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế số 1 có thay đổi chưa được đề cập trong Quy chế này, hoặc có những quy định mới của pháp luật trái với những điều khoản trong bản Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Hội đồng quản trị cho đến khi có Quy chế sửa đổi bổ sung/thay thế.
4. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền đề xuất các nội dung cần sửa đổi bổ sung, Chủ tịch Hội đồng quản trị tổng hợp, điều chỉnh cho phù hợp với quy định của pháp luật từng thời kỳ và hoạt động của Công ty. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế quy chế này phải được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHẠM HÙNG CƯỜNG

CTCP XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1 (DECOFI)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 15./2026/TT/DCF-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2026

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v: Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1;*
- *Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 0001/2021/NQ-ĐHCĐ ngày 16/04/2021.*

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1, cụ thể như sau:

1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty theo nội dung chính trình bày tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này; những sửa đổi, bổ sung về nội dung không làm thay đổi cách hiểu, ý nghĩa của Quy chế cũ và những sửa đổi, bổ sung liên quan đến thể thức, cách sử dụng số Chương, Mục, Điều phù hợp với nội dung đã sửa đổi.
2. Thông qua việc ban hành toàn văn Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty chi tiết tại dự thảo Quy chế đính kèm.
3. Giao Ban kiểm soát của Công ty tổ chức hoàn thiện và ký ban hành toàn văn Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1 mới. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực kể từ ngày được ký

ban hành, thay thế cho toàn văn Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát hiện hành. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận và thông qua./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *Lưu VP.HĐQT, BKS.*

TRẦN THỊ BÌNH AN

PHỤ LỤC: MỘT SỐ NỘI DUNG CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO, CĂN CỨ
1	**Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát** *"1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.* *2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.* *3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.* *4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.* *5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.* *6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải*	Bổ sung khoản 7 **Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát** như sau: *"1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.* *2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.* *3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.* *4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.* *5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.* *6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì*	Sửa đổi, bổ sung hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO, CĂN CỨ
	thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả."	*phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả* ***7. Quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát."***	
2	**Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát** *"1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.* *2. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.* *3. Trưởng Ban kiểm soát có quyền và nghĩa vụ sau đây:* *a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;* *b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;* *c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông."*	Bổ sung điểm d khoản 3 **Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát** như sau: *"1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.* *2. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.* *3. Trưởng Ban kiểm soát có quyền và nghĩa vụ sau đây:* *a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;* *b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;*	Sửa đổi, bổ sung hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO, CĂN CỨ
		c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông ***d. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật."***	
3	**Điều 7. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát** *"1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:* *a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp;* *b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.* *2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:* *a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;* *b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;* *c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;* *d. Trường hợp khác theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông."*	Sửa đổi, bổ sung **Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát** như sau: *"1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:* *a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;* *b. Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.* *2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết*	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với Quy chế mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng được ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành nhằm hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán ("Thông tư 116").

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO, CĂN CỨ
		theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật."	
4	**Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát** *"1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:* *a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;* *b. Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên*	Sửa đổi **Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát** như sau: *"1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.* *2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số*	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với Quy chế mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng được ban hành kèm theo Thông tư số 116.

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO, CĂN CỨ
	còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử. *2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.* *3. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.*	*phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty."* Bổ sung **Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát** như sau: *"1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:* *a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp;* *b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.* *2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:* *a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;* *b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;* *c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;* *d. Trường hợp khác theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;* *e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty."*	

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO, CĂN CỨ
	4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông."		
5	**Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát:** *"1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành.* *2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.* *3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.* *4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.* *5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông*	Sửa đổi **Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát** như sau: *"Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quyền nghĩ vụ sau:* *1. Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.* *2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.* *3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.* *4.Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.*	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với Quy chế mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng được ban hành kèm theo Thông tư số 116.

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO, CĂN CỨ
	quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, đối với các vấn đề sau: *a. Sử dụng bảo toàn và phát triển vốn kinh doanh, hiệu quả của việc sử dụng vốn, tài sản; kịp thời phát hiện, thông báo Hội đồng quản trị ngăn chặn việc sử dụng vốn, tài sản sai mục đích, sai quy chế;* *b. Quản lý tài chính trong việc mua sắm, điều chuyển, nhượng bán, thanh lý, cho thuê, cầm cố, thế chấp tài sản, khấu hao tài sản cố định;* *c. Quản lý doanh thu, chi phí và giá thành sản phẩm, dịch vụ, lợi nhuận và phân chia lợi nhuận sau thế, chế độ lập và sử dụng các quỹ của Công ty;* *d. Thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước của Công ty, các khoản vay, nợ trả trong và ngoài nước;* *e. Thực hiện chế độ hạch toán kế toán của Công ty;* *f. Các vấn đề có liên quan khác.* *6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.*	*5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.* *6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.* *7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.* *8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định về trách nhiệm của người quản lý công ty theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi*	

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO, CĂN CỨ
	7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. *8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định về trách nhiệm của người quản lý công ty theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.* *9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.* *10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.* *11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.* *12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.* *13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.* *14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.*	*phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.* *9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.* *10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.* *11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.* *12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.* *13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.* *14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.* *15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.* *16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.*	

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO, CĂN CỨ
	15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị. *16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.* *17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.* *18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.* *19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.* *20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.* *21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.*	*17. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.* *18. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.* *19. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông."*	

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO, CĂN CỨ
	22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. *23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.* *24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.* *25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông."*		
2	**Điều 12. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường** *"1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường khi xảy ra các trường hợp sau đây:* *a. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;* *b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;*	Bổ sung điểm d khoản 1 **Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường** như sau: *"1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường khi xảy ra các trường hợp sau đây:* *a. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;*	Sửa đổi, bổ sung hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO, CĂN CỨ
	c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện. *2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.* *3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại."*	*b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;* *c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện;* ***d. Các trường hợp khác theo quy của pháp luật và Điều lệ Công ty.*** *2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.* *3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại."*	
1	**Điều 21. Hiệu lực thi hành** *"Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Xây dựng và Thiết kế số 1 bao gồm 07 chương, 21 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 04 năm 2021."*	Sửa đổi, bổ sung **Điều 22. Hiệu lực thi hành** như sau: *"1. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế số 1 bao gồm 07 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng 04 năm 2026.* ***2. Các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức và triển khai thực hiện theo đúng quy định tại Quy chế này.*** ***3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế số 1 có thay đổi chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc có những điều***	Sửa đổi, bổ sung hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO, CĂN CỨ
		khoản trong bản Quy chế này trái với quy định của pháp luật thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Ban Kiểm soát cho đến khi có Quy chế sửa đổi bổ sung/thay thế. *4. Các thành viên Ban Kiểm soát có quyền đề xuất các nội dung cần sửa đổi bổ sung, Trưởng Ban Kiểm soát tổng hợp, điều chỉnh cho phù hợp với quy định của pháp luật từng thời kỳ và hoạt động của Công ty. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế quy chế này phải được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất."*	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DECOFI

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1

TP. Hồ Chí Minh, tháng 04 năm 2026

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.
7. Quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và diều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
4. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
5. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
6. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
7. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
2. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
3. Trưởng Ban kiểm soát có quyền và nghĩa vụ sau đây:
    a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
    b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
    c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông;

d. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ dông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

   a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

   b. Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội dồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:

   c. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp;

d. Có đơn từ chức và được chấp thuận.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d. Trường hợp khác theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ chuyên môn;

c. Quá trình công tác;

d. Các chức danh quản lý khác;

e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

f. Các thông tin khác (nếu có);

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quyền nghĩ vụ sau:

1. Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định về trách nhiệm của người quản lý công ty theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo

cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
18. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
19. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
   a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
   b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
   c. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường khi xảy ra các trường hợp sau đây:
   a. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
   b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
   c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện;
   d. Các trường hợp khác theo quy của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Ban kiểm soát phải lập Báo cáo thẩm định đối với các báo cáo của Hội đồng quản trị quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 175 Luật doanh nghiệp.

2. Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát cùng với các báo cáo khác quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 175 Luật doanh nghiệp của Hội đồng quản trị phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

3. Các báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

   a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

   b. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;

   c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;

   d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HIội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người diều hành khác của Công ty và những người có liên quan của đối tượng dó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong dó thành viên HIội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), người diều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

   e. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người diều hành khác của doanh nghiệp;

   f. Kết quả dánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

Điều 17. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn dộc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ dông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ dông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

   a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

   b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với Ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế số 1 bao gồm 07 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày …. tháng 04 năm 2026.
2. Các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức và triển khai thực hiện theo đúng quy định tại Quy chế này.
3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế số 1 có thay đổi chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc có những điều khoản trong bản Quy chế này trái với quy định của pháp luật thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Ban Kiểm soát cho đến khi có Quy chế sửa đổi bổ sung/thay thế.
4. Các thành viên Ban Kiểm soát có quyền đề xuất các nội dung cần sửa dổi bổ sung, Trưởng Ban Kiểm soát tổng hợp, điều chỉnh cho phù hợp với quy định của pháp luật từng thời kỳ và hoạt động của Công ty. Việc sửa dổi, bổ sung hoặc thay thế quy chế này phải được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

TRẦN THỊ BÌNH AN

CTCP XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1 (DECOFI)	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 11/2026/TT/DCF-HĐQT	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2026*

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(V/v: Miễn nhiệm/bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát)

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thi hành;*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1;*
- *Đơn từ nhiệm của ông Vũ Ngọc Tuệ – Thành viên Ban kiểm soát.*

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1 kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung một (01) thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024 – 2029 như sau:

- Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát đối với Ông Vũ Ngọc Tuệ kể từ ngày 14/04/2026.
- Bầu bổ sung một (01) thành viên Ban kiểm soát. Nhiệm kỳ thành viên Ban kiểm soát trúng cử tương dương nhiệm kỳ của các thành viên đương nhiệm (2024 – 2029) và bắt đầu từ ngày 14/04/2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *Lưu VP.HĐQT.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHẠM HÙNG CƯỜNG

CTCP XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1 (DECOFI)	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 19/2026/TT/DCF-HĐQT	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2026*

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(V/v: Danh sách ứng cử viên bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2029)

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thi hành;*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1;*
- *Quy chế bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị độc lập và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024 – 2029;*
- *Hồ sơ tham gia đề cử/ứng cử của các cổ đông.*

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1 kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét thông qua Danh sách ứng viên tham gia bầu cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024 – 2029 như sau:

1. Ông: Lê Cao Cảnh

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *Lưu VP.HĐQT.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHẠM HÙNG CƯỜNG

M.S.D.N: 16798 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

QUY CHẾ
BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ 2024 - 2029

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;*
- *Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1.*

Hội đồng quản trị xây dựng Quy chế bầu cử bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2024 - 2029 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế số 1 như sau:

I. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ/ TỪ VIẾT TẮT

- DECOFI: Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1
- Công ty: Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1
- HĐQT: Hội đồng quản trị
- BKS: Ban Kiểm soát
- BTC: Ban Tổ chức Đại hội
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu: Cổ đông, người đại diện (người được uỷ quyền)

II. CHỦ TOẠ TẠI ĐẠI HỘI

Chủ toạ tại Đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với các việc cụ thể như sau:

- Giới thiệu danh sách đề cử/ứng cử vào BKS nhiệm kỳ 2024 - 2029;
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có).

III. SỐ LƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN LÀM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Số lượng và nhiệm kỳ:

- Số lượng thành viên BKS được bầu bổ sung: 01 người.
- Nhiệm kỳ thành viên BKS: 2024 – 2029.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện của ứng cử viên thành viên Ban Kiểm soát

- Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.
- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc

hoặc Tổng Giám đốc và người quản lý khác.

- Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.
- Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

IV. NGUYÊN TẮC BẦU CỬ

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty.
- Ban Kiểm phiếu do Chủ toạ đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua. Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào BKS.

V. QUY ĐỊNH ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ

- Trường hợp đã xác định được trước ứng cử viên, thông tin liên quan đến các ứng cử viên BKS được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên BKS phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên BKS. Thông tin liên quan đến ứng cử viên BKS được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

  a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

  b) Trình độ chuyên môn;

  c) Quá trình công tác;

  d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh BKS của công ty khác);

  e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

  f) Các thông tin khác (nếu có);

  Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên BKS, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên BKS (nếu có).

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên BKS.
- Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của BKS. Việc BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết thành viên BKS theo quy định của pháp luật.

VI. HỒ SƠ THAM GIA ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ VÀO BAN KIỂM SOÁT

Hồ sơ đề cử, ứng cử vào Ban Kiểm soát gồm những nội dung sau:

- Bản chính Đơn đề cử ứng cử viên/ Đơn ứng cử tham gia BKS hoặc trong đó có cam kết các ứng cử viên đảm bảo được các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và của Điều lệ DECOFI (theo mẫu);
- Bản chính Thông tin ứng viên BKS (theo mẫu);
- Bản sao văn bằng chứng chỉ chứng minh trình độ chuyên môn;
- Bản chính kê khai người có liên quan;
- Bản sao Căn cước công dân hoặc Căn cước hoặc Hộ chiếu có công chứng;
- Địa điểm và thời hạn nhận hồ sơ đề cử, ứng cử.

Để tạo điều kiện cho công tác tổ chức Đại hội, các ứng cử viên vui lòng gửi hồ sơ về trước **16h30 ngày 04/04/2026.** Hồ sơ đề cử được gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện dưới hình thức đảm bảo đến địa chỉ:

Văn phòng HĐQT – Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Sài Gòn, TP.HCM

VII. DANH SÁCH ỨNG CỬ VIÊN

- Dựa vào Hồ sơ đề cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng cử viên, Thư ký Đại hội sẽ lập Danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện quy định để bầu thành viên BKS.

VIII. PHƯƠNG THỨC BẦU CỬ

- Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.
- Mỗi Đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên BKS cần bầu.
- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- Trường hợp phát sinh thêm ứng cử viên trong ngày diễn ra Đại hội, Đại biểu có thể liên hệ với Ban Kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).

IX. PHIẾU BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Nội dung của Phiếu bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát

- Phiếu bầu bổ sung thành viên BKS (Phiếu bầu) là phiếu có ghi mã Đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu treo Công ty.
- Mỗi Đại biểu sẽ được phát một (01) Phiếu bầu bổ sung thành viên BKS. Đại biểu khi được phát phiếu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban Kiểm phiếu.

2. Cách ghi Phiếu bầu

Đại biểu ghi trực tiếp số phiếu biểu quyết cho từng ứng cử viên tuỳ theo tín nhiệm của mình. Số phiếu biểu quyết ghi cho mỗi ứng cử viên có thể khác nhau nhưng tổng số phiếu

biểu quyết cho các ứng cử viên không vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu của cổ đông

3. Tính hợp lệ và không hợp lệ của Phiếu bầu

- Phiếu bầu hợp lệ: Là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho Phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của Đại biểu tham dự.
- Các Phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:
  - Ghi thêm nội dung khác vào Phiếu bầu;
  - Ghi nội dung trên Phiếu bầu bằng bút chì;
  - Gạch tên các ứng cử viên;
  - Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, Phiếu bầu không có dấu treo của Công ty, hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho Phiếu bầu;
  - Bầu nhiều hơn số thành viên BKS so với quy định;
  - Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội thông qua;
  - Phiếu có tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng cử viên lớn hơn tổng số phiếu biểu quyết được phép bầu của Đại biểu;
  - Không có chữ ký và/hoặc không ghi rõ họ tên của Đại biểu tham dự.
- Phiếu trắng: Phiếu không bỏ cho ứng viên nào.

Các Phiếu bầu không hợp lệ và Phiếu trắng sẽ không có giá trị khi kiểm phiếu bầu cử.

4. Bỏ phiếu và Kiểm phiếu

- Trong trường hợp có sự sai sót, cổ đông có thể liên hệ với Ban Kiểm phiếu xin cấp lại Phiếu bầu mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).
- Đại biểu bỏ Phiếu bầu vào thùng phiếu do BTC chuẩn bị.
- Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, việc kiểm phiếu sẽ được tiến hành dưới sự giám sát của BKS hoặc đại diện cổ đông.
- Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Chủ toạ giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).
- Phiếu bầu sau khi kiểm sẽ được lưu trữ theo quy định.

5. Nguyên tắc trúng cử

- Người trúng cử thành viên BKS được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
- Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng (hoặc thành viên duy nhất trong trường hợp chỉ bầu một thành viên) của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số thành viên BKS thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

X. HIỆU LỰC THI HÀNH

Quy chế bầu cử này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua

Quy chế này sẽ hết hiệu lực khi ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1 kết thúc.

Trên đây là toàn bộ nội dung Quy chế bầu cử bổ sung thành viên Ban Kiểm soát của Công ty nhiệm kỳ 2024 – 2029 tại ĐHDCĐ thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Số 1, kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Nơi nhận:
- Cổ đông;
- Lưu VP.HĐQT.

TP.HCM, ngày 18 tháng 4 năm 2026

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0301248798 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHẠM HÙNG CƯỜNG